LÊ THỊ MỸ TRINH - TRẦN LÊ HÂN
NGUYỄN LY NA - NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRẦM

NHỮNG BÀI VĂN MẪU 12

- *Dàn ý chi tiết*
- *Những bài văn trong chương trình Ngữ Văn 12*

Tập 1

Nhà xuất bản
Đại học Quốc gia Hà Nội

LÊ THỊ MỸ TRINH
TRẦN LÊ HÂN
NGUYỄN LY NA
NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRẦM

NHỮNG BÀI VĂN MẪU

12

TẬP MỘT

Biên soạn theo chương trình mới
của Bộ Giáo dục & Đào tạo

- ***Dàn ý chi tiết***
- ***Những bài văn mẫu***

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Quý phụ huynh và các em học sinh thân mến!

Chúng tôi trân trọng giới thiệu đến quý phụ huynh và các em học sinh cuốn ***Những bài văn mẫu 12***. Cuốn sách được biên soạn dựa theo những nội dung trong chương trình *Làm văn 12*, được chia thành hai tập.

Trong cuốn sách này, chúng tôi giới thiệu tất cả các đề văn tiêu biểu cho từng kiểu bài. Với mỗi đề văn, chúng tôi nêu dàn ý chi tiết để học sinh có thể hình dung được cách thức, các bước đi và hướng giải quyết vấn đề nêu ra trong đề bài. Học sinh có thể dựa vào đó để viết thành một bài văn hoàn chỉnh. Sau dàn ý chi tiết là bài văn mẫu để các em học sinh tham khảo. Các em có thể đối chiếu bài viết của mình dựa trên dàn ý chi tiết với bài viết mẫu này để rút ra những kinh nghiệm cho việc giải quyết một đề văn.

Cần lưu ý là khái niệm "mẫu" ở đây chỉ mang tính chất tham khảo để học sinh chọn cho mình một cách viết, các diễn đạt phù hợp nhất với mỗi đề văn chứ không phải để học sinh chép lại. Chính vì vậy, cuốn sách này có thể dùng được cho cả chương trình chuẩn và chương trình nâng cao.

Đây là cuốn sách rất bổ ích cho việc học tập và rèn luyện khả năng viết văn của các em. Chúng tôi hi vọng cuốn sách này sẽ mang lại cho các em những điều bổ ích và thiết thực.

Nhóm tác giả

Bệnh thành tích - một "căn bệnh" gây tác hại không nhỏ đối với sự phát triển của xã hội ta hiện nay. Anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ của mình về "căn bệnh" đó.

I. DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu về bệnh thành tích, một căn bệnh gây nguy hại cho xã hội đang ngày càng lan rộng.

2. Thân bài

– Thành tích là gì? (là kết quả tốt đẹp đạt nhờ sự nỗ lực). Vai trò của thành tích (tác dụng tích cực).

– Bệnh thành tích là gì? (Làm việc mà không quan tâm đến thực tế, không suy nghĩ về hậu quả lâu dài chỉ chăm chú đến vẻ bề ngoài, đến việc đạt được những chỉ tiêu một cách khiên cưỡng).

–Tác hại của bệnh thành tích:

+ Gây ra sự đối lập giữa hình thức và thực tế, vấn đề bản chất không được quan tâm mà chủ yếu tập trung vào "bề nổi".

+ Là nguồn gốc của những sai trái, gian lận trong kiểm tra, đánh giá tiếp tay cho tham nhũng, quan liệu.

– Nguyên nhân của bệnh thành tích:

+ Tật xấu "con gà tức nhau tiếng gáy", đốt cháy giai đoạn muốn có thành tích ngay.

+ Sự quản lí thiếu sát sao của các cấp lãnh đạo, hình thức trong quản lí, chỉ quan tâm đến văn bản, báo cáo.

– Giải pháp:

+ Cần chú ý đến hậu quả lâu dài, tránh "ăn xổi ở thì".

+ Các cấp lãnh đạo phải sát sao, thực tế hơn, điều chỉnh quản lí.

3. Kết bài

Khẳng định tầm quan trọng của việc khắc phục bệnh thành tích. Đó là công việc của toàn xã hội.

II. BÀI LÀM

Trong thực tế, ai cũng thích, cũng mong muốn được khen ngợi, được ghi nhận, được thành danh. Có người vì thế mà nỗ lực phấn đấu để biến đổi về chất. Song đáng buồn lại có những người muốn rút ngắn con đường để bước đến vinh quang mà ăn xổi ở thì, không chăm lo cho thực tế chỉ có tô vẽ bề ngoài để được khen thưởng. Đáng buồn hơn, chúng ngày càng phổ biến và trở thành một căn bệnh xã hội. Bệnh thành tích.

Thực chất, thành tích là kết quả được đánh giá tốt do nỗ lực mà đạt được vậy, thành tích là nhằm để biểu dương, nêu gương những kết quả

thực tế tốt đẹp. Điều đó động viên sự cố gắng của người được nêu gương, thúc đẩy họ tiếp tục cố gắng. Mặt khác thành tích của người này còn là "cú hích" cho người khác cùng "chạy đua" để tiếp tục đi lên. Rõ ràng, thành tích là điều tốt đẹp và nó cũng mang lại những điều tương tự cho cuộc sống.

Tuy nhiên, khi đặt trước từ "thành tích" một chữ "bệnh" - bệnh thành tích thì vấn đề đã khác. Bởi từ "bệnh" không gợi đến điều gì tốt đẹp. "Bệnh thành tích" là thói a dua, là chỉ chăm lo đến vẻ bề ngoài nhằm được tuyên dương khen thưởng nhưng thực chất bên trong vấn đề không đạt mong muốn. Nói khác đi, bệnh thành tích là tên gọi của sự không phù hợp giữa hình thức rất hào nhoáng, sáng bóng, lẫy lừng nhưng bản chất thì xuống cấp, rỉ sét, cong vênh.

Bệnh thành tích đã tồn tại từ lâu trong đời sống xã hội, đục sâu lan rộng vào nhiều ngành nghề, lĩnh vực. Trong giáo dục, bệnh thành tích còn được gọi là bệnh hình thức. Có những trường vì thành tích mà luôn cố gắng tập trung luyện "gà" - luyện thi học sinh giỏi, tạo mọi điều kiện để các em có thời gian tập trung học môn mình thi nhằm đạt kết quả cao mang vinh dự cho trường. Hay trong mỗi kì thi tốt nghiệp, có những trường huy động giáo viên cùng làm với học sinh rồi ném bài cho các em. Trong các cơ quan, công ty, nhà máy,... bệnh thành tích nằm ở những bản báo cáo được mài cho nhẵn, viết cho đẹp. Trong thực tế người ta không màng đến chất lượng, chỉ chạy theo số lượng để đạt chỉ tiêu. Họ chỉ sung sướng khi nghe đến những con số 100%, 99%,... Trong kì thi tốt nghiệp THPT những năm trước, trường nào chỉ đạt 95%, 96% thì đã lo lắng căng thẳng rồi. Nhưng một hai năm trở lại đây, khi công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn, trung bình cả nước chỉ đỗ khoảng 60% - 70%. Rõ ràng kết quả xa nhau, nó phản ánh thực tế chất lượng giáo dục trong một thời gian dài bị o bế, làm nhiễu.

Rõ ràng, bệnh thành tích sẽ để lại hậu quả vô cùng tai hại. Trước hết, nó khiến mỗi cá nhân, tổ chức không hiểu rõ về thực lực của mình, tự mãn về thành tích, không có xu hướng vận động phát triển. Bệnh thành tích do đó tiếp tục "được" duy trì, phát triển. Dần dần nó sẽ ăn sâu, đeo bám vào tư tưởng, lối sống cách thức làm việc của xã hội, làm cho chất lượng thực bị bỏ bê, xuống dốc, chỉ có cái vẻ bề ngoài là hào nhoáng, đẹp đẽ. Nó thực chẳng khác nào một trái bí đỏ bị thối rữa bên trong. Dân gian ta nhắc nhở: "Tốt gỗ hơn tốt nước sơn" vì sơn có thể tróc nhưng gỗ không được phép mục, gỗ mục sẽ làm sụp đổ cả một hệ thống quan trọng. Nhưng bệnh thành tích đã làm đảo lộn truyền thống đạo lí ấy và mỗi hệ thống xã hội đang có nguy cơ lung lay, suy sụp vì chất gỗ bên trong đang mối mọt dần.

Bệnh thành tích gây hại cho mọi ngành nghề, lĩnh vực. Và hậu quả dễ thấy nhất, tai hại nhất thể hiện ở ngành giáo dục. Có những trường lớp, vì thành tích mà cho học sinh lên lớp hàng loạt, bất chấp kết quả thực tế. Hậu quả là hàng trăm học sinh ngồi nhầm lớp, nhầm trường. Có em đã học lớp 7 mà chưa đọc thông viết thạo. Cũng vì thành tích mà các thầy cô "cấy điểm" cho học sinh giỏi ở những môn các em không thi học sinh giỏi, giúp các em ôn luyện cho thi cử. Và hàng trăm học sinh sa vào tình cảnh đạt giải học sinh giỏi quốc gia nhưng trượt tốt nghiệp, trượt đại học... Học sinh là người gánh chịu hậu quả trực tiếp. Nhưng hậu quả lâu dài là tương lai đất nước phải chấp nhận sự thui chột về đạo đức, tài năng của nhiều thế hệ.

Bệnh thành tích có căn nguyên sâu xa từ một thói xấu của con người: thói ghen ăn tức ở, "con gà tức nhau tiếng gáy". Thấy cá nhân, đơn vị khác được nêu gương, cá nhân, đơn vị mình cũng muốn được như vậy. Song, thay vì tập trung nâng cao chất lượng họ lại đốt cháy giai đoạn, đánh bóng hình thức để được tuyên dương. Nhưng công bằng mà đánh giá, bệnh cũng có nguyên nhân từ những sai lầm trong công tác quản lí tổ chức của nhiều cấp, ngành: trọng giấy tờ, hình thức, không gần gũi, sâu sát thực tế và chỉ tiêu hóa, kế hoạch hóa cao độ mọi vấn đề thi đua. Bởi vậy, các tổ chức, cá nhân chỉ cốt lo sao cho bản báo cáo, cuốn sổ của mình được sạch sẽ đẹp đẽ. Rồi lo sao để chỉ tiêu kế hoạch trên giao ta "trăm phần trăm" hoàn thành. Rõ ràng, để xảy ra căn bệnh ấy lỗi thuộc về tất cả chúng ta.

Nhận rõ hậu quả của bệnh thành tích, xã hội cần đẩy mạnh công cuộc loại trừ nó. Các nhà lãnh đạo cần kiểm tra, giám sát sát sao hơn hoạt động của các tổ chức, cá nhân trực thuộc, đồng thời điều chỉnh hệ thống, cơ chế quản lí tổ chức. Các cơ quan đoàn thể vì tương lai bản thân xóa bỏ bệnh hình thức để đi vào chất lượng thực tế. Chỉ khi nào làm được điều đó, xã hội ta mới thực sự trong sạch và đi lên.

Hiện nay ngành giáo dục đang thực hiện cuộc vận động trung thực trong thi cử. Theo anh (chị), việc thiếu trung thực trong thi cử có tác hại ra sao? Làm thế nào để khắc phục được thái độ đó?

I. DÀN BÀI

1. Mở bài

– Tầm quan trọng của thi cử.

– Trong thi cử có những hành vi sai trái, làm giảm hiệu quả của thi cử, gây hậu quả nghiêm trọng cho giáo dục.

2. Thân bài

– Thế nào là những hành vi sai trái trong thi cử? (cóp bài, gian lận, mua điểm, cấy điểm, chạy điểm,...).

– Thực trạng vấn đề:

+ Học sinh quay bài, cóp bài, làm phao,...

+ Phụ huynh chạy điểm, "đi thầy" cho con,...

+ Nhà trường: thầy cố tiếp tay cho sai trái của học trò.

– Hậu quả:

+ Các kì thi không phát huy hết vai trò. Nền giáo dục bị đe dọa vì chất lượng "ảo".

+ Nhiều học sinh bị thiệt thòi, nhiều học sinh "ngồi nhầm lớp".

+ Tạo ra thế hệ học sinh bị lệch lạc tư tưởng, hạn chế về năng lực.

+ Tốn kém cho cá nhân, gia đình, xã hội.

– Biện pháp khắc phục:

+ Các cấp các ngành cần quản lí sát sao, giám sát nghiêm túc hoạt động thi cử.

+ Giáo dục học sinh.

+ Xử lí nghiêm minh các trường hợp vi phạm.

3. Kết bài

Chống lại thái độ sai trong thi cử là công việc của toàn xã hội.

II. BÀI LÀM

Mấy năm gần đây, chuyện gian lận trong thi cử luôn là vấn đề giành được sự quan tâm đặc biệt của dư luận. Đây không phải là vấn đề mới. Có chăng đó là vì Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kiên quyết hơn trong xử lí những mặt khuất bấy lâu bị giấu kín của ngành giáo dục. Điều đó chợt khiến ta phải suy ngẫm về các kì thi và những chuyện sai trái đã trở thành căn bệnh khó chữa trong những kì thi này.

Mọi vấn đề có lịch sử riêng. Những sai trái, gian lận trong thi cử cũng vậy. Cách đây mấy nghìn năm, những cuộc thi đầu tiên đã được tổ chức và chuyện gian lận cũng có bằng ấy thời gian lịch sử. Từ những cuộc thi Olympic người ta đã biết ám hại đối thủ, dùng những mánh lới, thủ thuật để làm hại đối phương. Rồi sau, những cuộc thi văn chương, người ta biết dùng "phao", biết nhòm bài, móc nối với Ban Giám khảo,... Những thủ thuật trong thi cử nếu kể ra thì không biết bao giờ mới hết và những thế hệ sau luôn có những "phát kiến" hơn thế hệ trước, thúc đẩy gian lận ngày càng "tiến lên".

Trong thực tế ngày nay, những chuyện gian lận trong thi cử khiến không ít người quan tâm, nhức nhối. Bởi thực tế, trong đời mỗi người phải

trải qua vài kì thi (ngay một đứa trẻ vài ba tuổi đã thi "Bé khỏe, bé đẹp"!). Vì vậy, chúng ta có thể tận mắt chứng kiến những gian lận, sai trái; hoặc không cũng nghe đài báo, dư luận hàng ngày nhắc đến nó như một căn bệnh khó chữa của xã hội.

Có thể khẳng định rằng: hiếm có kì thi nào không có gian lận, không có sai trái. Những chuyện quay cóp, nhòm bài, trao đổi bài là chuyện thường thấy mà bất kì "sĩ tử" nào cũng biết. Những hành động như thế dễ dàng thấy từ những bài kiểm tra mười lăm phút cho đến cả thi đại học. Nhưng, đó là chuyện nhỏ, "con tép" trong những trò sai trái mà thôi. Báo chí, dư luận gần đây không ít lần xôn xao về những vụ thi hộ, thi thuê bao cả đường dây, rồi những vụ móc nối làm lộ đề thi, "đút" chỗ nọ, "lót" chỗ kia... Những vụ làm ăn như thế có giá trị cả vài triệu, thậm chí vài chục, vài trăm triệu.

Học trò là thế nhưng không chỉ có học trò mới liên quan đến gian lận. Những bài kiểm tra, những kì thi, cả thi tốt nghiệp, nhà trường, thầy cô không phải không biết những chuyện gian lận, những thái độ sai trái mười mươi của học trò. Nhưng họ vẫn bỏ qua hay làm ngơ! Những kì thi tốt nghiệp luôn tấp nập với mỗi ngôi trường, các thầy cô giáo chỉ bảo học trò làm thế nọ, làm thế kia cốt để "qua". Thậm chí có trường đã dành cả chiếc máy phô-tô để sao bài giải sẵn, "ném" vào cho thí sinh. Còn phụ huynh, họ cũng chẳng "kém cạnh". Họ chạy ngược, chạy xuôi đút lót chỗ nọ chỗ kia mong cho con em mình thi đỗ. Và tất cả những cái đó đã tạo ra những kì thi "phao" thả trắng trường thi, những vụ gian lận xôn xao dư luận.

Tại sao vậy? Tại sao cứ có thi là có gian lận, có sai trái? Vì một lẽ rất tự nhiên: ai cũng thích thành đạt, ai cũng thích danh tiếng (Rõ ràng điều này liên quan mật thiết đến căn bệnh thành tích của xã hội). Học sinh ai cũng muốn được khen thưởng "Con ngoan trò giỏi", sau mỗi lần thi đỗ là một chân trời mới, một tương lai tươi sáng sẽ mở ra trước mắt. Nhưng đâu phải ai cũng chăm chỉ học hành, chưa kể có người lại vô cùng lười nhác. Vậy là khát vọng được điểm cao đã làm mờ tối những tâm hồn học trò vốn rất đỗi vô tư, trong sáng. Phụ huynh lại có niềm tự hào, sung sướng riêng khi có thể cất cao giọng: "Con tôi đỗ trường nọ, đỗ trường kia, điểm thế nọ, điểm thế kia". Điều đó trở thành áp lực đối với con cái, tiếp tay gián tiếp cho gian lận. Chưa yên tâm, các bậc phụ huynh còn thể hiện sự tận tâm với công việc học tập của con cái hơn bằng cách "đi thầy", "chạy điểm",... Điều đó vô tình tạo thành những cuộc chạy đua gay cấn trước mỗi kì thi của con cái họ. Với nhiều nhà trường, tình hình cũng tương tự như vậy. Gian lận đi từ những chỉ tiêu, kế hoạch những mục đích giáo dục đề ra hàng năm, hàng quý, hàng tháng,... Song thay vì chuyên

tâm vực dậy phong trào học tập của nhà trường, họ "cấy điểm", "làm điểm" thậm chí tiếp tay cho những sai trái, gian lận của học sinh.

Thành công sau mỗi kì thi, đặc biệt là những kì thi quan trọng: thi tốt nghiệp, thi đại học,... có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó mở ra một trang mới tươi đẹp hơn cho mỗi người. Vinh quang ấy đáng ra phải được đền bù bởi những cố gắng, chăm chỉ học hành nhưng thật tiếc thay, chỉ cần một ít tài liệu, một số tiền bỏ ra cộng với một chút mánh lới là bằng thậm chí hơn cả những người chăm chỉ, nghiêm túc học hành? Vậy là không ít "sĩ tử" không chịu được cám dỗ, sẵn sàng đi vào con đường sai trái. Còn với nhà trường, hậu quả của lối "học giả" khiến những học trò hổng kiến thức và hơn ai hết, những thầy cô biết số học trò này mà "đem chuông đi đấm xứ người" thì chắc chắn sẽ bị "người"... "đấm" lại. Nhưng như thế sẽ không đạt chỉ tiêu cấp trên giao cho, sẽ không được khen thưởng, quá tai hại! Vậy là những kinh nghiệm truyền đời được lan ra, những công cụ trợ giúp tận dụng hết mức... "Tất cả vì con em chúng ta!".

Song, như quy luật đã được định trước, sai là phải trả giá. Những mơ ước về tương lai sung sướng, đầy đủ bằng đánh đổi gian lận sẽ biến con người ta trở nên tội lỗi, ma mãnh hơn. Những học trò lười nhác, gian lận vô tình đã đánh mất tuổi thơ trong sáng bởi đã phải quá sớm lo nghĩ làm thế nào để qua được mỗi kì thi thôi. Đồng thời, những thái độ sai trái, những hành vi tội lỗi sẽ bị pháp luật trừng trị. Đã từng có biết bao học sinh bị cấm thi, đuổi khỏi trường thi vì gian lận. Những câu chuyện đau lòng về một số sinh viên tài năng bị đuổi vì thi hộ, thi thuê. Tương lai tươi sáng chẳng thấy đâu mà chỉ thấy cuộc đời sụp đổ trước mắt, thậm chí có người còn rơi vào vòng tù tội, kiện cáo. Và những phụ huynh hám danh thì có được cái danh tiếng lẫy lừng về con người gian lận; những thầy cô hám lợi phải hối hận, bị mọi người trách móc, phạt vì những hành vi sai trái. Những thầy cô, đáng lẽ phải là tấm gương tốt cho học trò noi theo, dạy cho họ những gì tốt đẹp thì... Hơn tất cả, đó chính là nguy cơ tiềm ẩn nơi ung nhọt nằm trong cái vỏ hào nhoáng của các cấp giáo dục mà bấy lâu ta vẫn yên tâm. Trong ấy, những học sinh học mà chẳng có kiến thức (dù vẫn "giỏi" như thường) nên mới có câu chuyện "cười ra nước mắt". Học trò lớp Bảy mà vẫn chưa biết đánh vần và những kì thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông với bảng điểm không môn Sử. Đau đớn thay, học hành mười mấy năm trời mà có em không biết ai là vị vua đầu tiên của nước ta! Những sai trái, gian lận trong thi cử chẳng qua là hệ quả tất yếu của lối học hình thức rỗng tuếch, làm hỏng đi bao con người, kẻ gian thi đỗ thì chẳng biết, kẻ biết thì trượt, chẳng ai sung sướng cả.

Tiếc thay, đó vẫn là sự thật, suốt mấy nghìn năm. Muốn không có sai trái, không có gian lận trong thi cử thì chẳng khác nào mò trăng đáy

nước vì ở đâu cũng có những kẻ lười biếng, hám danh. Nhưng không thể vì thế mà không ngăn chặn. Mới đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra những biện pháp, chủ trương mới rất được mọi người đồng tình. Muốn có nền giáo dục tốt phải có thế hệ giáo viên tốt, làm gương cho học sinh noi theo; kiên quyết xử lí những hành vi gian lận; sẵn sàng cho học sinh học lại để cung cấp đầy đủ kiến thức cho học sinh... Có như vậy mới mong sẽ ít đi những hành vi sai trái. Sự thật, kì thi tốt nghiệp THPT mới đây, xấp xỉ 67% thí sinh thi đỗ. Thấp, rất thấp so với những con số 100%, 99%,... trước đây, song đó là dấu hiệu thể hiện lòng quyết tâm chống gian lận. Thấp nhưng khiến nhiều người vui mừng vì điều đó báo hiệu một sự "bắt đầu lại" có thể sẽ cho một kết quả tốt hơn!

Sai trái trong mọi việc đều bị lên án và sai trái trong thi cử lại cần đáng lên án hơn nữa. Vậy thì, nếu như giáo dục là sự nghiệp, là trách nhiệm của toàn xã hội thì công cuộc chống lại sai trái, gian lận trong thi cử cũng cần được thúc đẩy nhanh trở thành xã hội hóa. Cả xã hội chung tay, chắc chắn vấn đề sẽ nhanh chóng được giải quyết.

Anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ về thói ích kỉ và lòng vị tha trong xã hội ngày nay.

I. DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu về tính ích kỉ và lòng vị tha trong đời sống xã hội.

2. Thân bài

– Khái niệm tính ích kỉ và lòng vị tha:

+ Thế nào là tính ích kỉ? (chỉ sống vì mình, chỉ biết đến mình, thờ ơ với cuộc sống và mọi người xung quanh,...).

+ Vị tha là vì người khác, sẵn sàng quan tâm, lo lắng, giúp đỡ mọi người với thái độ vô tư, không mưu lợi.

– Biểu hiện của lối sống ích kỉ và lòng vị tha trong thực tế (trong gia đình, nhà trường, xã hội,...)

– Tác hại của lối sống ích kỉ:

+ Con người trở nên vô cảm, cô độc.

+ Gây ảnh hưởng xấu đến tình đoàn kết, lợi ích của tập thể.

– Tác dụng của lòng vị tha:

+ Con người sống vui vẻ, được mọi người yêu mến.

+ Tác động tốt đến sự phát triển của người thân, bạn bè, xã hội,...

3. Kết bài

Cần lên án lối sống ích kỉ, đề cao vị tha.

II. BÀI LÀM

"Sống trên đời cần một tấm lòng. Để làm gì em biết không? Để gió cuốn bay đi". Tấm lòng mà cuộc đời cần lắm chính là sự vị tha, mở rộng tấm lòng trước cuộc đời. Có phải vì vậy mà bao đời nay lòng vị tha và tính ích kỉ - hai mặt đối lập luôn tồn tại song song trong tính cách con người, là chủ đề của nhiều cuộc bàn luận sôi nổi, kịch tính?

Vị tha là có tinh thần chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hy sinh lợi ích của cá nhân mình. Như vậy lòng vị tha ở con người chứng tỏ một tinh thần vô cùng cao cả: tinh thần "một người vì mọi người".

Ngược lại, ích kỉ là chỉ biết, chỉ vì lợi ích cho riêng mình mà không biết đến người khác. Tính ích kỉ bộc lộ bản chất hẹp hòi, nhỏ mọn của tiểu nhân.

Trong cuộc sống, để nhận diện người có lòng vị tha và kẻ tiểu nhân, ích kỉ không khó.

Lòng vị tha thể hiện ở thái độ vô tư, không mưu toan tính toán khi giúp đỡ người khác làm một việc gì đó. Trong lớp có học sinh kém hơn, bạn không dè bỉu, xa lánh mà lại gần chia sẻ, giúp đỡ bạn ấy học tốt. Trong tập thể có thành viên mắc lỗi, làm phải điều sai trái, bạn không vì thế mà lên án gay gắt, không cho họ con đường quay lại. Ngược lại bạn giúp đỡ, tạo mọi điều kiện để giúp họ sửa sai,... Trong những hoàn cảnh ấy, nếu bạn làm được như vậy, có thể khẳng định: bạn có lòng vị tha. Sâu rộng hơn, ta có thể nhìn vào hoạt động tình nguyện của thế hệ thanh niên đất nước mỗi khi mùa hè đến. Họ không quản ngại gian khó đi về với vùng cao, vùng gặp khó khăn,... để hòa mình với đồng bào, đồng cam cộng khổ giúp đỡ họ vươn lên...

Song cũng cần tỉnh táo để phân biệt lòng vị tha với sự ban ơn hay sự tính toán mưu cầu lợi ích riêng. Giúp đỡ người khác nếu không xuất phát từ sự vô tư mà khởi đầu từ lòng thương hại thì đó chỉ là sự ban ơn mà thôi. Mối quan hệ giữa người cho đi và người nhận về không hề bình đẳng. Đến với quỹ ủng hộ "Vì người nghèo", có người mặt tươi cười đặt vào quỹ những đồng bạc lớn nhưng họ lại thầm cười khẩy trước mái nhà lụp xụp của một gia đình nghèo. Thâm tâm họ, những đồng bào kia chỉ là sự gia ơn bố thí. Mặt khác, lại có người giúp đỡ người khác vì một mục đích không tư lợi nào đó. Thực tế, đã có những ông to, bà lớn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cấp dưới làm việc, thăng chức chỉ để lấy lòng đồng nghiệp, chờ mong lá phiếu của họ dành cho mình trong kì bầu cử. Lòng vị tha trá hình còn đáng khinh bỉ gấp bội lần sự ích kỉ.

Cùng bản chất với sự giúp đỡ kèm theo toan tính cá nhân song tính ích kỉ có hình thức ngược lại. Người ích kỉ có những hành động, việc làm

chỉ chăm chăm nhằm mang lại lợi ích cho cá nhân mình, thậm chí bất chấp thủ đoạn giày xéo lên công bằng, đạo lí và lợi ích của người khác để có được mối lợi ấy. Đó là những kẻ tròng nguy nan một mình trốn chạy bỏ mặc bạn bè, là những kẻ làm ngơ trước nỗi đau của đồng loại mà ăn chặn từng gói mì cứu trợ đồng bào lũ lụt, mà buôn bán phụ nữ, buôn bán ma túy, hêrôin,... Gần gũi hơn trong đời sống học sinh, sự ích kỉ bộc lộ ngay trong hành vi cóp bài, gian lận khi kiểm tra thi cử. Những hành động sai trái ấy làm lợi cho một người nhưng tạo ra sự bất công đối với những nỗ lực của bao nhiêu người khác.

Có được lòng vị tha, con người sống ung dung thanh thản trước cuộc đời. Họ được mọi người yêu mến, quý trọng. Mặt khác những việc họ làm đã giúp cho xã hội thêm giàu đẹp. Không ai có thể kể hết giá trị của sự bình yên mà những chiến sĩ công an biên phòng đang từng ngày từng giờ thầm lặng hy sinh cho đất nước. Không ai có thể nói hết được niềm hạnh phúc, lòng quyết tâm vươn lên và sự khởi sắc trong tương lai của những người chưa có thành công, những người lầm lỡ được lòng vị tha cứu giúp. Cuộc đời này cần đến những tấm lòng dù chỉ để gió cuốn bay đi nhưng là bay đi để gieo mầm, nở hoa trên đất lạ.

Đời sống kẻ ích kỉ thì ngược lại. Họ bị những toan tính chi ly, nhỏ mọn thường ngày giày vò, dằn vặt. Lúc nào cũng tính toán căng thẳng để làm lợi cho mình. Họ cô độc giữa thế giới tươi đẹp xung quanh, chẳng ai muốn làm bạn với con người nhỏ mọn. Thậm chí khi lòng ích kỉ biến thành tội ác, họ sẽ bị xã hội lên án, truy đuổi, là đối tượng nguyền rủa của con người. Tính ích kỉ ở mức độ nào cũng có hại cho tập thể. Đặc biệt khi nó phát triển thành chủ nghĩa cá nhân thì hậu quả sẽ khó có thể lường hết. Nguy hiểm hơn nữa khi tính ích kỉ, chủ nghĩa cá nhân len lỏi bắt rễ vào tư tưởng của những nhà lãnh đạo, họ sẽ tạo nên những tội ác cho xã hội. Đó là trường hợp của tên độc tài Hit-le, Mut-xo-li-ni,...

Lòng vị tha mang đến cho xã hội những cống hiến quý giá, tính ích kỉ lại quen hưởng thụ quá đà, gây nguy hại cho đời sống.

Như vậy, xã hội muốn phát triển đi lên, ta cần nhân rộng lòng vị tha, xóa bỏ tính ích kỉ trong con người. Vẫn biết trong mỗi chúng ta luôn có hai con người đối lập tồn tại: tốt và xấu, thiên thần và ác quỷ, vị tha và ích kỉ,... Nhưng "nhân chi sơ tính bản thiện", mỗi chúng ta cần có ý thức đấu tranh để giành lại bản ngã lương thiện cho mình. Ta nên mở lòng trước tập thể, tham gia tích cực các hoạt động xã hội. Nếu ta dám "Mình vì mọi người" thì chắc chắn mọi người cũng sẽ "Mọi người vì một người". Đặc biệt ta cần chú ý xây dựng lòng vị tha và gạt bỏ tính ích kỉ thì sẽ rất lí tưởng cho sự phát triển nhân cách của các em sau này.

Nhà thơ Tố Hữu viết: *Ôi! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn?* Theo anh (chị) thế nào là sống đẹp? Lấy ví dụ thực tế để chứng minh.

I. DÀN BÀI

1. Mở bài

– Câu thơ: *Ôi! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn?* trích từ bài *Một khúc ca* của nhà thơ Tố Hữu, sáng tác năm 1979, sau khi đất nước hòa bình thống nhất được bốn năm.

– Trong hoàn cảnh cả dân tộc hăng hái bắt tay vào sự nghiệp xây dựng Tổ quốc thì mọi người cần phải có quan điểm sống đúng đắn. Xã hội không chấp nhận lối sống cá nhân ích kỉ.

2. Thân bài

a. Giải thích: Thế nào là sống đẹp?

– Quan niệm sống đẹp của dân tộc Việt Nam đã có từ ngàn xưa. Đó là nếp sống trong sạch, thanh cao, nhân ái.

– Ở thế kỉ XV, Nguyễn Trãi cũng nêu cao quan điểm sống đẹp: *Tiên thiên hạ chi ưu, nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc.* (Lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ).

– Ở thế kỉ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động, khuyến khích và cổ vũ phong cách sống: Mình vì mọi người, mọi người vì mình. Bản thân Bác là tấm gương tuyệt vời cho nhân dân noi theo.

b. Chứng minh

– Bằng cuộc đời phấn đấu, hi sinh vì nước, vì dân của Bác.

– Bằng tinh thần yêu nước, quyết chiến quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời đánh Mĩ.

– Bằng các phong trào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời bình. (Nêu một số gương sáng tiêu biểu trong thực tế cuộc sống).

3. Kết bài

– Sống đẹp là quan điểm sống đúng đắn, đáng ca ngợi.

– Ai cũng cố gắng sống đẹp thì đất nước sẽ phát triển rất nhanh.

II. BÀI LÀM

Nhà thơ Tố Hữu sáng tác bài *Một khúc ca* vào mùa xuân 1979, sau bốn năm đất nước sạch bóng quân thù, cả dân tộc đang háo hức bắt tay vào sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam hòa bình, thống nhất. Sau ba mươi năm chiến tranh, mất mát, đau thương là vô cùng to lớn. Khó khăn, gian khổ trùng trùng trước mắt lại tiếp tục thử thách ý chí, nghị lực của mỗi con người. Để có thể đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, cần phải có một sức mạnh phi thường được tạo nên từ tinh thần đoàn kết, nhất trí của toàn dân tộc. Trong hoàn cảnh ấy, quan điểm sống cá nhân ích kỉ

không thể tồn tại. Câu hỏi mà Tố Hữu đặt ra trong bài thơ khiến chúng ta phải băn khoăn suy nghĩ: *Ôi! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn?*

Vậy thế nào là sống đẹp?

Quan niệm sống đẹp của dân tộc Việt Nam đã có từ ngàn xưa. Lối sống nề nếp, thanh cao: *Giấy rách phải giữ lấy lề; Đói cho sạch, rách cho thơm; Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn...* của người lao động chính là sống đẹp. Nguyễn Trãi cách đây sáu thế kỉ cũng đã nêu cao quan điểm sống tích cực: *Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc,* tức là lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Suốt đời, ông canh cánh bên lòng lí tưởng phấn đấu và cống hiến cho đất nước được thái bình, dân chúng được ấm no, để những chốn thôn cùng xóm vắng không còn tiếng hờn giận, oán sầu.

Đến thế kỉ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại của dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới - đã kế thừa và phát huy cao độ quan điểm sống đẹp ấy và Bác đã cụ thể hóa thành một câu giản dị, dễ hiểu nhưng lại mang ý nghĩa sâu sắc của một chân lí: *Mình vì mọi người, mọi người vì mình.* Vế: *Mình vì mọi người* được Bác Hồ đặt lên trước, vế: *mọi người vì mình* đặt ở sau là có ý nhấn mạnh mỗi cá nhân phải nhận thức được rằng có cống hiến rồi mới được hưởng thụ; hãy nghĩ đến nghĩa vụ trước rồi mới nghĩ đến quyền lợi sau.

Bác Hồ lấy chính bản thân mình để làm gương. Suốt một đời Bác hi sinh, cống hiến cho dân, cho nước. Khi đã ở cương vị cao nhất là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bác vẫn khẳng định: *Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là dân ta ai cũng được tự do, no ấm, ai cũng được học hành.* Cuộc sống đạm bạc, thanh khiết, mẫu mực của Bác Hồ có một sức thuyết phục rất lớn. Cả dân tộc tin tưởng và kính yêu Người. Sau khi Bác đã lên đường theo tổ tiên, nhà thơ Tố Hữu khóc Bác bằng những vần thơ vô cùng xúc động:

Ôi, phải chi lòng được thảnh thơi
Năm canh bớt nặng nỗi thương đời
Bác ơi, tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông, mọi kiếp người...
Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa
Tự do cho mỗi đời nô lệ
Sữa để em thơ, lụa tặng già...
Bác để tình thương cho chúng con
Một đời thanh bạch, chẳng vàng son
Mong manh áo vải, hồn muôn trượng
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.

Trước đây, theo lời Bác dạy, hàng triệu thanh niên miền Bắc đã tạm xa đồng ruộng, nhà máy, trường học để nắm chắc cây súng, lên đường chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam yêu dấu:

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước,
Mà lòng phơi phới dậy tương lai.
(Tố Hữu)

Mĩ cút, ngụy nhào, non sông ta liền một dải, cả dân tộc tay trong tay đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam mới ngày càng phát triển. Tuổi trẻ lại một lần nữa xung phong vào những trận tuyến nóng bỏng của cuộc sống để góp phần xóa đi dấu tích chiến tranh, thay đổi bộ mặt đất nước, nâng cao cuộc sống nhân dân. Coi nhẹ quyền lợi của bản thân, coi trọng quyền lợi tập thể, sống có lí tưởng, hoài bão đúng đắn, sẵn sàng cống hiến sức lực, tài năng cho sự nghiệp chung của dân tộc - đó là sống đẹp.

Xung quanh ta có rất nhiều gương sáng chứng minh cho quan điểm sống mình vì mọi người. Một cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Mĩ, nay tuổi đã ngoài sáu mươi, nguồn sống duy nhất là số lương hưu ít ỏi mà vẫn ngày ngày viết thư, thông báo tin tức cho thân nhân của những liệt sĩ còn nằm rải rác ở khắp các chiến trường, để các liệt sĩ được trở về yên nghỉ trên mảnh đất quê hương. Chị Tư Hồng, một y tá quân y sau hòa bình đã bỏ công sức gần hai mươi năm để đi tìm hài cốt đồng đội. Chị đã mang lại niềm vui cho hàng trăm gia đình liệt sĩ. Công việc chị làm hoàn toàn tự nguyện, tự giác, xuất phát từ lòng nhân ái, từ tình đồng đội, đồng chí thiêng liêng. Sống như chị là sống đẹp.

Có thể kể thêm những tấm gương sống đẹp khác như chị Hướng Dương, bị tai nạn cụt cả hai chân vẫn không bi quan, chán nản, vẫn vươn lên bằng nghị lực mạnh mẽ để trở thành người có ích cho đời. Chị đã lập ra thư viện sách nói để phục vụ các em học sinh khiếm thị. Các em coi chị Hướng Dương là cô Tiên đã đem ánh sáng tinh thần đến cho những người tưởng chừng suốt đời phải sống trong bóng tối. Hay như chị Trịnh Tiểu Hương - một trẻ bụi đời năm xưa - nay đã trở thành người mẹ hiền của hàng trăm trẻ mồ côi, bất hạnh. Tất cả mọi suy nghĩ, hành động của chị đều xuất phát từ một mục đích: đem lại tình thương yêu và niềm tin cho các em trong cuộc sống. Gần hơn nữa, cụ thể hơn nữa là sự chia sẻ của nhân dân cả nước đối với đồng bào các vùng bị thiên tai, bão lụt. *Một miếng khi đói bằng một gói khi no; Lá lành đùm lá rách...* Dẫu chỉ là một vài chục ngàn của bác xích lô, em học trò, chị buôn gánh bán bưng... hoặc vài chục, vài trăm triệu của những nhà doanh nghiệp lớn, nhưng tất thảy đều đáng quý vì nó chứng minh cho truyền thống nhân ái - một lối sống đẹp của dân tộc Việt Nam.

Xin trích hai đoạn thơ cũng trong bài *Một khúc ca* của nhà thơ Tố Hữu để kết thúc bài viết này:

Nếu là con chim, chiếc lá
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh.
Lẽ nào vay mà không có trả
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.
Ôi! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn?
Bữa cơm dù dưa muối đầy vơi
Chân lí chẳng bao giờ đổi bán
Tình thương vô hạn để cho đời.

Phân tích đoạn thơ sau trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu:

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Việt Bắc - quê hương của kháng chiến, cách mạng trong những ngày đầu tiên của nền dân chủ cộng hòa đã trở thành biểu tượng của tấm lòng gắn bó thủy chung với cách mạng, dân tộc. Nhà thơ Tố Hữu đã ghi lại mối tình sắt son đậm đà "mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng" trong bài thơ *Việt Bắc*, bằng tất cả cảm xúc nồng nàn của một hồn thơ đằm thắm thủy chung.

2. Thân bài

a. Những nét chung

– Điều làm nên sức sống diệu kỳ của bài thơ *Việt Bắc* nói chung và đoạn thơ nói riêng là giọng điệu thơ ngọt ngào, dân dã đậm sắc màu ca dao.

– Tâm tình lại gắn với hình ảnh quê hương - với những nét gợi thương gợi nhớ - là mạch tâm linh chảy suốt chiều dài lịch sử, chạm vào

sợi dây tình cảm thiêng liêng nhất của dân tộc Việt Nam "Anh đi anh nhớ quê nhà...".

– Cảm hứng chính trị xuyên suốt một đời thơ Tố Hữu. Với tâm tình, lẽ sống của nhà thơ, *Việt Bắc* là kết tinh của tình cảm riêng - chung. Hòa điệu tự nhiên của hai luồng tình cảm: dân tộc và cách mạng.

b. Nỗi nhớ

– Là cảm xúc chủ đạo của toàn bộ bài thơ, gắn với "ta - mình", "mình - ta", là cung bậc thiết tha của tình cảm, là miền ký ức không phai mờ của người ra đi.

– Nỗi nhớ ở đây mượn nguyên màu sắc ca dao, là sự nối tiếp, là khía cạnh tinh vi trong quan hệ khăng khít: hoa - người.

– Mỗi một hình ảnh "hoa cùng người" như đem lại ấn tượng riêng biệt về nét đẹp núi rừng Việt Bắc.

c. Bức vẽ quê hương

– Tố Hữu đã khéo léo vận dụng thành công đặc trưng tái hiện không gian vô cực của thi ca - gói trọn bốn mùa Xuân - Hạ - Thu - Đông trong những sắc màu đẹp nhất, hài hòa nhất.

Nét son của bức tranh núi rừng ở đây là màu đỏ tươi của hoa chuối. Chấm phá của bức tranh thủy mặc điểm một sắc đỏ trong không gian xanh bao la, không gian mang sức sống mãnh liệt.

Bên cạnh nét đẹp của hoa là nét đẹp thật khỏe khoắn của người. *"Nắng ánh dao gài thắt lưng"* là hình ảnh người dân miền sơn cước.

Không gian mùa xuân bừng sáng trong sắc hoa mơ. Sức sống mùa xuân lan tỏa khắp núi rừng Việt Bắc. Giữa nền trắng hoa mơ, nổi bật hình ảnh "người đan nón".

Không gian nỗi nhớ hình như rõ nét nhất, đậm đà nhất trong bức tranh mùa hạ. Và cũng đọng lại hình ảnh ngọt ngào thân thương nhất của "cô em gái hái măng".

Nổi bật giữa khung cảnh là hình ảnh "cô em gái". Cách gọi biểu lộ niềm thân thương trìu mến của con người.

Không gian chuyển về đêm. Như hoàn chỉnh bức tranh tuyệt mĩ của núi rừng Việt Bắc. Đêm thu và ánh trăng như lan tỏa vào màu xanh của núi rừng.

3. Kết bài

Đoạn thơ diễn tả nỗi nhớ gắn với hình ảnh của núi rừng Việt Bắc. Mỗi mùa mang một sắc màu riêng và bốn mùa hòa chung màu sắc đa dạng, làm nên vẻ hấp dẫn cho bức tranh phong cảnh trữ tình.

B. BÀI LÀM

Việt Bắc là một trong những bài thơ hay nhất của Tố Hữu. Lời thơ như khúc hát ân tình tha thiết về Việt Bắc, quê hương của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Ở đó, bên cạnh những bức tranh hùng tráng, đậm chất sử thi về cuộc kháng chiến còn có bức tranh cuộc sống đời thường gần gũi, thân thiết được bao bọc bởi thiên nhiên vô cùng tươi đẹp:

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Đây là bức tranh được dệt bằng ngôn từ nghệ thuật toàn bích, có sự hòa quyện giữa cảnh và người, giữa cuộc đời thực với tấm lòng của nhà thơ cách mạng.

Mười câu thơ trên nằm trong trường đoạn gồm 62 câu thơ diễn tả tâm tình của người cán bộ sắp sửa rời Việt Bắc, nơi "mình" đã 15 năm gắn bó với bao tình cảm máu thịt. Đoạn thơ mở đầu bằng một câu hỏi:

Ta về, mình có nhớ ta.

Nhưng thực ra, hỏi chỉ để mà hỏi, hỏi để tạo thêm cái cớ để giãi bày nỗi lòng của mình:

Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.

Câu thơ có nhịp điệu êm ái nhờ những điệp từ và các thanh bằng (6/8) như một lời ru, một câu hát không chỉ diễn tả tâm trạng tha thiết của nhân vật trữ tình. Đây còn là lời ngợi ca về thiên nhiên và con người Việt Bắc. Hoa có ý nghĩa biểu trưng cho thiên nhiên, cho những gì tươi đẹp. Đặt hoa bên cạnh người là sự tôn vinh thiên nhiên và con người Việt Bắc.

Vả lại, hoa và người hòa quyện, gắn bó với nhau. Nói tới thiên nhiên không thể không nói đến con người và ngược lại, những con người ấy đã ở trong một thiên nhiên đẹp, gần gũi.

Bốn câu thơ lục bát còn lại là một bức tranh liên hoàn về con người và thiên nhiên Việt Bắc. Nhiều người gọi đây là bộ tứ bình (xuân, hạ, thu, đông). Nhà thơ kế thừa nghệ thuật hội họa cổ truyền của dân tộc trong khi

miêu tả thiên nhiên. Mỗi một câu thơ khắc họa một bức tranh cụ thể nhưng cũng có thể ghép lại thành một bộ liên hoàn.

Bức tranh thứ nhất:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Câu thơ mở ra một không gian rộng lớn. Trên cái nền xanh bạt ngàn của rừng, nổi bật lên hình ảnh những bông hoa chuối đỏ tươi. Nghệ thuật điểm xuyết trong thơ cổ (*Cỏ non xanh rợn chân trời - Cành lê trắng điểm một vài bông hoa* - Nguyễn Du) tỏ ra rất hữu hiệu. Giữa bạt ngàn xanh của núi rừng Việt Bắc, màu đỏ của hoa chuối bỗng gợi lên sự ấm áp, có sức lan tỏa. Vì thế, thiên nhiên hùng vĩ ấy không xa lạ; trái lại, gần gũi, thân thiết với con người:

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Cũng là cách điểm xuyết những hình ảnh, điểm nổi rõ hơn cảnh. Hơn nữa, cách điểm xuyết ấy rất độc đáo: càng chọn điểm nhỏ nhất thì sức gợi càng lớn hơn. Vì thế, câu thơ có sự nhấp nháy (nắng ánh) của hình ảnh và cảnh vật vốn tĩnh lặng, thậm chí tịch mịch, bỗng có sức sống, sự chuyển động.

Với những nghệ sĩ tài hoa, việc tạo dựng nên những lớp thời gian chồng lấp và không gian không bất động, bất biến mà mang sức sống nhờ sự tái sinh của những lớp ngôn từ. "Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi, Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng" là một câu thơ như thế.

Bức tranh thứ hai:

Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

Khác bức tranh thứ nhất, bức tranh thơ thứ hai mở đầu có sự định vị về thời gian (ngày xuân). Nhưng tự thân thời gian ấy cũng đã mở ra không gian:

Ngày xuân mơ nở trắng rừng.

Cách điệp âm *mơ/nở* cùng với hình ảnh của hoa mơ (màu trắng) tạo ra một không gian vừa rộng lớn, vừa có sự rộn ràng, náo nức của thiên nhiên. Nếu ở bức tranh thơ thứ nhất, nghệ thuật miêu tả của tác giả là điểm xuyết, tìm hình ảnh gợi, sắc màu sáng (hoa đỏ, nắng ánh) để diễn tả sự chuyển động của cảnh vật thì ở đây, nhà thơ lại hướng cái nhìn vào sự bao quát điệp trùng để tìm cái rạo rực (tiềm ẩn) của thiên nhiên.

Trên cái nền không gian rộng lớn và náo nức ấy, nhà thơ hướng mắt nhìn về một hoạt động có vẻ tỉ mỉ: *Người đan nón chuốt từng sợi giang.*

Nhiều người nói câu thơ ca ngợi "dáng điệu cần mẫn, cẩn trọng và tài hoa" trong "công việc thầm lặng" của người Việt Bắc. Có người nói "dưới

ánh sáng của rừng mơ mùa xuân, hình ảnh cô gái Việt Bắc hiện lên thanh mảnh, dịu dàng". Câu thơ có hình ảnh ấy. Con người Việt Bắc trong hoài niệm của Tố Hữu là như thế. Nhưng đó là hình ảnh thực. Trong chuỗi hoài niệm của tác giả, hình ảnh kia chỉ là một điểm gợi nhớ. Câu thơ gợi lên cách cảm, cách nhìn của tác giả hơn là tả thực. Đó là hình ảnh đặc trưng của sinh hoạt đời thường ở Việt Bắc. Với nhiều người, nó có thể nhỏ nhặt, không đáng nhớ. Với một nhà thơ ân tình như Tố Hữu, đó lại là hình ảnh khắc ghi trong tâm khảm.

Bức tranh thứ ba:

Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Câu thơ mở đầu bằng âm thanh (ve kêu), nhưng cũng là cách định vị bằng thời gian (mùa hè). Dòng thơ vừa có âm thanh rộn ràng, vừa có màu sắc đặc trưng của rừng Việt Bắc. Âm thanh và màu sắc ấy tạo nên cảnh tưng bừng của thiên nhiên. Nếu nói thiên nhiên cũng có đời sống riêng của nó thì đây quả thực là "ngày hội" của cảnh vật. Vì vậy, trong "ngày hội" ấy, hình ảnh cô em gái hái măng một mình không lẻ loi mà góp phần tạo nên bức tranh thơ hoàn chỉnh:

Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Như đã nói, hoa và người Việt Bắc trong thơ Tố Hữu hòa quyện, cùng tôn vinh lẫn nhau. Trong hoài niệm này, tác giả dùng bút lực của mình để ca ngợi, tôn vinh sự hài hòa đó. Và chính sự hài hòa đó đã tạo nên chất thơ.

Bức tranh thứ tư:

Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Câu thơ có kiểu mở đầu bằng sự định vị cả không gian lẫn thời gian (rừng thu). Đến đây, ta chú ý các kiểu định vị ở những câu thơ trên:

Rừng xanh → không gian
Ngày xuân → thời gian
Ve kêu → âm thanh (thời gian)

Ứng với mỗi câu thơ và cách định vị trên là một mùa của thiên nhiên (mùa đông, mùa xuân, mùa hạ). Câu thơ này cũng là bức tranh về một mùa của thiên nhiên (mùa thu). Nhưng có lẽ vì đó là bức tranh cuối của bộ tứ bình và là tiếng hát cuối của một trường đoạn hoài niệm nên hình ảnh tất thảy đều trở nên tượng trưng, âm hưởng cũng bao quát hơn:

Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Không gian mênh mông chẳng khác gì cảnh thu huyền ảo của Thơ mới:

Nai cao gót lẫn trong mù
Xuống rừng nẻo thuộc nghìn thu mới về.

(Huy Cận)

Trời thu nhuộm ánh tà dương
Gió thu trong quãng canh trường nỉ non.
Trăng thu soi bóng cô thôn,
Hỏi người lữ thứ mộng hồn về đâu?

(Hằng Phương)

Rừng thu Việt Bắc trong thơ Tố Hữu mênh mông nhưng không lạnh lẽo. "Trăng rọi hòa bình" vừa mang ý nghĩa ánh trăng của cuộc đời ân tình ấy, lại vừa mang ý nghĩa cuộc sống có sự soi rọi ấm áp của niềm tin, tự do. Và, trong cuộc sống ấm áp ấy, có biết bao nhiêu nghĩa tình sâu nặng.

Thơ Tố Hữu là khúc hát của tự do, của ân tình cách mạng. Bản thân cuộc đời ân tình ấy, đối với nhà thơ, luôn là bài ca sâu nặng. Vì thế, nhà thơ không chỉ cảm, nghĩ về cuộc đời mà cất tiếng ca ngợi. Tiếng hát ân tình thủy chung trong bài thơ *Việt Bắc* là tiếng hát như thế.

Bộ tứ bình bằng thơ về cảnh và người Việt Bắc được dệt dưới ánh sáng của hoài niệm da diết. Thông thường, người ta chỉ nhớ những gì mang ấn tượng nhất của quá khứ và thời gian càng lùi xa thì ấn tượng ấy càng trở nên tươi đẹp, huyền ảo hơn. Hàng loạt điệp từ nhớ (5 từ) trong một khổ thơ như là sự nối dài của dòng hoài niệm không dứt.

Việt Bắc là bài thơ hay của Tố Hữu. Ở đó, nhà thơ thể hiện sự tài hoa của mình trên nhiều phương diện của nghệ thuật sáng tạo thi ca. Sự tài hoa ấy được dẫn dắt của một điệu tâm hồn đầy tình nghĩa của nhà thơ. Đoạn thơ trên là một trong những đoạn thơ hay nhất của bài thơ *Việt Bắc* bởi kết tinh một nghệ thuật thơ ca vừa giàu tính dân tộc, vừa mang tính hiện đại trong một điệu tâm hồn say đắm.

Anh (chị) có ý kiến gì về nhận định sau: *"Thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị".*

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

– Thế kỉ XX đối với dân tộc Việt Nam là một thế kỉ cách mạng. Cách mạng không chỉ đổi thay số phận dân tộc mà còn đem đến cho thơ ca, văn học một nguồn mạch mới. Một khuynh hướng chủ đạo của văn học thế kỉ này là khuynh hướng thơ trữ tình chính trị mà Tố Hữu là một nhà thơ tiêu biểu.

– Đúng như SGK Văn học 12 nhận định *"Thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị".*

2. Thân bài

Bài làm cần đảm bảo nội dung sau:

– Mối quan hệ biện chứng giữa "thơ trữ tình" và "chính trị" trong thời đại cách mạng.

– Các kiểu thơ trữ tình chính trị và nét độc đáo trong thơ trữ tình chính trị của Tố Hữu.

– Những biểu hiện của thơ trữ tình chính trị ở thơ Tố Hữu và những đóng góp mới mẻ của nó trong đời sống sáng tác văn học đương thời. Trên cơ sở đó đánh giá và chỉ ra ý nghĩa văn học sử của phong cách thơ Tố Hữu.

3. Kết bài

– Từ hiện tượng thơ trữ tình của Tố Hữu rút ra một vấn đề có tính lí luận: mối quan hệ giữa văn học và thực tiễn đời sống chính trị; giữa nhà văn và nhà chính trị.

– Khẳng định ý nghĩa và đóng góp quan trọng của thơ Tố Hữu trong dòng văn học cách mạng của dân tộc.

B. BÀI LÀM

Một hiện tượng thơ khi đã phát triển trọn vẹn, viên mãn cần được xác định và gọi tên. Xác định đúng, gọi tên đúng mới đánh giá đúng. Thơ Tố Hữu thường được gọi bằng các tên khác như thơ tranh đấu, thơ thời cuộc, thơ thời sự, thơ cảm hứng xã hội, thơ chính trị, thơ đặt hàng... Gọi là thơ đặt hàng rõ ràng là không hay vì nó gợi lên một quan hệ hàng hóa, gọi là thơ tranh đấu, thơ thời cuộc tuy chỉ ra tác dụng xã hội nhưng còn chung chung. Gọi là thơ thời sự và thơ cảm hứng xã hội đều chưa xác đáng bởi vì cốt lõi trong thơ Tố Hữu không phải là các sự kiện thời sự hay các vấn đề xã hội khác nhau mà là tình cảm chính trị, ý thức chính trị thường trực.

Thơ Tố Hữu là thơ thể hiện các tư tưởng, tình cảm chính trị của thời đại, là thơ phát hiện ý nghĩa chính trị của các hiện tượng đời sống.

Điều hết sức thú vị là trong tập thơ *Từ ấy*, Tố Hữu đề cập hết các hiện tượng xã hội được thể hiện trong Thơ mới lãng mạn và văn học hiện thực phê phán đương thời, và qua mỗi hiện tượng ông đều phát hiện ra ý nghĩa chính trị của chúng. Ông nhìn ra giải pháp cho mọi vấn đề bằng con đường đấu tranh chính trị.

Đối với Tố Hữu, các hiện tượng "mồ côi", "lạc loài", "lầm than", "lạnh lùng", "khổ tủi", "thảm sầu", "hắt hủi", "cô đơn", "điêu tàn", "đẹp và thơ"... đều có nội dung xã hội cụ thể, chứ không phải là các hiện tượng chung chung, nghiệp dĩ của kiếp người. Tiếng đàn em bé hát rong, theo ông, phải là một hành vi chống lại chế độ cũ. Hai cái chết của hai đứa cháu người hành khất phải là cơ sở để nuôi căm hờn. Nhà thơ hướng mọi vấn đề xã hội vào một hướng duy nhất: Cách mạng.

Đối diện với văn thơ lãng mạn tiêu cực về mặt chính trị - đúng như Hoài Thanh nhận định - Tố Hữu đã "chọi lại", "chọi lại trên vấn đề cơ bản là thái độ sống và nhận thức chính trị". Chọi lại như thế nào? Tố Hữu đã mang lại cho các hiện tượng xã hội ấy một nội dung cụ thể, kéo chúng từ sự nhận thức trừu tượng trở về với mảnh đất hiện thực. Các bài *Dửng dưng, Tháp đổ, Điêu tàn, Nhớ người* thể hiện rất rõ cho khuynh hướng đó. Ngay bài *Lao Bảo* mà rất nhiều khi bị xem là bằng chứng của việc nhà thơ "chưa thoát khỏi" ảnh hưởng tiêu cực của thơ mới, ta cũng thấy nhà thơ "chọi lại" bằng cách chỉ ra một hiện tượng điêu tàn, nhưng là do đế quốc Pháp gây nên. Đây cũng có "xương tàn", "nấm mồ bao khối não", có "huyết ứ dưới lời than", nhưng là do "Roi đế quốc, báng súng trường quất xé. Thịt hi sinh của những kiếp đi đày". Và đó là cơ sở để căm hờn, nung nấu ý chí chiến đấu.

Trường hợp này cũng như nhiều trường hợp khác của *Từ ấy*, không thể căn cứ vào sự giống nhau của hình ảnh mà kết luận là nhà thơ đã chịu ảnh hưởng tiêu cực hay tích cực của Thơ mới. Cái quyết định trong quan hệ ảnh hưởng không chỉ ở tính chất tích cực hay tiêu cực của hiện tượng văn học có trước, mà ở lập trường, bản lĩnh của chủ thể tiếp nhận. Tố Hữu đã cắt nghĩa lại, giải thích lại, đổi mới hẳn nội dung của các hiện tượng đó. Tiếp nhận ở đây có nghĩa là cải tạo và đổi mới.

Thơ Tố Hữu cũng có xuân ý, trời hồng, phảng phất của thơ Xuân Diệu. Nhưng Xuân Diệu, mùa xuân gắn với tuổi trẻ hưởng thụ của người cá nhân, còn ở Tố Hữu là "xuân nhân loại", xuân của thời đại mới - một mùa xuân mang đầy nội dung cách mạng. Vậy thì ở đây, nên nói cái nào ảnh hưởng cái nào? Cái quyết định vẫn là tư tưởng và bản lĩnh người tiếp nhận. Ở đây thể hiện rõ bản sắc vững vàng của một nhà thơ chính trị.

Thường có ý kiến cho rằng thơ Tố Hữu có ít những hiện tượng đời thường, ít các chi tiết thường nhật, thơ ông thiên về tổng hợp và về "cái lịch sử", thơ ông ít viết về tình yêu. Đó là những nhận xét có cơ sở. Tuy nhiên, vấn đề không chỉ ở phương diện ít hay nhiều, mà chủ yếu ở tính chất của khái quát. Thực ra nhiều bài thơ của Tố Hữu không ít các chi tiết đời thường, hình ảnh của thực tại. Ta có thể căn cứ vào chi tiết mà nhận ra là bài thơ viết thời nào.

Điều chủ yếu là nhà thơ tập trung khai thác khía cạnh nội dung chính trị của đời thường. Do đó, cái tiêu biểu của thơ Tố Hữu chủ yếu không nằm ở phía tái hiện đời thường, mà ở phía khái quát chính trị sâu sắc, thấm thía, đậm đà. Chẳng hạn như bài *Người con gái Việt Nam* hầu như chẳng có chi tiết sinh hoạt đời thường nào, mà rất "Tố Hữu", và rất hay. Ngay tập thơ *Việt Bắc* giàu hiện tượng đời thường hơn cả nội dung của nó vẫn là ý thức chính trị của con người kháng chiến, khác hẳn chi tiết đời thường kiểu Na-dim Hi-cơ-mét.

Không phải đợi đến bài *Quê mẹ* nhà thơ mới đưa các chi tiết đời tư vào đây. Ta đã biết Tố Hữu đưa đời tư vào ngay bài thơ đầu tiên của tập *Từ ấy*: bài *Mồ côi*. Nhà thơ mất mẹ từ khi ông hãy còn bé. Ông nhắc đến mẹ với những lời thơ rất mực thiết tha, nhưng thường bao giờ cũng gắn liền với lòng biết ơn Đảng: "Mẹ không còn nữa, con còn Đảng. Dìu dắt khi con chưa biết gì", hay "Mẹ ơi, mẹ sinh con ra trong cực khổ. Mẹ chưa hay từ đó có Liên Xô. Có Lê-nin hằng che chở con thơ...". Nhắc đến con mình, nhà thơ liền nghĩ: "Còn bao nhiêu chưa được ngủ trong nôi. Miền Bắc thiên đường của các con tôi". Cả tình yêu đôi lứa cũng thấm nhuần nội dung chính trị: "Mà nói vậy: Trái tim anh đó. Rất chân thật chia ba phần tươi đỏ. Anh dành riêng cho Đảng phần nhiều. Phần cho thơ và phần để em yêu...". Hoặc "Khi âu yếm cùng anh, em hỏi. Tên nào trong muôn ngàn tên gọi. Như mối tình chung thủy không tan? Trong lòng anh, tên ấy: Miền Nam!".

Nhiệt tình chính trị của nhà thơ luôn luôn thường trực trong mọi trường hợp, xâm chiếm vào mọi lĩnh vực đời sống. Và như vậy dẫu cái đời thường có đi vào thơ Tố Hữu nhiều hơn nữa, chất sinh hoạt vẫn không thể tăng lên. Đó cũng là một hiện tượng có quy luật của văn học vô sản trong những thời kì đầu, chẳng hạn như *Người mẹ* của M. Go-rơ-ki hay *Thép đã tôi thế đấy* của N. Ôt-xtơ-rốp-xki. Nói về phong cách M. Go-rơ-ki trong *Người mẹ*, nhà phê bình văn học A. Chi-che-rin cho rằng đó là một chủ nghĩa hiện thực không thể hiện ở "miêu tả các chi tiết sinh hoạt và tâm lí mà ở trong sự tái hiện một cách cụ thể và mạnh mẽ phi thường, nhưng lại khái quát chặt chẽ, tươi tắn, trang trọng về những người công nhân và nông dân Nga trước cách mạng 1905".

Nói về *Thép đã tôi thế đấy*, có nhà phê bình gọi đó là "một cuộc sống không có đời thường".

Cách tiếp cận ấy rất gần với Tố Hữu. Chính nhà thơ đã nhiều lần liên hệ ngày sinh của mình với ngày sinh của Liên Xô (cũ), của Đảng và của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Có thể nói Tố Hữu là nhà thơ chính trị từ trong máu thịt, cốt tủy.

Là một nhà thơ, ông chỉ biết có cuộc sống duy nhất - cuộc sống chính trị. Có thể nói "Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ. Mặt trời chân lí chói qua tim" mới thực là ngày khai sinh và điểm khởi đầu của đời ông. Các giai đoạn cách mạng, những ngày lễ lớn, những sự kiện trọng đại của đất nước mới thật sự là những cái mốc trong cuộc đời tình cảm của ông. Ông không chỉ ở tù có mấy năm rồi sau đó vượt ngục. Ông dường như đã ở tù suốt trăm năm, nghìn năm.

Ông không sống cuộc đời có tình yêu đôi lứa, không có dằn vặt đời thường, ông sống trọn vẹn cuộc đấu tranh suốt trăm năm cho tự do, độc

lập của nhân dân ta. Trái tim ông đập nơi cảnh đói nghèo, bơ vơ do xã hội cũ tạo nên, nó rớm máu dưới giày đinh của thực dân đế quốc. Ông nghẹt thở nơi đất nước bị chia cắt làm đôi, ông đau đớn với cỏ cây, rừng núi Việt Nam thấm đầy chất độc màu da cam của Mĩ. Ông bay múa trong ngày Tổ quốc giải phóng, ông trẻ lại cùng đất nước hồi sinh. Bao giờ Tố Hữu cũng giữ cho tình cảm mình rung động mãnh liệt với ý nghĩa chính trị của các hiện tượng đời sống. Ngay thưởng thức phong cảnh thiên nhiên, nhà thơ cũng suy nghĩ tới chính trị.

Hoài Thanh có lần nhắc lại: "Tố Hữu có lần nói, nghe chim kêu, thấy nắng đẹp mà không nghĩ do đâu mà có thì đánh giá mọi thứ đều sai". Khi đứng trước một người ân nhân cách mạng sắp mất, nhà thơ cũng không hề để lộ niềm thương xót riêng tư, mà triền miên trong lẽ sống cách mạng lớn lao:

Anh nghe thu rứt lá gọi đời đi
Tôi thấy cả một mùa xuân bước lại...

(Những người không chết)

Như vậy thơ trữ tình chính trị của Tố Hữu dựa trên tiền đề thống nhất hoàn toàn, lắm khi là đồng nhất chủ thể trữ tình cá nhân và chủ thể của hoạt động chính trị là giai cấp, Đảng, Nhân dân, Tổ quốc. Sự thống nhất cao độ ấy tự nó đã thủ tiêu lí do phân biệt tuyên truyền và trữ tình, làm gần lại phút bùng cháy của tâm hồn trữ tình với thời điểm bùng nổ của sự kiện chính trị. Tố Hữu đã kết hợp một tình cảm yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội thuần túy nhất với một tình cảm cá nhân đằm thắm trong sáng nhất. Nhờ thế, ông đã sáng tạo được một thế giới nghệ thuật độc đáo của thơ trữ tình chính trị và nâng nó lên một trình độ mới.

Phân tích bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi để thấy rõ những cảm hứng về đất nước của nhà thơ.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Đất nước là bài thơ ngắn (49 dòng) nhưng lại được sáng tác trong thời gian dài (1948-1955)

– Tiền thân là bài thơ *Sáng mát trong như sáng năm xưa* (đăng báo Văn nghệ số 6, tháng 10 và 11/1948) và bài *Đêm mít tinh* (Văn nghệ Xuân 1949). Cả hai bài thơ đều được viết tại Việt Bắc, trong tâm trạng nhớ về Hà Nội của tác giả.

– Phần đầu từ *Sáng mát trong... Trong biếc nói cười thiết tha* được lấy từ bài thơ thứ nhất. Kế đến nối vào đoạn cuối bài thơ thứ hai và cả ý của bài đầu cho đến: *Những buổi ngày xưa vọng nói về*. Đoạn từ *Ôi cánh đồng quê...* cho đến hết bài được Nguyễn Đình Thi viết vào năm 1955.

2. Thân bài

– Cảm hứng của bài thơ:

Như tựa đề, cảm hứng của bài thơ là cảm hứng về giang sơn, gấm vóc, cảm hứng về đất nước, Tổ quốc. Cảm hứng đó xuyên suốt bài thơ, là mạch ngầm kết nối từng mảng tưởng như rời rạc trong tác phẩm, tạo thành hình tượng thơ thống nhất. Do đó, khi phân tích phải luôn tập trung vào chủ đề này.

– Khổ thơ đầu:

Hoài niệm tươi sáng về mùa thu nay. Đây cũng là cảm hứng về một đất nước đổi mới, cảm hứng đầy chất tự hào của người làm chủ. Phát hiện mới mẻ của Nguyễn Đình Thi ở đây là mối quan hệ về đất nước trong truyền thống - đất nước ở hiện tại.

– Phần còn lại của bài thơ:

Tác giả tập trung thể hiện những cảm xúc và suy ngẫm của mình về đất nước từ đau thương trong chiến tranh đã trỗi dậy mạnh mẽ, ngời sáng.

3. Kết bài

Đất nước là bài thơ hay của Nguyễn Đình Thi và của nền thơ Việt Nam kháng chiến. Thành công lớn nhất của tác giả là đã thể hiện những tình cảm chân thực, xúc động của mình về đất nước

B. BÀI LÀM

Xưa nay, nhiều bài thơ hay lại được nhà thơ viết rất nhanh, có vẻ như "xuất thần", nhưng *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi không như vậy. Bài thơ được thai nghén từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp (năm 1948, 1949) và hoàn thành khi cuộc kháng chiến ấy đã kết thúc (năm 1955). Dĩ nhiên, đó phải là thành công của nhà thơ có tài. Nhưng điều quan trọng hơn chính là do tác phẩm ấy được hình thành từ những cảm xúc, suy nghĩ của Nguyễn Đình Thi về một chủ đề lớn: Đất nước!

Mở đầu bài thơ là những cảm xúc trong một sáng mùa thu, gợi nỗi nhớ về Hà Nội:

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới.

Đó cũng là ấn tượng về một mùa thu Hà Nội: không khí mát trong, gió nhẹ thổi và phảng phất mùi hương cốm mới. Câu thơ gợi tả cả không gian, màu sắc và hương vị, "đồng hiện" cả thời gian trong quá khứ và hiện tại, trộn lẫn hình ảnh trong thực tại và hình ảnh trong hoài niệm.

Hương cốm là nét đặc sắc của mùa thu Hà Nội. Dường như đó là kết tinh của tất cả hương vị đất trời, cây cỏ mùa thu Hà Nội. Thạch Lam từng viết về cốm, món quà đặc biệt của mùa thu Hà Nội: "Phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ... là thức dâng của cánh đồng bát ngát xanh, mang trong

hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị mà thanh khiết của đồng quê nội cỏ" (*Hà Nội băm sáu phố phường*).

Sau này, hương cốm cũng đã đi vào nhạc của Trịnh Công Sơn (*Nhớ mùa thu Hà Nội*) cùng với cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ... làm thành nét thanh tao, gợi nhớ mùa thu Hà thành: Hà Nội mùa thu/ Cây cơm nguội vàng / cây bàng lá đỏ / nằm kề bên nhau/ phố xưa nhà cổ / mái ngói thâm nâu / ... Hà Nội mùa thu / mùa thu Hà Nội / mùa hoa sữa về / thơm từng cơn gió / mùa cốm xanh về / thơm bàn tay nhỏ / cốm sữa vỉa hè / thơm bước chân qua...

Nguyễn Đình Thi đã đưa vào thơ những gì đặc trưng nhất của mùa thu Hà Nội. Điều đó chứng tỏ nhà thơ là người gắn bó sâu nặng, thiết tha với Hà Nội.

Nguyễn Đình Thi kể, hồi nhỏ đi học trung học, ông thường lên vùng Hồ Tây ngồi ngắm bầu trời và những áng mây bay. Cảm hứng về bầu trời thu, về những làn gió mát, về hương vị cốm xanh và những dòng sông, ruộng đồng ở đoạn sau của nhà thơ "cũng chính là cảm hứng về đất nước" (Nguyễn Đình Thi - *Bài thơ Đất nước*).

Dòng thơ thứ ba: *Tôi nhớ những ngày thu đã xa* là một sự chuyển mạch. Thực ra, ở hai câu thơ đầu đã có hình ảnh mùa thu xưa rồi, nhưng đến đây có lẽ không kiềm được dòng hồi tưởng nên lời thơ như buột phát ra:

Tôi nhớ những ngày thu đã xa.

Trong bài thơ *Sáng mát trong như sáng năm xưa,* đây vốn là vị trí của câu thơ có hình ảnh đẹp: *Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em.*

Câu thơ mang dáng dấp suy nghĩ và tình cảm của một trí thức Hà Nội. Thời ấy, có thể không hợp với suy nghĩ của nhiều người trong hoàn cảnh kháng chiến nên Nguyễn Đình Thi đã thay đi. Song, dù sao thì sự chuyển mạch ấy cũng hợp lí, kết nối được hình ảnh toàn bài thơ.

Bốn câu thơ kế tiếp miêu tả về mùa thu Hà Nội xưa:

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Mùa thu Hà Nội hiện lên trong hoài niệm của nhà thơ thật đẹp và thơ mộng, về thời tiết, thiên nhiên, không gian (chớm lạnh, xao xác hơi may, phố dài). Đặc biệt, sự cảm nhận của tác giả thật tinh tế và tài hoa khiến cho mùa thu Hà Nội bỗng nhiên biểu hiện bằng hình khối, màu sắc, ánh sáng. Đó là thứ hình khối, ánh sáng, màu sắc của tâm trạng nên khiến lòng người càng thêm xao động.

Mùa thu Hà Nội trong hoài niệm của Nguyễn Đình Thi vì thế mang vẻ đẹp của tâm trạng. Cảnh thu thường gợi lên trong lòng người những

phảng phất buồn bởi sự thay đổi âm thầm, dịu ngọt, chầm chậm của hương vị, hoa lá, cỏ cây, của đất trời, ánh sáng. Nhưng điều quan trọng nhất vẫn là do nhà thơ nắm bắt được những phút giây kì diệu ấy của mùa thu. Ở đất nước, Nguyễn Đình Thi không chỉ nắm bắt được thần thái của mùa thu Hà Nội, mà có lẽ mùa thu ấy từ lâu đã là một phần trong tâm hồn nhà thơ.

Thơ xưa viết về mùa thu thường gắn với chia li, những cuộc tiễn đưa. Thơ thu của Nguyễn Đình Thi vô tình có hình ảnh ra đi ấy và vì thế khiến cảnh thu càng thêm xao xuyến:

Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Đến nay, đã có nhiều ý kiến khác nhau về "người ra đi" trong câu thơ trên. Có người cho đó là người Hà Nội mang tâm trạng, cảnh ngộ rời bỏ thủ đô khi kháng chiến bùng nổ. Lại có ý kiến cho rằng, đó là hình ảnh người lính của Trung đoàn Thủ đô khi rút khỏi Hà Nội... Thực ra, Trung đoàn Thủ đô rời Hà Nội vào mùa xuân sau hai tháng chiến đấu (1947) và cuộc rút lui ấy diễn ra vào ban đêm, dưới gầm cầu Long Biên. Còn nếu gắn việc người Hà Nội ra đi khi kháng chiến bùng nổ càng không đúng vì toàn quốc kháng chiến diễn ra tháng 12 năm 1946. Căn cứ vào cảm xúc và hình tượng thơ có thể khẳng định việc người ra đi ấy diễn ra trước năm 1945. Người ấy có sự dứt khoát về một lựa chọn (đầu không ngoảnh lại) nhưng trong lòng hẳn nhiều vương vấn, luyến lưu nên âm điệu thơ bâng khuâng và cảnh ra đi tuy đẹp nhưng buồn và lặng lẽ. Hình ảnh ấy gần với hình ảnh người ra đi của Thâm Tâm:

Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một giã gia đình, một dửng dưng...
– Li khách! Li khách! Con đường nhỏ
Chí lớn không về bàn tay không.

(Tống biệt hành)

Nguyễn Đình Thi từng thổ lộ: Người ra đi này cũng không phải tác giả hoặc một người cụ thể - người ra đi ấy có thể là đi làm cách mạng, hoặc vì một lẽ khác, vì một bi kịch chung hoặc riêng... Dù sao đấy cũng là một người bỏ nơi ở, bỏ nơi mình đang quen sống để ra đi, người ấy có nhiều nông nổi, nhiều tâm trạng, cho nên ra đi "đầu không ngoảnh lại", cảnh đẹp vắng vẻ, quyến luyến lặng lẽ. Người ra đi ấy có một cảnh ngộ nào đấy ta không biết rõ, nhưng đầu anh ta không ngoảnh lại, anh ta thấy cần phải đi, và những cái anh ta bỏ lại sau lưng, hình như không phải của anh ta nữa (*Thư trả lời bạn đọc*, ngày 14.12.1983).

Dù gì đi nữa thì khổ thơ trên vẫn là những câu thơ đẹp nhất của bài thơ *Đất nước*. Có người nói đó là "những câu thơ thật mới mẻ về hình thức,

thật mới mẻ về cảm xúc so với thời bấy giờ, và ngay cả bây giờ, nó vẫn nguyên giá trị thơ, như là những giá trị cổ điển vậy" (Tâm Hoàng).

Từ hoài niệm về mùa thu Hà Nội xưa, tác giả dẫn vào cảm xúc về mùa thu đất nước, trong cảnh hiện tại ở chiến khu Việt Bắc:

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.

Bài thơ có sự chuyển đổi về âm điệu, nhịp điệu: những câu thơ ngắn với những thanh nhịp nhanh, rộn ràng; sự phối hợp âm thanh với vần trắc và thanh trắc (phấp phới, áo mới). Cảnh sắc thiên nhiên cũng có sự thay đổi. Vẫn là mùa thu với bầu trời trong xanh, nhưng tươi sáng, nhiều hoạt động linh hoạt, gió thổi, rừng tre phấp phới, trời thu thay áo mới, nói cười thiết tha. Tất cả sự thay đổi ấy hòa nhập với tâm trạng con người (đứng vui), thể hiện niềm vui hồ hởi, phấn chấn, tin tưởng, một vẻ đẹp khỏe mạnh và tươi sáng.

Sự tinh tế trong cảm nhận của nhà thơ thể hiện ở những nét riêng biệt của mùa thu mới: âm thanh ngân xa, vang vọng, ánh nắng như trong sáng hơn và bầu trời cũng cao rộng hơn.

Từ cảm xúc về mùa thu đất nước, Nguyễn Đình Thi dẫn dắt đến sự bộc bạch tình cảm mến yêu tha thiết và tự hào:

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

Những từ chỉ định (đây) và điệp ngữ (của chúng ta) vang lên dõng dạc, tự hào về quyền làm chủ đất nước. Ngay cả sự liệt kê (một cách khái quát, bằng những danh từ và tính từ) tiếp tục bổ sung cho niềm tự hào to lớn ấy. Đặc biệt là hình ảnh bầu trời được Nguyễn Đình Thi hết sức chú ý: Trời xanh đây là của chúng ta. Hình ảnh ấy vừa chân thực, lại vừa có ý nghĩa tượng trưng cho đất nước, cho tự do, cho những gì cao đẹp nhất của con người. Còn nhớ, trước năm 1945, Nguyễn Đình Thi từng viết:

Trời xanh ơi hỡi xanh không nói
Hồn ta muốn hiểu chẳng cùng cho.

Khi ấy, "trời xanh" là hình ảnh đẹp, nhưng ngoài tầm với và sự hiểu biết của con người.

Trên cái nền không gian rộng mở, được miêu tả từ nhiều mặt, Nguyễn Đình Thi chuyển sang chiều dài thời gian, nói lên đặc điểm, truyền thống và độ sâu lắng của đất nước và con người Việt Nam.

Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất.

Thực ra, quá khứ, truyền thống của dân tộc không chỉ có vậy. Nhưng có lẽ, trong hoàn cảnh của cuộc kháng chiến toàn dân lúc bấy giờ, Nguyễn Đình Thi tập trung nói về truyền thống bốn nghìn năm kiên cường chống giặc ngoại xâm. Câu thơ có sự khái quát rất cao, nhưng lại gợi mở về những lớp người, những thế hệ đã anh dũng hi sinh, sẵn sàng hiến dâng cho đất nước.

Tất nhiên, cùng với nhiều truyền thống tốt đẹp khác, tinh thần bất khuất của dân tộc hợp thành tiếng nói bền bỉ, liên tục, tiếp sức cho hiện tại:

Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

Tiếng nói ấy trở thành hồn thiêng sông núi, tiếp sức, nhắc nhở người đời sau. Nguyễn Đình Thi là nhà thơ sớm cảm nhận mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại. Sau ông, nhiều nhà thơ còn tiếp tục khai thác những khía cạnh độc đáo khác nhau về mối quan hệ ấy. Từ Huy Cận:

Cha ông yêu mến thời xưa cũ
Trần trụi đau thương bỗng hóa gần
Những bước mất đi trong thở gỗ
Về đây, tươi vạn dặm đường xuân.

(Các vị La Hán chùa Tây Phương)

đến Chế Lan Viên (*Người đi tìm hình của nước, Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?*), Lê Anh Xuân, Thu Bồn... rồi Nguyễn Khoa Điềm trong những năm tháng đánh Mĩ:

Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất Nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng
Em ơi em, Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...

(Mặt đường khát vọng)

Hồ Thị Diệm

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi: *Mùa thu nay khác rồi ... Những buổi ngày xưa vọng nói về.*

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

– Đây là một bài thơ hay của Nguyễn Đình Thi và của thơ ca kháng chiến chống thực dân Pháp.

– Đoạn thơ mở đầu bài thơ *Đất nước* được đánh giá là đoạn hay nhất bài thơ vì biểu lộ cảm xúc trực tiếp về một mùa thu mới đang tới trên quê hương.

2. Thân bài

– Đoạn thơ nguyên là những đoạn của hai bài thơ khác nhau nối lại với sự điều chỉnh và sửa chữa chút ít.

– Mở đầu, nhà thơ gợi lại hình ảnh của một "mùa thu đã xa" với không khí "xao xác" và hình ảnh "người ra đi" lặng lẽ. Nỗi xao xuyến, bâng khuâng là âm điệu chính của đoạn đầu này.

– Tiếp theo, tác giả bộc lộ niềm vui giao hòa giữa lòng người và cảnh vật khi chứng kiến "mùa thu nay" đầy âm điệu háo hức - mùa thu của đất trời giải phóng. Hai chữ "vui nghe" không chỉ diễn tả một trạng thái tình cảm nhất thời mà còn nói rõ cách nghe hay là một cách nhận thức mới của nhà thơ về cuộc đời.

– Từ niềm vui nói trên, đoạn thơ chuyển ý rất tự nhiên, nhấn mạnh ý thức sở hữu của cái ta cộng đồng với non nước mình, mặt khác, bộc lộ cảm xúc tự hào và sung sướng của nhà thơ trước vẻ đẹp đắm say của Tổ quốc.

– Phần cuối của đoạn thơ dẫn người đọc vào mạch suy tư về truyền thống anh hùng của đất nước. Ở đây xuất hiện một định nghĩa rất thơ và cũng rất Nguyễn Đình Thi về Tổ quốc Việt Nam.

3. Kết bài

Trong bài thơ, cảm hứng thời đại đã hòa quyện với cảm hứng lịch sử trong một niềm xúc động đẹp đẽ.

B. BÀI LÀM

Có lẽ những câu thơ hay nhất là những câu thơ nói về tình yêu quê hương đất nước. Tình yêu ấy được sinh ra trong mỗi chúng ta khi còn nằm trong nôi nghe những lời nồng nàn của mẹ. Lớn lên, hình ảnh quê hương được thu vào tầm mắt, và tình yêu trỗi dậy trong lòng. Đất nước đã đi vào những trang thơ như tình yêu đi vào lòng ta vậy. Một vài câu, một vài giai điệu hình thành nên đất nước. Đất nước của Nguyễn Đình Thi là một bài thơ như thế. Phải chăng ý thơ đã dồn lại ở đây:

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về...

Hình ảnh đất nước được bắt đầu bằng nỗi nhớ về những tháng ngày đã xa. Nỗi nhớ ấy có gì buồn bã nhưng không bi lụy, mà nó chỉ thể hiện quyết tâm của người ra đi. Nhớ về quá khứ để mà nhìn lại thực tại:

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.

Âm hưởng đoạn thơ như một tiếng reo vui khác hẳn đoạn đầu của bài thơ, không có những con phố dài xao xác hơi may, những lá rơi đầy, những người ra đi đầu không ngoảnh lại, mà chỉ có niềm vui phấp phới trong lòng tác giả. Trở về hoàn cảnh sáng tác bài thơ ta thấy đây là giai đoạn đất nước ta phải thực hiện cuộc chiến tranh chống quân xâm lược. Trải qua những tháng ngày gian khổ nhưng đầy hào hùng ấy ta đã giành được thắng lợi. Mở đầu bài thơ là những ngày đất nước bắt đầu cuộc kháng chiến. Người thanh niên tiểu tư sản phải từ giã mái trường và thời trung học tươi đẹp để dấn thân vào con đường cách mạng phục vụ cho lí tưởng. Và hôm nay, trong chiến khu Việt Bắc, niềm vui đã ùa đến lòng người thanh niên học sinh năm nào. Nhớ lại những ngày tháng xưa để bộc lộ rõ niềm vui hôm nay. Với niềm tin của mình, người thanh niên ấy đã khẳng định "Mùa thu nay khác rồi". Và từ đáy lòng mình thốt ra những niềm say sưa bất tận. Mùa thu năm nay đã khác mùa thu xưa vì đất nước đã chuyển mình đổi khác.

Giữa núi đồi bình yên của chiến khu, tác giả như nghe rõ sự chuyển biến của đất nước. Núi rừng cũng vui theo từng cơn gió, bầu trời ảm đạm năm nào của mùa thu xưa nay đã thay áo, một màu xanh biếc phủ lên nền trời lạnh lẽo của gió heo may. Bom đạn không còn nữa, làn khói mịt mù âm u và những chuỗi ngày xa vắng của núi rừng đã tan biến. Trong niềm vui hân hoan tột đỉnh ấy ta bỗng nhớ lại mình và khẳng định mình:

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta.

Hai câu thơ khẳng định này như một lời tuyên ngôn. Nó làm ta nhớ lại âm điệu sang sảng, hào hùng trong lời tuyên ngôn của Lí Thường Kiệt

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời.

(Nam quốc sơn hà)

"Nước của ta", đó là điều tác giả muốn khẳng định. Trời xanh này, núi rừng này là của những người suốt đời gắn bó với nó. Sự xâm lược của những kẻ điên cuồng chỉ là vô ích. Câu thơ khẳng định nhẹ nhàng nhưng có sức cảnh báo lớn đối với kẻ thù. Hình ảnh đất nước hiện lên thật đơn sơ nhưng rất đẹp, nó hiền hòa như những luỹ tre, gợi mở như những tấm lòng. Đất nước còn gì nữa?

Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

Ôi đất nước! Càng nghĩ càng thêm yêu mến quê hương. Đất nước của những anh hùng áo vải làm nên những chiến công phi thường là thế đó. Những cánh đồng bao la, những hạt lúa chín vàng óng ả, những ngả đường khắp nẻo của quê hương, những dòng sông nghìn đời lặng lẽ chở nặng phù sa bồi đắp đồng ruộng... những hình ảnh ấy thấm đậm những giọt máu của người ngã xuống để bảo vệ mảnh đất này. Hình ảnh của đất nước ta là dáng hình sừng sững của chiến sĩ giải phóng trên đường bay Tân Sơn Nhất, là bóng dáng gầy gò của người mẹ chèo đò sang sông, và cũng là những hình ảnh của tuổi thơ êm đềm, ngây thơ của đứa trẻ hỏi "Quê hương là gì hở mẹ?". Hàng nghìn năm qua đất nước đã tồn tại, những người đã ngã xuống có những người khác tiếp bước đứng lên. Cứ thế, đất nước có mãi trong lòng mỗi người.

Lời reo vui của tác giả giờ đây hòa nhập trong cảm hứng chung của mọi người. Cái âm hưởng vui tươi giờ có vẻ trầm lắng hơn và trang trọng khi cảm xúc chủ quan của tác giả chuyển sang lời tuyên ngôn của dân tộc.

Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

Những người đã dâng cuộc đời cho đất nước ngàn năm vẫn sống mãi với quê hương. Hàng nghìn năm qua đất nước đã chịu bao gót giày của quân xâm lược xéo nát. Những vết thương vẫn còn mãi, nhưng dân tộc ta không bao giờ khuất phục, nếu có người gục xuống thì người khác sẽ lên thay. Đất nước này là của chúng ta và là của những người đã ngã, họ không bao giờ mất đi trong lòng đất nước. Câu thơ "Đêm đêm rì rầm trong

tiếng đất" làm người ta nhớ lại hình ảnh người mẹ già đào hầm nuôi giấu bộ đội trong thơ Dương Hương Ly:

Mẹ vẫn đào hầm dưới tầm đại bác
Bao đêm rồi tiếng cuốc vọng năm canh.

Hình ảnh của người mẹ này sẽ bất diệt cùng hình ảnh của đất nước. Tiếng cuốc của mẹ vọng vào đêm trường như lời của "Những buổi ngày xưa vọng nói về". Đoạn thơ cô đọng với những tiếng rì rầm, vang vọng của người đã khuất. Đất nước là những hình ảnh đẹp, những ý chí hào hùng sảng khoái, nhưng cũng chứa đựng những khắc nghiệt, những đau đớn mất mát do quân xâm lược gây ra. Đã nhiều nhà thơ lấy đề tài đất nước gợi cảm hứng cho mình. Trong trường ca *Mặt đường khát vọng*, Nguyễn Khoa Điềm cũng cho ta hình ảnh của đất nước: *Đất nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa" mẹ thường hay kể..., những hòn Vọng Phu, những hòn Trống Mái,* và *Đất Nước là tiếng đàn bầu, là những cuộc tiễn đưa...*

Đoạn thơ trên là khúc hoan ca của tác giả khi đất nước đã có một vùng giải phóng "dẫu chưa toàn vẹn đã bay cờ hồng" ở chiến khu Việt Bắc. Cái đáng quí của bài thơ là sự chân thành của tác giả trước đất nước độc lập tự do. Có được độc lập dân tộc ta đã phải đổ biết bao xương máu. Chế Lan Viên đã từng nói: *"Phải trăm năm mới có ngày độc lập"*. Và làm sao đếm được hết người hi sinh bởi lửa đạn chiến tranh, những roi vọt ngục tù mà dân tộc ta đã phải trải qua? Xiềng xích, súng đạn của quân thù không khuất phục được ta, mà ngược lại, những xóm làng vườn ruộng của ta sẽ "mọc lên những luỹ thép", sẽ hóa thành những bể dầu sôi để giết quân thù.

Những câu thơ như có giai điệu của âm nhạc. Nghệ thuật đoạn thơ phong phú, những hình ảnh về đất nước giản dị nhưng có sức khẳng định mạnh.

Và một phần lớn đất nước còn lại đang dưới sự kiểm soát của kẻ thù. Mặc dù vui trong thắng lợi nhưng tác giả cũng không quên được mối nguy hiểm đe dọa đất nước. Tác giả như thay lời đất nước khẳng định quyền làm chủ của dân tộc mình. Những lời nói tự hào này là lời cảnh cáo đối với kẻ thù. Đất nước Việt Nam ta qua năm tháng đã ghi lại những trang sử hào hùng chói lọi. Tượng đài đất nước là những bài thơ, những cảm xúc và suy nghĩ chân thành của tác giả. Có những tháng năm không thể nào quên, những năm tháng hào hùng và nước mắt. Đất nước ta đã trải qua những ngày tháng ấy. Nguyễn Đình Thi đã xây dựng khá hoàn chỉnh hình ảnh đất nước trong lòng quá khứ và trong hiện tại. Nói đúng hơn, điểm nhìn của tác giả là một thời điểm đầy cam go của dân tộc nhưng tâm hồn của nhà thơ, của những người kháng chiến, của đất nước vẫn là "mát trong như sáng năm xưa". Đọc *Đất nước*, lòng chúng ta thấy xao xuyến, chúng ta thấy niềm vui vô bờ bến của một người tự do đang say sưa với đất nước tự do và đang chiêm nghiệm quá khứ của ông cha với niềm tự hào vô bờ bến...

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tâm tư trong tù* của Tố Hữu:

Cô đơn thay là cảnh thân tù!
Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực
Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu!
Nghe chim reo trong gió mạnh lên triều
Nghe vội vã tiếng dơi chiều đập cánh
Nghe lạc ngựa rùng chân bên giếng lạnh
Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về...

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Tâm tư trong tù là bài thơ mở đầu cho phần thơ tù, phần *Xiềng xích* trong tập thơ *Từ ấy* của Tố Hữu.

2. Thân bài

a. Câu 9 đến câu 12

– Nỗi cô đơn, buồn bã của nhân vật trữ tình khi bị giặc Pháp tù hãm:

Cô đơn thay là cảnh thân tù!

– Tâm hồn của nhân vật trữ tình luôn khát khao tự do, gắn bó với cuộc đời. Thái độ này rất tích cực:

Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực
Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu!

b. Câu 13 đến câu 16

Bằng trí tưởng tượng phong phú, nhân vật trữ tình đã vẽ được một bức tranh sống động ở bên ngoài xà lim dựa trên những âm thanh của nó:

+ tiếng "*chim reo*",
+ tiếng "*gió mạnh*",
+ tiếng "*dơi chiều đập cánh*" *lúc hoàng hôn*,
+ tiếng "*lạc ngựa rùng chân*",
+ "*tiếng guốc đi về...*"

Chú ý bình giảng hai câu thơ:

Nghe lạc ngựa rùng chân bên giếng lạnh
Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về...

c. Đánh giá

Đây là một đoạn thơ hay nhất trong bài *Tâm tư trong tù* của Tố Hữu.

– Lời thơ cô đọng, hàm xúc, trong sáng, truyền cảm, lôi cuốn.

– Nhịp thơ tha thiết, sôi nổi.

– Hình ảnh của cái tôi của nhân vật trữ tình hiện lên vừa lãng mạn, trẻ trung, non nớt, mới mẻ, nhạy cảm, tinh tế, vừa đáng yêu, hiên ngang, bất khuất.

3. Kết bài

Tâm tư trong tù là bài thơ ra đời trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhưng bài thơ đã sớm biểu hiện được một trong ba phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu, đó là một hồn thơ cách mạng, sôi nổi, mãnh liệt, có một sức mạnh làm lay động lòng người.

B. BÀI LÀM

Từ ấy là tập thơ đầu tay, cũng là thành công đầu tiên của Tố Hữu trên con đường nghệ thuật. Tập thơ gồm có 71 bài chia làm 3 phần: *Máu lửa - Xiềng xích - Giải phóng. Từ ấy* nói lên 10 hoạt động sôi nổi, say mê từ giác ngộ qua thử thách đến trưởng thành của người thanh niên cách mạng trong một giai đoạn lịch sử sôi động đã diễn ra nhiều biến cố to lớn, làm rung chuyển và đổi thay sâu sắc xã hội Việt Nam. *Từ ấy* là cái mốc đánh dấu một sự biến đổi quan trọng của thơ ca Việt Nam. *Tâm tư trong tù* là bài thơ mở đầu cho phần thơ tù, phần *Xiềng xích* trong tập thơ này. Một đoạn trong bài *Tâm tư trong tù* Tố Hữu có viết:

Cô đơn thay là cảnh thân tù!
Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực
Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu!
Nghe chim reo trong gió mạnh lên triều
Nghe vội vã tiếng dơi chiều đập cánh
Nghe lạc ngựa rùng chân bên giếng lạnh
Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về...

Trước khi tìm hiểu đoạn thơ, chúng ta cần quan tâm đến tình hình lịch sử năm 1939.

Đầu năm này, tình hình thế giới trở nên căng thẳng, cuộc Chiến tranh Thế giới thứ hai sắp sửa bùng nổ, thực dân Pháp ra sức ngăn cấm những hành động cách mạng, khủng bố những chiến sĩ tham gia phong trào, chĩa mũi nhọn đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối tháng 4-1939, Tố Hữu bị thực dân Pháp bắt ở Huế trong một đợt khủng bố Đảng Cộng sản. *Tâm tư trong tù* được viết ngay trong những ngày nhà thơ bị tù hãm một cách vô cớ tại Xà lim số 1, lao Thừa Thiên (29-4-1939).

Trích đoạn thơ trên đây bày tỏ nỗi cô đơn, lòng yêu đời, niềm khát khao tự do mãnh liệt của nhân vật trữ tình trong những chuỗi ngày đối diện với "*bốn tường vôi khắc khổ*".

Trước hết là nỗi cô đơn, buồn bã của nhân vật trữ tình:

Cô đơn thay là cảnh thân tù

Đây là một tiếng kêu xác nhận một sự thật oan ức, cay đắng chứ không phải là tiếng rên của một kẻ hèn hạ, yếu đuối. Nhà thơ cũng đã từng tâm sự:

Khóc là nhục. Rên, hèn. Van, yếu đuối.

Tiếng kêu ấy còn ẩn chứa cái tâm trạng tiếc ngày, giờ của một chàng trai 19 tuổi, say mê lí tưởng rất gần gũi với tâm trạng của bậc đại nhân, đại trí, đại dũng Hồ Chí Minh:

Xót mình giam hãm trong ngục tù
Chưa được xông ra giữa trận tiền
Trời xanh cố ý hãm anh hùng
Cùm xích tiêu ma tám tháng ròng
Tấc bóng nhìn vàng đau xót thực,
Bao giời thoát khỏi chốn lao lung.

(Nhật kí trong tù)

Mặt khác, chúng ta còn bắt gặp tâm hồn của nhân vật trữ tình luôn khát khao tự do, gắn bó với cuộc đời. Thái độ này rất tích cực:

Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực
Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu!

Anh lắng nghe những âm thanh của cuộc sống bên ngoài "*bốn tường vôi khắc khổ*" bằng thính giác và bằng cả tâm hồn "*sôi rạo rực*". Ở đây, "*tiếng đời lăn náo nức*" là một sự sáng tạo trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Hai chữ "*náo nức*" vừa miêu tả những âm thanh bình dị của cuộc đời thường, vừa miêu tả được những âm thanh xôn xao mãnh liệt, tha thiết trong cõi lòng nhà thơ. Câu thơ "*Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu!*" như một tiếng reo vui, reo vui trong nuối tiếc, ngẩn ngơ, bồn chồn tê tái bởi lẽ "*ngoài kia vui sướng*" hoàn toàn đối lập với "*cảnh thân tù*" cô đơn, lạnh lẽo, âm u, tăm tối.

Ở bốn câu thơ còn lại của trích đoạn, bằng trí tưởng tượng phong phú, nhân vật trữ tình đã vẽ một bức tranh sống động ở bên ngoài xà lim dựa trên những âm thanh của nó: tiếng "*chim reo*", tiếng "*gió mạnh*", tiếng "*dơi chiều đập cánh*" lúc hoàng hôn, tiếng "*lạc ngựa rùng chân*", "*tiếng guốc đi về*". Đặc biệt là hai câu thơ:

Nghe lạc ngựa rùng chân bên giếng lạnh
Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về...

đã để lại trong lòng độc giả yêu thơ, say thơ suốt mấy chục năm qua sức rung, sức gợi sâu xa.

"Nghe lạc ngựa rùng chân bên giếng lạnh", thể hiện sự tinh tế, nhạy cảm và trí tưởng tượng phong phú của nhà thơ: từ âm thanh được nghe (*lạc ngựa*), người chiến sĩ cách mạng hình dung cảnh con ngựa bên giếng, cảm nhận được cái lạnh của buổi hoàng hôn qua động tác *"rùng chân"* của nó, qua cả cái lạnh đã thấm sâu vào làn nước ở đáy sâu. Như vậy, sự cảm nhận của thi nhân không chỉ bằng thính giác, xúc giác mà còn bằng linh giác! Còn câu thơ: *"Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về"* dường như không có một chút dùng công nghệ gì cả nhưng lại có sức lay động lòng người lớn lao. Nhà nghiên cứu, phê bình văn học Hoài Thanh đã nhận xét: *"Một tiếng guốc dưới đường xa nhà thơ ghi vội. Đã bao nhiêu năm rồi còn vang mãi trong thơ"*.

Thật vậy, câu thơ gợi lên không khí vắng vẻ của đường phố cạnh nhà lao Thừa Phủ - Huế. Tiếng guốc đi qua, xa dần nhưng âm thanh cứ vang vọng mãi trong lòng người. Tiếng guốc chính là biểu tượng của cuộc đời bình dị, lần đầu tiên được vọng vào thơ. Tiếng guốc gợi thương những bước chân của tuổi học trò đang thơ ngây, hồn nhiên cắp sách đến trường. Tiếng guốc gợi nhớ một thời tuổi trẻ, mới đây thôi, hãy còn đang ôm ấp những ước mơ, hoài bão đẹp muốn mang hết sức trẻ của mình cống hiến cho Tổ Quốc Việt Nam trăm quý ngàn yêu. Vả lại, cái *"nghiêng tai kì diệu"* ấy còn giúp chúng ta thấu hiểu được nỗi đau nhói tâm can của một con người bị cách li một cách vô cớ chỉ vì phạm *"tội yêu nước"*, đi làm cách mạng giải phóng dân tộc.

Nhìn chung, đây là một đoạn thơ hay nhất trong bài *Tâm tư trong tù* của Tố Hữu. Lời thơ cô đọng, hàm xúc, trong sáng, truyền cảm, lôi cuốn. Nhịp thơ tha thiết, sôi nổi. Hình ảnh của cái tôi của nhân vật trữ tình hiện lên vừa lãng mạn, trẻ trung, non nớt, mới mẻ, mà nhạy cảm tinh tế, vừa đáng yêu, vừa hiên ngang, bất khuất.

Tóm lại, bài *Tâm tư trong tù* là bài thơ đặc sắc. Dù ra đời trong hoàn cảnh khắc nghiệt - bài thơ được chép vào mảnh giấy mỏng cuốn thuốc lá, găm vào lá gồi, đưa ra ngoài (cùng với nhiều bài thơ tù khác) rồi được các đồng chí đăng báo, kí tên "một người tù" - nhưng bài thơ đã sớm biểu hiện được một trong ba phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu, đó là một hồn thơ cách mạng, sôi nổi, mãnh liệt, có một sức mạnh làm lay động lòng người. Vì lẽ đó, đã hơn sáu mươi năm qua rồi mà bài thơ *Tâm tư trong tù* cũng như tập thơ *Từ ấy* vẫn còn trụ lại được với một sự tinh lọc của độc giả, với thử thách khắc nghiệt của thời gian.

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu:

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng,
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Tố Hữu là nhà thơ cách mạng nổi tiếng trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Đặc biệt, bài thơ *Việt Bắc* trong tập thơ cùng tên của Tố Hữu là một sáng tác nghệ thuật đặc sắc. Ở tập thơ ấy, tiếng nói của quảng đại quần chúng, nhân dân đã được Tố Hữu nâng lên thành thơ.

2. Thân bài

a. Cảm xúc chủ đạo của đoạn thơ

Ta về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

Khúc dạo đầu ấy đã làm "thoảng bay" nội dung của cả đoạn thơ nỗi nhớ da diết về thiên nhiên nơi núi rừng Việt Bắc và con người ở nơi *"ân tình thủy chung"* ấy.

– Cặp từ *"ta - mình"*: một thủ pháp nghệ thuật độc đáo, khơi nguồn cho dòng mạch nhớ thương trôi chảy.

– *"Ta về mình có nhớ ta"* là câu hỏi tu từ được dùng làm cái cớ để bộc lộ tình cảm của chính bản thân mình: *"Ta về ta nhớ những hoa cùng người"*.

b. Thiên nhiên và con người Việt Bắc

* *Thiên nhiên:* đẹp như một bức tranh tứ bình, hiện lên ở câu lục:

– Mùa đông: *Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*
– Mùa xuân: *Ngày xuân mơ nở trắng rừng*
– Mùa hạ: *Ve kêu rừng phách đổ vàng*
– Mùa thu: *Rừng thu trăng rọi hòa bình.*

* *Con người*

Con người Việt Bắc là linh hồn của cả bức tranh thơ, là trung tâm của nỗi nhớ mênh mang.

c. Đánh giá

– Thiên nhiên và con người hòa quyện, quấn quýt bên nhau và điểm tô cho nhau.

– Nghệ thuật điệp cấu trúc cú pháp, đổi trật tự cú pháp, điệp từ được nhà thơ sử dụng rất thành công.

– Nhịp, âm điệu thơ hài hòa, mềm mại, uyển chuyển, làm say lòng người.

– Cách xưng hô "*mình*" - "*ta*" rất gần với điệu hát dao duyên trong kho tàng ca dao - dân ca.

– Sự kết hợp điêu luyện, hài hòa giữa nghệ thuật thơ ca với các yếu tố hội họa, âm nhạc, điện ảnh đã chứng tỏ Tố Hữu là một người nghệ sĩ tài hoa, yêu cảnh, yêu người, yêu quê hương đất nước sâu nặng.

3. Kết bài

Trích đoạn trên thuộc những dòng thơ đặc sắc nhất, tài hoa nhất, chất chứa vẻ mĩ học sâu sắc nhất trong bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, là đoạn thơ *"có thể sánh với bất kì đoạn thơ miêu tả thiên nhiên nào trong văn học cổ điển"* (Hoài Thanh).

B. BÀI LÀM

Tố Hữu là nhà thơ cách mạng nổi tiếng trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Tố Hữu được Chủ tịch nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (Đợt I - 1996). Ông để lại cho đời nhiều tập thơ (tính đến năm 2001): *Từ ấy* (1946), *Việt Bắc* (1954), *Gió lộng* (1961), *Ra trận* (1972), *Máu và hoa* (1977), *Một tiếng đờn* (1992) và *Ta với ta* (1999). Thơ Tố Hữu vượt thời gian nhờ một phong cách nghệ thuật độc đáo. Đó là một hồn thơ cách mạng sôi nổi, mãnh liệt. Đó là nhà thơ của lẻ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn, của lòng thương mến và ân tình thủy chung. Đó là một nghệ thuật thơ ca giàu tính dân tộc và hồn nhiên. Đặc biệt, bài thơ *Việt Bắc* trong tập thơ cùng tên của Tố Hữu là một sáng tác nghệ thuật đặc sắc. Ở tập thơ ấy, tiếng nói của quảng đại quần chúng, nhân dân đã được Tố Hữu nâng lên thành thơ. Đây là một đoạn thơ trong bài *Việt Bắc:*

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng,
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết (tháng 7-1954), hòa bình trở lại, miền Bắc nước ta được giải phóng. Một trang sử mới của đất nước và một giai đoạn mới của cách mạng được mở ra. Tháng 10-1954, các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc để trở về thủ đô Hà Nội. Nhân sự kiện thời sự có tính chất lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ *Việt Bắc*. Phần đầu bài thơ tái hiện một giai đoạn gian khổ, vẻ vang của Cách mạng và kháng chiến ở chiến khu Việt Bắc nay đã trở thành những kỉ niệm sâu đậm trong lòng người. Phần sau nói lên sự gắn bó giữa miền ngược và miền xuôi trong một viễn cảnh hòa bình tươi sáng của đất nước và kết thúc bằng lời ngợi ca công ơn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng đối với dân tộc.

Việt Bắc là một đỉnh cao chói lọi của thơ Tố Hữu, là một bản hợp xướng của nhân dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp xâm lược.

Đoạn thơ được trích dẫn trên đây thuộc phần thứ nhất của bài thơ - phần nói về những kỉ niệm kháng chiến.

Cảm xúc chủ đạo của đoạn thơ được bộc lộ ở hai câu đầu:

Ta về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

Đây là lối nói đưa đẩy, *"vòng vo"* - một mô-típ trong nghệ thuật thơ ca dao, dân ca - là một khúc dạo đầu của bài ca trữ tình, chan chứa nghĩa tình cách mạng. Khúc dạo đầu ấy đã làm "thoảng bay" nội dung của cả đoạn thơ: nỗi nhớ da diết về thiên nhiên thơ mộng của núi rừng Việt Bắc và con người ở nơi *"ân tình thủy chung"* ấy.

Cặp từ *"ta"* - *"mình"* - một thủ pháp nghệ thuật độc đáo, khơi nguồn cho dòng mạch nhớ thương tuôn chảy. Trong tiếng Việt, từ *"mình"*, *"ta"* có hai ý nghĩa chính:

"Ta": (1) tiếng mình tự xưng (người phát ngôn); (2) tiếng để chỉ mình đối với người, có nghĩa là chúng mình, chúng ta.

"Mình": (1) thân người ta' (2) tiếng xưng hô thân mật giữa vợ chồng.

Ở đoạn thơ, từ *"ta"* - *"mình"* chủ yếu được dùng theo nghĩa (2) để tạo nên mối quan hệ gắn bó giữa hai nhân vật đối lập.

Câu hỏi tu từ *"ta về mình có nhớ ta"* được dùng làm cái cớ để bộc lộ tình cảm chính bản thân mình. "Ta về ta nhớ những hoa cùng người".

Ở tám câu thơ lục bát còn lại nhà thơ chìm lắng trong cõi nhớ mênh mang. Thiên nhiên ở các câu lục hiện lên đẹp như một bức tranh tứ bình.

Thứ nhất là bức tranh mùa đông:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi.

Những đốm đỏ tươi của hoa chuối rừng bùng lên như một bó đuốc sáng rực, cháy trên sắc biếc xanh bạc ngàn của lá. Sự tương phản giữa gam màu xanh và đỏ càng làm cho bức tranh thơ lộng lẫy, chói chang hơn.

Thứ hai là bức tranh mùa xuân:

Ngày xuân mơ nở trắng rừng.

Sự ngàn ngập sắc trắng tinh khôi, thanh khiết của hoa mơ phủ lên cả cánh rừng gợi cảm giác choáng ngợp, thơ mộng trong những chuỗi ngày xuân cách mạng. Câu thơ gợi nhớ, gợi thương cái duyên với hoa mơ của Tố Hữu năm nào:

Ôi sáng xuân nay xuân bốn mốt
Trắng rừng biên giới nở hoa mơ.

Thứ ba là bức tranh mùa hạ:

Ve kêu rừng phách đổ vàng.

Bức tranh này không chỉ có màu sắc, ánh sáng mà còn có cả những âm thanh vang ngân của núi rừng: tiếng "*ve kêu*" - khúc nhạc rừng. Tiếng "*ve kêu*" báo hiệu hè sang. Khi đức vua mùa hạ đến ngự trị thì cả rừng phách chuyển màu vàng rực. Nếu Xuân Diệu dùng từ "*đổ*" để ca ngợi vẻ đẹp của mùa thu:

Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá
Thu đến nơi nơi động tiếng huyền.

(Thơ duyên)

thì Tố Hữu dùng từ "*đổ*" để gợi vẻ mĩ miều của mùa hạ. Mặt khác, từ "*đổ*" chính là "*con mắt*" (nhãn tự) của câu thơ. Nó miêu tả được sự luân chuyển sống động của thời gian (*ve kêu* - hè về) và không gian (rừng phách đổ vàng) trong sắc thái rộn rã, huy hoàng. Như vậy, sự sáng tạo nghệ thuật độc đáo của nhà thơ là thời gian cũng mang màu sắc.

Thứ tư là bức tranh mùa thu:

Rừng thu trăng rọi hòa bình

Khác với ba bức tranh mùa đông, mùa xuân, mùa hạ trên đây được vẽ dưới ánh nắng mặt trời tràn đầy; bức tranh mùa thu được nhà thơ động bút vào một đêm thu dịu dàng, hòa quyện ánh trăng huyền ảo khúc xạ vào vòm lá. Cách dùng từ "*rọi*" của nhà thơ vừa hay, vừa mang kỹ thuật điện ảnh cao. Bức tranh ấy thấp thoáng ước mơ thầm kín về một cuộc sống thanh bình, êm ả. Vả lại, câu thơ còn gieo vào lòng ta nỗi niềm bồi hồi, xúc động gợi nhớ câu thơ của Bác hứng khởi cất lên trong những tháng ngày dài sống - làm việc nơi chiến khu Việt Bắc: *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.*

Nhìn chung, khung cảnh bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông của núi rừng Việt Bắc rất rực rỡ, thi vị, lãng mạn và gợi cảm. Bức tranh thơ sống động,

hòa quyện ánh sáng, màu sắc ấy vừa chuyên chở vẻ đẹp cổ điển vừa chuyên chở vẻ đẹp hiện đại. Vẻ đẹp cổ điển dễ làm độc giả liên tưởng bộ tứ bình trong *Truyện Kiều* của thiên tài văn học Nguyễn Du vẽ đã hơn 200 năm qua:

Sen tàn, cúc lại nở hoa,
Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.

Nếu các câu lục miêu tả bức tranh thiên nhiên thì các câu bát là bức tranh con người Việt Bắc. Con người Việt Bắc là linh hồn của bức tranh thơ, là trung tâm của cõi nhớ: *Đèo cao nắng ánh dao cài thắt lưng.*

Nghệ thuật quan sát và miêu tả của nhà thơ rất tinh tế, sắc sảo, mang màu sắc "*rất Việt Bắc*". Các luồng sáng của nắng bỗng chói lên bởi sự phản quang của lưỡi dao trên thắt lưng người lao động tạo nên hình ảnh lấp lánh "*nắng ánh*". Nhưng cái thế đứng cao vời vợi, mạnh mẽ, tự tin của người làm chủ thiên nhiên đẹp hơn.

Ở câu bát nối tiếp, nhà thơ nhớ về cô gái làm nghề thủ công mĩ nghệ:

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

"*Chuốt*" là cách làm cho vật thật nhẵn bằng cách đưa nhẹ lưỡi dao sắc nhiều lần sát bề mặt. "*Từng*" là mỗi cái một, riêng rẽ. Cách phối hợp hai từ "*chuốt*" và "*từng*" vô cùng ăn ý, điêu luyện làm tăng sức gợi tả đức tính tỉ mỉ, cẩn thận, chịu thương, chịu khó của người con gái thạo nghề đan nón. Những chiếc nón xinh xắn, dễ thương được đan từ vật liệu "*sợi giang*" như món quà của đồng bào Việt Bắc gửi tặng người miền xuôi. Ôi! Tình tứ làm sao! Bởi vậy, một trái tim nhạy cảm như Tố Hữu không nhớ nhung, không luyến lưu làm sao được!

Vì "*Nhớ người đan nón*" nên nhà thơ không thể không:

Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Nghệ thuật gieo vần lưng "*gái*" - "*hái*" và điệp phụ âm đầu "*m*": "*măng*" - "*một*" - "*mình*" làm tăng tính nhạc cho lời thơ. Cô gái Việt Bắc "*hái măng một mình*" nhưng cảm thấy cô đơn, trống vắng vì cô vừa hăng say lao động vừa lắng đọng tâm hồn mình để thưởng thức khúc nhạc rừng trong trẻo. Mặt khác, sự hiện diện của cô làm tăng thêm nét duyên dáng, mềm mại và sự trẻ trung của bức tranh mùa hạ.

Ở câu bát cuối cùng của trích đoạn, tiếng hát ai bỗng vọng về từ hai đầu nỗi nhớ:

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung

Lời thơ cô đọng, súc tích đồng thời là lời ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn của con người Việt Bắc. Những con người ấy rất thật thà, chất phác, nhân hậu, thủy chung, trung thành tuyệt đối với Đảng, Cách mạng và Bác Hồ vĩ đại. Họ đã cần cù, kiên nhẫn, hay làm, tần tảo ngược xuôi để nuôi nấng, đùm

bọc, cưu mang che chở bộ đội, góp công sức to lớn trong thắng lợi của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

Có thể nói rằng, sự xuất hiện của con người, đặc biệt là bóng dáng của các cô sơn nữ Việt Bắc đã làm giảm đi cái vẻ hoang sơ, hiu hắt của núi rừng. Núi rừng trở thành một người bạn gần gũi, thắm thiết vô hạn với con người. Câu thơ: "*Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung*" như lời đồng vọng trong tâm hồn của đôi lứa yêu nhau, dù khi ở gần nhau hay xa nhau đều hướng về nhau, đều có sợi nhớ, sợi thương xuyên suốt, buộc chặt.

Xét cho cùng, ở bức tranh thơ kép: "*hoa*" và "*người*" trên đây, chúng ta thấy thiên nhiên đẹp, con người càng đẹp. Những cô gái như những bông hoa xinh xắn của núi rừng, ẩn hiện giữa cỏ, cây, hoa, lá của Việt Bắc. Vậy nên, thiên nhiên và con người hòa quyện, quấn quýt bên nhau và tô điểm cho nhau.

Đặc biệt, Tố Hữu đã phối hợp nhiều biện pháp nghệ thuật để nâng cao tính dân tộc cho đoạn thơ, bài thơ. Nghệ thuật điệp cấu trúc cú pháp và đổi trật tự cú pháp đã làm tăng tính cân xứng, nhịp nhàng của bức tranh thơ kép. Nhịp thơ lục bát mềm mại, uyển chuyển, câu nọ gọi câu kia như một tiếng gọi hoài niệm ngọt ngào, bâng khuâng. Âm điệu thơ khi bổng, khi trầm, khi du dương, khi réo rắt, khi ngân nga như một khúc hát ru kỉ niệm, đưa độc giả vào một thế giới tâm tình da diết, đong đầy ân nghĩa. Điệp từ "*nhớ*" được lặp đi lặp lại nhiều lần ở đoạn thơ, kết hợp với nghệ thuật tăng tiến có tác dụng nhấn mạnh nỗi nhớ cồn cào, cháy bỏng và tấm lòng vấn vương của nhà thơ đối với quê hương, cách mạng. Tuyệt diệu hơn còn ở cách xưng hô "*mình*" - "*ta*" thắm thiết như đôi lứa đang yêu, rất gần với điệu hát giao duyên trong kho tàng dân ca - ca dao Việt Nam. Ngoài ra, sự kết hợp hài hòa giữa nghệ thuật thi ca với các loại hình nghệ thuật hội họa, âm nhạc, điện ảnh đã chứng tỏ Tố Hữu là người ghệ sĩ tài hoa, yêu cảnh, yêu người, yêu quê hương đất nước sâu nặng. Vả lại, vẻ đẹp mộc mạc, dung dị và bừng bừng sức sống của *Việt Bắc* đã mở ra cái nhìn mới mẻ về *Việt Bắc*: chiến khu cách mạng không phải là nơi rừng sâu nước độc, âm u, hiểm trở.

Tóm lại, trích đoạn trên thuộc những dòng thơ đặc sắc nhất, tài hoa nhất, chất chứa vẻ mĩ học sâu sắc nhất trong bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, là đoạn thơ "*có thể sánh với bất kì đoạn thơ miêu tả thiên nhiên nào trong văn học cổ điển*" (Hoài Thanh). Vì lẽ đó, bài thơ *Việt Bắc* và tập thơ cùng tên của nhà thơ xứng đáng là một viên ngọc sáng long lanh trong kho tàng văn học Việt Nam hiện đại.

Trong bài thơ *Kính gửi cụ Nguyễn Du* của Tố Hữu có đoạn:

Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân
Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều...
Hỡi lòng tê tái thương yêu
Giữa dòng trong đục, cánh bèo lênh đênh
Ngổn ngang bên nghĩa bên tình
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao?
Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường!

Hãy phân tích đoạn thơ trên đồng thời liên hệ với *Truyện Kiều*, cuộc đời và thời đại của Nguyễn Du để làm rõ sự thương cảm của nhà thơ cách mạng đối với cảnh ngộ, số phận của nhân vật Thúy Kiều và của đại thi hào Nguyễn Du.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Nguyễn Du là một đại thi hào dân tộc của Việt Nam. Ông đã để lại cho đời kiệt tác *Truyện Kiều.*

Nhân chuyến đi vào các tỉnh miền Trung tháng 10 và 11-1965, được vinh dự đi qua quê hương Nguyễn Du, nhà thơ Tố Hữu đã sáng tác bài *Kính gửi cụ Nguyễn Du.*

2. Thân bài

a. Hai câu đầu

Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân
Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều.

Phân tích các cụm từ: "*nửa đêm*", "*bâng khuâng*" để thấy rằng Tố Hữu đã khơi gợi được thế giới hình tượng của *Truyện Kiều* và đưa thẳng người đọc vào không khí thời đại Nguyễn Du, tạo được âm hưởng chủ đạo cho bài thơ.

b. Sáu câu tiếp theo

Hỡi lòng tê tái thương yêu
Giữa lòng trong đục, cánh bèo
Ngổn ngang bên nghĩa bên tình
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao?
Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường!

Tố Hữu bày tỏ niềm xúc động, thương yêu, cảm thông cho cảnh ngộ, số phận Thúy Kiều và của tác giả kiệt tác *Đoạn trường Tân Thanh* (liên hệ với *Truyện Kiều,* cuộc đời và thời đại Nguyễn Du trong quá trình phân tích).

c. Đánh giá

– *Kính gửi cụ Nguyễn Du* của Tố Hữu là một bài thơ đậm đà tính dân tộc và màu sắc cổ điển. Đoạn thơ trích trên đây đã phần nào thể hiện cái hay đó ở các phương diện: thể thơ, giọng điệu thơ, hình ảnh và ngôn ngữ thơ.

– Đoạn thơ cũng như cả bài thơ còn thể hiện được thái độ rất mực cảm thông, hết sức trân trọng, vô cùng biết ơn của Tố Hữu đối với đại thi hào dân tộc, sâu xa hơn là đối với những giá trị tốt đẹp mà cha ông ta đã để lại cho thế hệ con cháu. Nhà thơ tiếp tục phát triển, nâng cao các giá trị ấy trong thời đại mới.

3. Kết bài

Kính gửi cụ Nguyễn Du của Tố Hữu là một bài thơ đậm đà tính dân tộc và màu sắc cổ điển. Đoạn trích trên đây phần nào đã thể hiện cái hay đó. Nhà thơ đã khéo léo chọn thể thơ lục bát quen thuộc, mềm mại, uyển chuyển của dân tộc đồng thời cũng là sở trường nghệ thuật của ông. Giọng điệu thơ trang trọng tha thiết như lời tâm tình của Tố Hữu với đại thi hào dân tộc. Hình ảnh và ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm xúc có tính chất ước lệ, đa nghĩa và đặc biệt rất cổ kính, nghe như tiếng dội của quá khứ, tiếng nức nở từ cõi xa xăm vọng về.

B. BÀI LÀM

Nguyễn Du là một đại thi hào dân tộc của Việt Nam. Ông đã để lại cho đời kiệt tác *Truyện Kiều*. Kiệt tác này là một bài ca mới về giá trị nhân bản, một bản cáo trạng nghiêm khắc về cái ác, cái phản nhân bản, một tập đại thành của nghệ thuật văn chương. Chính vì thế mà ngay trong thời kì cả nước ta chống Mĩ, giữa tuyến lửa ác liệt nhất của miền Bắc, Đảng và Nhà nước ta vẫn quyết định tổ chức kỉ niệm 200 năm ngày sinh của đại thi hào (1765 - 1965). Nhân dịp này, cùng với chuyến đi vào các tỉnh miền Trung tháng 10 và 11-1965, được vinh dự đi qua quê hương Nguyễn Du, nhà thơ Tố Hữu đã sáng tác bài *Kính gửi cụ Nguyễn Du*. Đây là đoạn thơ gồm 8 câu đầu trong bài thơ này:

Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân
Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều...
Hỡi lòng tê tái thương yêu
Giữa dòng trong đục, cánh bèo lênh đênh
Ngổn ngang bên nghĩa bên tình
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao?
Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường!

"*Nửa đêm*" là cụm từ phiếm chỉ thời gian, phảng phất hương vị ca dao - dân ca. Nhưng "*nửa đêm*" là thời điểm vắng lặng, yên tĩnh dễ khiến con người lắng đọng tâm hồn mình để tưởng nhớ, suy nghĩ những việc đã

qua. Còn "*bâng khuâng*" là những cảm xúc luyến tiếc, nhớ thương xen lẫn nhau, dễ đưa tâm trạng con người đắm chìm trong quá khứ. Chính vì đi ngang qua huyện Nghi Xuân vào thời khắc "*nửa đêm*", "*bâng khuâng*", Tố Hữu đã khơi gợi được thế giới hình tượng của *Truyện Kiều* và đưa thẳng người đọc vào thời đại Nguyễn Du, tạo được âm hưởng chủ đạo cho bài thơ:

Tiếp theo Tố Hữu bày tỏ nỗi niềm xúc động, thương yêu, cảm thông cho cảnh ngộ, số phận của Thúy Kiều và của tác giả *Đoạn trường tân thanh*:

Hãi lòng tê tái thương yêu
Giữa dòng trong đục, cánh bèo lênh đênh
Ngổn ngang bên nghĩa bên tình
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao?
Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường!

Trước hết là đối với nhân vật Thúy Kiều. Nàng là người con gái có tài sắc, nết na, đức hạnh vẹn toàn, có một tâm hồn rất tinh tế, thông tuệ, nhạy cảm. Vào độ tuổi xuân thì mơn mởn, nàng yêu Kim Trọng và hai người đã thề nguyền, đính ước với nhau. Mối tình của hai người càng mặn nồng và đầy hứa hẹn hạnh phúc lứa đôi. Thế nhưng thận phận của nàng gặp "*đục*" nhiều hơn "*trong*". Ngay sau buổi "*chỉ non thề biển*", Kim Trọng đột ngột phải về Liêu Dương hộ tang chú. Liền sau đó, gia đình Kiều bỗng dưng bị thằng bán tơ vu oan, lâm cảnh nhà tan cửa nát.

Trước cơn gia biến, "*ngổn ngang bên nghĩa bên tình*", mà "*hiếu*" nặng hơn "*tình*" nên sẵn sàng hi sinh tình yêu, hạnh phúc cho sự yên ấm gia đình. Thúy Kiều phải đau đớn cậy Thúy Vân thay nàng giữ trọn lời nguyện ước với chàng Kim để bán mình lấy tiền cứu cha và em ra khỏi nanh vuốt của bọn lang sói. Mã Giám Sinh đã bỏ tiền ra mua nàng như mua một món hàng giữa chợ trời. Nhân phẩm, danh dự của nàng như bị lăng nhục một cách tàn nhẫn bởi một xã hội "*người là chó sói của người*", "*làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền*". Rơi vào tay Mã Giám Sinh, nàng chính thức trở thành "*cánh bèo lênh đênh*", nàng bị đẩy vào chốn lầu xanh của mụ Tú bà. Bị đánh đập để thị uy, Thúy Kiều quyên sinh nhưng không chết. Sợ lỗ vốn, Tú bà đưa Kiều ra lầu Ngưng Bích để tịnh dưỡng tinh thần, chờ cơ hội để thực hiện âm mưu mới. Mụ thuê gã Sở Khanh lừa Kiều đi trốn rồi đuổi bắt nàng trở lại sống kiếp lầu xanh. Thời gian sau, Thúy Kiều được Thúc Sinh chuộc và lấy nàng làm vợ lẽ. Dần dần, vợ Thúc Sinh biết chuyện, bày mưu bắt cóc nàng, đánh một trận đòn ghê gớm. Sau đó, nàng bị biến thành con đòi, đứa ở. Về sau, Hoạn Thư cho Kiều vào ngôi Chùa riêng của họ Hoạn có tên Quan Âm các. Thúc Sinh lén tới tư tình, bị Hoạn Thư bắt gặp, Kiều hoảng sợ bỏ trốn. Dọc đường nàng nương nhờ Chùa của sư bà Giác Duyên. Sợ gia đình họ Hoạn tìm ra tung tích, Giác

Duyên gửi nàng tạm trú ở nhà Bạc Bà. Có ngờ đâu, Bạc Bà bày mưu bán nàng lại lầu xanh. Ở lầu xanh lần thứ hai, Kiều gặp Từ Hải, một người anh hùng tài trí phi thường. Từ Hải đã chuộc và cưới nàng làm vợ. Khi dựng nên nghiệp lớn, Từ Hải giúp nàng báo ân, báo oán. Có ngờ đâu, chỉ vì nghe lời Kiều, Từ Hải đã trúng kế Hồ Tôn Hiến, bị giết chết. Hồ Tôn Hiến giở trò sàm sỡ với nàng Kiều đang tan nát cõi lòng. Tỉnh ra vị đại thần này liền ép gả Kiều cho một tên thổ quan. Thúy Kiều tiếp tục rơi vào bi kịch xót xa, tủi nhục. Thật đúng là:

Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao?

Nàng chỉ có một con đường duy nhất là nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử. Nguyễn Du đã thốt lên trong cơn đau vật vã:

Thương thay cũng một kiếp người
Hại thay, mang lấy sắc tài làm chi!
Những là oan khổ lưu li
Chờ cho hết kiếp, còn gì là thân?
Mười lăm năm bấy nhiêu lần
Làm gương cho khách hồng quần thử soi!

Thúy Kiều đau, Nguyễn Du đau, Tố Hữu cũng đau. Cảm thông với thân phận nàng Kiều, với tư cách là nhà thơ cách mạng, nhân dân thời đại mới, Tố Hữu thể hiện sự đồng cảm sâu sắc với đại thi hào dân tộc. Đó là sự đồng cảm về cái bế tắc không phương hướng của Nguyễn Du cũng như của lịch sử thời đại ông. Thật vậy, Nguyễn Du xuất thân trong tầng lớp Phong kiến đại quý tộc suy tàn. Giai đoạn cuối Lê, đầu Nguyễn. Trong giai đoạn lịch sử này, chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng: giai cấp thống trị thối nát, đời sống xã hội đen tối, nông dân khởi nghĩa khắp nơi. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn thắng lợi đã đập tan tập đoàn Phong kiến Nguyễn - Trịnh - Lê (1786). Nguyễn Du vốn trung thành với nhà Lê nên đã từng quay lưng ngoảnh mặt chống lại Tây Sơn nhưng thất bại. Năm 1796, nghe tin ở Gia Định, Nguyễn Ánh hoạt động mạnh, Nguyễn Du lên đường vào Gia Định theo Nguyễn Ánh nhưng bị trấn tướng của Tây Sơn bắt giữ. Sau đó ông lưu lạc, chìm nổi nhiều năm ở đất Bắc (1786 - 1796) rồi về hẳn làng Tiên Đường (1796 - 1802) sống trong cảnh long đong, vất vả, nhiều lần phải ăn ở nhà người khác, có lúc ốm đau không thuốc uống. Do có hoàn cảnh sống như vậy, ông đã có dịp gần dân, thân dân, hiểu dân, cảm thông với nhiều nỗi đắng cay, tủi cực của dân. Đầu mùa thu 1802, Gia Long lật đổ triều đại Tây Sơn, lên ngôi vua. Nguyễn Du được triệu ra làm quan. Từ chối mãi không được, bất đắc dĩ, ông phải ra làm quan với nhà Nguyễn.

Chính vì cuộc đời của đại thi hào như thế nên nhân vật Thúy Kiều của ông cũng chẳng khác "cánh bèo lênh đênh" giữa dòng trong đục.

Ngổn ngang bên nghĩa bên tình
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao.

Quá ngao ngán, bơ vơ, muốn gắn bó với dòng đời nhưng giữa đêm tối leo lét, mông mênh của cuộc đời, hai con người ấy biết đâu nẻo đất phương trời mà đi?

Nguyễn Du đã mượn nhân vật Từ Hải để cứu giúp Kiều. Nhưng bởi tư tưởng lẩn quẩn của Nguyễn Du, là khi muốn theo Nguyễn Ánh, khi muốn theo Tây Sơn, nên lúc xử lí tình huống nhân vật, nhà thơ đã để cho tình huống Từ Hải đầu hàng rồi chết giữa trận tiền một cách oan khốc. Xét cho cùng, quá đau đớn, quá bế tắc, Nguyễn Du cũng muốn *"đành như thân gái sóng xao Tiền Đường!"* như Thúy Kiều!

Tóm lại, *Kính gửi cụ Nguyễn Du* của Tố Hữu là một bài thơ đậm đà tính dân tộc và màu sắc cổ điển. Đoạn trích trên đây phần nào đã thể hiện cái hay đó. Nhà thơ đã khéo léo chọn thể thơ lục bát quen thuộc, mềm mại, uyển chuyển của dân tộc đồng thời cũng là sở trường nghệ thuật của ông. Giọng điệu thơ trang trọng tha thiết như lời tâm tình của Tố Hữu với đại thi hào dân tộc. Hình ảnh và ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm xúc có tính chất ước lệ, đa nghĩa và đặc biệt rất cổ kính, nghe như tiếng dội của quá khứ, tiếng nức nở từ cõi xa xăm vọng về. Hơn nữa, đoạn thơ cũng như cả bài thơ còn thể hiện thái độ rất mực cảm thông, hết sức trân trọng, vô cùng biết ơn đối với đại thi hào dân tộc, sâu xa hơn là đối với những giá trị tốt đẹp mà cha ông ta đã để lại cho thế hệ cháu con. Nhà thơ tiếp tục phát triển, nâng cao các giá trị ấy trong thời đại mới bằng cách huy động Nguyễn Du và *Truyện Kiều* cùng ra trận trong tập đoàn *"bốn mươi thế kỉ cùng ra trận"*, quyết chiến thắng giặc Mĩ để non sông sớm thu về một mối, nhân dân sớm hưởng cảnh thái bình.

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Kính gửi cụ Nguyễn Du* của Tố Hữu, qua đó làm rõ thái độ cảm thông, trân trọng của nhà thơ cách mạng đối với đại thi hào dân tộc.

Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Tháng 10 và tháng 11 - 1965, nhà thơ Tố Hữu có chuyến đi vào các tỉnh miền Trung. Trong chuyến đi này, Tố Hữu đã làm được một chùm thơ

giàu tính thời sự, in đậm những hình ảnh và khí thế của cuộc chiến đấu. Cũng trong chuyến đi, nhà thơ qua quê hương Nguyễn Du vào dịp Đảng - Nhà nước ta cũng như Hội đồng Hòa bình Thế giới long trọng tổ chức lễ kỉ niệm 200 ngày sinh của Đại thi hào Nguyễn Du (1776 - 1965). Xúc động, kính trọng, thương nhớ cụ Nguyễn Tiên Điền, hồn thơ Tố Hữu liền cất cánh. Thế là bài thơ *Kính gửi cụ Nguyễn Du* được sáng tác. Bài thơ được đưa vào tập *Ra trận* (1972).

2. Thân bài

a. Câu 1 *Tiếng thơ ai động đất trời*

Tố Hữu cảm nhận thơ Nguyễn Du (ở kiệt tác *Truyện Kiều*) trong một tương quan đặc biệt. Thơ Nguyễn Du không chỉ tác động đến cả đất trời mênh mông. Từ *"động"* được Tố Hữu dùng rất điêu luyện, làm tăng hiệu quả nghệ thuật của lời thơ.

Chỉ một tiếng thơ của cá nhân *"ai"* đó, vậy mà có thể làm *"động"* đến cả trời đất. Cách đánh giá như thế là rất cao.

b. Câu 2 *Nghe như non nước vọng lời ngàn thu*

Bằng nghệ thuật so sánh tu từ, nhân hóa tu từ, nhân hóa tu từ, đối ngữ tương hỗ. Tố Hữu khẳng định rằng *Truyện Kiều* đã hòa vào và sẽ trường tồn trong sự trường tồn của núi sông này.

c. Câu 3 *Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du*

Trong bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí,* Nguyễn Du muốn hậu thế 300 năm lẻ nữa, người đời có sự cảm thông, chia sẻ với mình nhưng Tố Hữu khẳng định *"nghìn năm sau"* - tức là không phải chỉ có 300 năm lẻ, đây là một sự khẳng định thật dứt khoát và xác đáng.

Ở câu thơ này, chúng ta còn thấy Tố Hữu có một sự dụng công nghệ thuật tuy không lớn lắm về phương diện chắt lọc từ. Nhà thơ dùng phép thế đồng nghĩa *"nghìn năm"* (ở câu 3) để thay thế cho *"ngàn thu"* (ở câu 2) tránh sự lặp lại về từ nhưng lại làm nảy nở nghệ thuật tinh lọc từ.

d. Câu 4 *Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.*

"Tiếng thương" là tiếng nói của tình thương, tiếng chở tình thương, tiếng nói của chủ nghĩa bao la, tiếng phê phán những thái độ phong kiến chà đạp con người, tiếng nói đề cao con người, đề cao cuộc sống trần tục. Tiếng thơ ấy tiêu biểu hơn cả chính là *"tiếng mẹ ru hời"*, chăm sóc con thơ, vỗ về con thơ đi vào giấc ngủ yên bình. Chính *Truyện Kiều* đã phát ra một tiếng thương, một tiếng kêu mới về một nỗi đau đến đứt ruột, đã khơi gợi được những nỗi niềm đồng cảm của những bà mẹ Việt Nam trong xã hội.

3. Kết bài

Bốn câu thơ trích trên là kết tinh nghệ thuật của bài thơ.

B. BÀI LÀM

Tháng 10 và tháng 11 - 1965, nhà thơ Tố Hữu có chuyến đi vào các tỉnh miền Trung. Thời điểm này, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ đã lan rộng và vùng khu IV (cũ) từ Thanh Hóa đến Quảng Bình trở thành tuyến lửa ác liệt. Trong chuyến đi này, Tố Hữu đã làm được một chùm thơ giàu tính thời sự, in đậm những hình ảnh và khí thế của cuộc chiến đấu. Cũng trong chuyến đi, nhà thơ qua quê hương Nguyễn Du vào dịp Đảng - Nhà nước ta cũng như Hội đồng Hòa bình Thế giới long trọng tổ chức lễ kỉ niệm 200 ngày sinh của Đại thi hào Nguyễn Du (1776 - 1965). Quá xúc động, kính trọng, thương nhớ cụ Nguyễn Tiên Điền, hồn thơ Tố Hữu liền cất cánh. Thế là bài thơ *Kính gửi cụ Nguyễn Du* được sáng tác. Bài thơ được đưa vào tập *Ra trận* (1972). Đây là bốn câu thơ sâu sắc của bài thơ:

Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.

Bốn câu thơ trên thuộc đoạn sáu của bài thơ dài 34 câu (gồm hai câu mở đầu, hai câu kết thúc, đoạn giữa chia làm năm đoạn nhỏ, mỗi đoạn đều đặn sáu câu). Đoạn 1 gồm hai câu mở đầu ngắn gọn, đưa thẳng độc giả vào không khí thời đại Nguyễn Du. Đoạn 2 là sự thương cảm với cảnh ngộ, số phận của Thúy Kiều và Nguyễn Du. Đoạn 3 - 4 là sự cảm nhận sâu sắc và thấm thía nhất của Tố Hữu và lòng thương người, tình đời của đại thi hào. Đoạn 5, từ Kiều, Tố Hữu liên hệ đến xã hội, đến thế giới ngày nay. Đoạn 6 là cái nhìn tổng kết sự nghiệp văn học và tâm hồn lớn của Nguyễn Du đối với thời đại ngày nay. Qua những sự đánh giá cao tột bậc lời thơ của đại thi hào nhà thơ, cách mạng bày tỏ thái độ rất mực cảm thông hết sức trân trọng của mình đối với thiên tài thi ca dân tộc ta. Hai câu kết là tiếng trống trận ra quân chống xâm lược ngày nay như dội về từ thời đại Nguyễn Du.

Bây giờ chúng ta hãy thưởng thức câu thứ nhất của đoạn 6:

Tiếng thơ ai động đất trời

Tố Hữu cảm nhận thấy thơ Nguyễn Du (ở kiệt tác *Truyện Kiều*) trong một tương quan đặc biệt. Thơ Nguyễn Du không chỉ tác động đến cả đất trời mênh mông. Từ "*động*" được Tố Hữu dùng rất điêu luyện, làm tăng hiệu quả nghệ thuật biểu cảm của lời thơ. Từ "*động*" có các nghĩa (1) chuyển bay, nhúc nhích; (2) dính tới, sờ tới; (3) vừa mới, thoạt mới. Ở đây, "*động*" được hiểu theo nghĩa (1): chính đất trời dường như cũng xao xuyến, nao lòng. Chỉ một tiếng thơ của cá nhân "*ai*" đó, vậy mà có thể làm "*động*" đến cả trời đất. Cách đánh giá như thế là rất cao.

Thật vậy, *Truyện Kiều* có sức mạnh lay động cả "*đất trời*" vì tác phẩm đã đề cập tới những vấn đề sâu sắc nhất của thân phận con người.

Một chủ đề khá lớn trong *Truyện Kiều* là nỗi oan khuất của con người trong lòng xã hội phong kiến bất công, phi nghĩa. Một nỗi oan khuất đã xô đẩy nàng Kiều tài sắc, nết na, đức hạnh vẹn toàn vào kiếp hoa trôi bèo dạt. Nàng phải trải qua 15 năm lưu lạc với biết bao đau khổ, dày vò, xót xa, tủi nhục. Nhà thơ Hoàng Trung Thông nhận xét rằng trong *Truyện Kiều* chữ "*oan*" xuất hiện với một tầng số khá lớn:

– *Tiếng oan dậy đất, án ngờ lòa mây*

– *Oan này có một kêu trời nhưng xa*

– *Tiếng oan những muốn vạch trời kêu lên*

– *Một nhà để chị riêng oan một mình*

Câu thứ hai: *Nghe như non nước vọng lời ngàn thu*

Sự cảm nhận và đánh giá tiếng thơ của Nguyễn Du còn cao hơn nữa. Tiếng thơ ấy không còn là cá nhân thi sĩ mà là lời "*non nước*". "*Nước non*" đã "*vọng lời*" lên qua tiếng thơ của Nguyễn Du. "*Non nước*" - phạm trù không gian, một không gian vô cùng "*Ngàn thu*" - phạm trù thời gian, một thời gian vô tận. Vậy nên bằng nghệ thuật so sánh, tu từ, nhân hóa tu từ, đối ngữ tương hỗ, Tố Hữu khẳng định rằng *Truyện Kiều* đã hòa mình vào và sẽ trường tồn trong sự trường tồn của núi sông này.

Câu thứ ba: *Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du*

Trong bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí*, Nguyễn Du muốn hậu thế 300 năm lẻ nữa, người đời có sự cảm thông chia sẻ với mình:

Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa
Người đời ai khóc Tố Như chăng?

Nhưng Tố Hữu đã khẳng định "*nghìn năm sau*" - tức là không phải chỉ có 300 năm lẻ, đây là một sự khẳng định thật dứt khoát và xác đáng. Ngoài ra ở câu thơ này, chúng ta còn thấy Tố Hữu có một dụng công nghệ thuật tuy không lớn lắm về phương diện chắt lọc từ. Nhà thơ dùng phép thế đồng nghĩa "*nghìn năm*" (ở câu 3) để thay thế cho "*ngàn thu*" (ở câu 2), tránh sự lặp lại về từ nhưng lại làm nảy nở nghệ thuật tinh lọc từ. "*Ngàn thu*" là muôn đời, mãi mãi về sau - đó là tiếng ngân vang, tiếng dội, tiếng vọng từ quá khứ đến hiện tại. Còn "*nghìn năm*" cũng là thời gian dài - đó là sự luân chuyển, nối liền xưa với nay, nối liền hiện tại với tương lai, gắn tư tưởng của cha ông với tinh thần của thời đại mới.

Câu thứ tư: *Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.*

"*Tiếng thương*" là tiếng nói của tình thương, tiếng chở của tình thương, tiếng nói của chủ nghĩa nhân đạo bao la, tiếng phê phán những thế lực phong kiến chà đạp con người, tiếng nói đề cao con người, đề cao cuộc sống trần tục. Tiếng thơ ấy tiêu biểu chính là "*tiếng mẹ ru hời*", chăm sóc con thơ, vỗ về con thơ đi vào giấc ngủ yên bình. Chính *Truyện Kiều* đã phát ra một tiếng thương, một tiếng kêu mới về một nỗi đau đứt ruột, đã khơi gợi những nỗi niềm đồng cảm của những bà mẹ Việt Nam trong xã hội xưa.

Tóm lại, bốn câu thơ trích trên là kết tinh nghệ thuật của bài thơ. Về nội dung, cả bốn câu có sự tăng tiến về cấp độ. Mở đầu là *"tiếng thơ ai"* làm *"động"* cả đất trời rồi trở thành *"lời ngàn thu"*, *"lời non nước"*. Chưa đủ nó thành *"tiếng hương"* và cuối cùng là *"tiếng mẹ ru"*. Điều đó chứng tỏ, theo Tố Hữu, thơ Nguyễn Du, nhất là *Truyện Kiều* đã đập vào nguồn mạch văn hóa, đời sống tình cảm của cả cộng đồng dân tộc. Chính vì vậy có thể nói Tố Hữu - nhà thơ cách mạng - đã có thái độ *"rất mực cảm thông, hết sức trân trọng"* đối với Đại thi hào dân tộc. Về nghệ thuật, thiên tài Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* bằng thể thơ lục bát đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Kế tục và phát huy truyền thống của cha ông. Tố Hữu cũng dùng thể thơ ấy để viết bài thơ *Kính gửi cụ Nguyễn Du,* có yếu tố "tập Kiều" và đã nói rằng chính ngôn ngữ Nguyễn Du. Vì thế, âm điệu thơ trở nên trang trọng, cổ điển, khí thơ đượm một vẻ *Truyện Kiều*. Có thể nói, Tố Hữu đã huy động được Nguyễn Du và *Truyện Kiều* vào cuộc kháng chiến chống Mĩ giải phóng quê hương.

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng.

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Quang Dũng là một nghệ sĩ có nhiều tài năng: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, sáng tác nhạc. Dù ở mỗi thể loại, ông đều có những đóng góp đáng kể nhưng những người thưởng thức nghệ thuật vẫn nhớ nhất bài *Tây Tiến* trong tập thơ *Mây đầu ô* - một bài thơ vượt thời gian được viết theo cảm hứng lãng mạn chủ nghĩa với âm hưởng bi tráng.

2. Thân bài

a. Nỗi nhớ Tây Tiến

– Nhớ núi rừng, nhớ dòng sông Mã khôn nguôi:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi.

+ *"Nhớ chơi vơi"*: cách dùng từ ngữ đặc sắc mới lạ, giàu sáng tạo.

+ Câu cảm thán và điệp từ *"nhớ"* có tác dụng cộng hưởng, nhấn mạnh nỗi nhớ.

– Ấn tượng về miền Tây Bắc thật mãnh liệt:

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi.

+ Hình ảnh dị thường táo bạo: *"sương lấp đoàn quân"*, *"hoa về trong đêm hơi"*, *"dốc thăm thẳm"*, *"súng ngửi trời"*, *"mưa xa khơi"*, *"thác gầm thét"*, *"cọp trêu người"*.

+ Địa danh xa lạ, làm tăng cấp cái ấn tượng xa ngái, hoang sơ cho độc giả: *Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu.*

+ Cách phối hợp thanh bằng - trắc tạo âm hưởng lạ tai, mông lung tạo cảm giác âm u, kích thích hứng thú phiêu lưu mạo hiểm:

– *Mường Lát hoa về trong đêm hơi* (6 thanh bằng)

– *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm* (5 thanh trắc)

– *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi* (toàn thanh bằng)

+ Nghệ thuật đối ngữ tạo cảm giác hiểm trở rợn ngợp cả người:

Ngàn thước lên cao >< ngàn thước xuống

+ Nghệ thuật nói giảm nói tránh:

Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!

Nhà thơ không nói chết, mà nói *"không bước nữa"*, *"gục lên súng mũ"*, *"bỏ quên đời"*. Lời thơ bi mà không lụy, bi mà tráng, bi mà hùng, mang vẻ mĩ học sâu sắc.

+ Nghệ thuật nhân hóa tu từ:

Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.

Làm tôn thêm cái bí mật, cái uy lực khủng khiếp ngàn đời của chốn rừng thiên nước độc, nơi đại ngàn hoang vu.

b. Nỗi nhớ đồng bào Tây Tiến

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

+ Lời thơ như tiếng hát của một bài ca vừa hoài niệm vừa ngọt ngào, vừa bâng khuâng tha thiết.

+ Hai chữ "*nhớ ôi*" không chỉ bộc lộ tình cảm chung thủy, mà còn nói là nỗi nhớ cồn cào, nhớ mênh mang như một tiếng vang bật lên từ cõi nhớ.

+ Hai tiếng "*mùa em*" có sức rung sức gợi sâu xa.

c. Đánh giá

– Đây là một đoạn thơ hay tuyệt vời, có sự kết hợp hài hòa giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

– Phải là một cây bút tài hoa mới có được những vần thơ cô đọng, hàm xúc mềm mại, tinh tế, sôi nổi, hùng tráng đến thế. Nhiều câu thơ còn có sự phối hợp điêu luyện các kĩ thuật tạo hình, hội họa, điêu khắc và gần gũi với âm nhạc truyền thống.

3. Kết bài

Trích đoạn có sự kết hợp hài hòa giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn - một trong những đặc trưng thi pháp nổi bật của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.

Bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng xứng đáng được ngợi ca là một trong những bài thơ hay nhất viết về người lính thời kháng chiến chống Pháp trong kho tàng văn học hiện đại Việt Nam.

B. BÀI LÀM

Quang Dũng là một nghệ sĩ có nhiều tài năng: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, sáng tác nhạc. Dù ở mỗi thể loại, ông đều có những đóng góp đáng kể nhưng những người thưởng thức nghệ thuật vẫn nhớ nhất bài *Tây Tiến* trong tập thơ *Mây đầu ô* - một bài thơ vượt thời gian được viết theo cảm hứng lãng mạn chủ nghĩa với âm hưởng bi tráng. Đây là một đoạn đặc sắc trong bài *Tây Tiến*:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.

Bài thơ gồm bốn đoạn. Đoạn một gồm 14 câu và đoạn hai gồm tám câu tiếp theo dựng lên bức tranh hùng vĩ, dữ dội và mĩ lệ của núi rừng Tây

Bắc, địa bàn hoạt động của đoàn quân *Tây Tiến*. Đoạn ba gồm tám câu vẽ hình tượng người lính *Tây Tiến*, trong gian khổ, hi sinh vẫn hiên ngang và đẹp một cách hào hoa, thanh lịch. Đoạn bốn gồm bốn câu kết.

Đoạn thơ được trích trên đây thuộc đoạn một. trước khi tìm hiểu, chúng ta cần quan tâm đến hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

Khoảng cuối mùa xuân 1947, Quang Dũng gia nhập đoàn quân Tây Tiến. Đây là một đơn vị thành lập năm 1947 có nhiệm vụ kết hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Lào - Việt đồng thời đánh tiêu hao địch và tuyên truyền đồng bào kháng chiến. Địa bàn hoạt động của đoàn khá rộng từ Châu Mai, Châu Mộc sang Sầm Nứa rồi vòng về miền tây Thanh Hóa. Lính Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội thuộc nhiều tầng lớp khác nhau, trong đó có nhiều học sinh, trí thức (như Quang Dũng). Sinh hoạt của họ vô cùng thiếu thốn, gian khổ, ốm đau không có thuốc men (đánh trận tử vong ít, sốt rét tử vong nhiều). Tuy vậy, họ sống rất vui và chiến đấu rất dũng cảm. Lòng yêu nước khiến họ có thể hi sinh tất cả (...). Đoàn quân Tây Tiến, sau một thời gian hoạt động ở Lào, trở về thành lập trung đoàn 52. Cuối 1948, Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị ít lâu, ngồi ở Phù Lưu Chanh (một làng thuộc tỉnh Hà Đông cũ) ông viết bài thơ *Nhớ Tây Tiến*.

Ở đoạn thơ trên, trước hết, chúng ta thấy hiện lên nỗi nhớ Tây Tiến: nhớ núi rừng, nhớ sông Mã khôn nguôi:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Cách dùng từ ngữ *"nhớ chơi vơi"* rất mới lạ, giàu sáng tạo. Thông thường ít ai nói *"nhớ chơi vơi"* nhưng đặt trong văn bản thơ tái hiện lại cảnh núi rừng hùng vĩ, dữ dội, gợi lại những kỉ niệm ấm áp *"một đi không trở lại"*, nỗi nhớ thương bây giờ không biết bám vào đâu, khái niệm *"nhớ chơi vơi"* tự nhiên có cơ sở và sức sống của nó. Vả lại, câu cảm thán và điệp từ *"nhớ"* có tác dụng cộng hưởng, nhấn mạnh nỗi nhớ. Lời thơ như lời gọi và khơi gợi biết bao hoài niệm của một thời đau thương nhưng anh dũng, gian khổ nhưng vĩ đại. Hơn nữa ấn tượng về miền Bắc thật mãnh liệt:

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.

Hình ảnh thơ trở nên dị thường táo bạo: *"sương lấp đoàn quân"*, *"hoa về trong đêm hơi"*, *"dốc thăm thẳm"*, *"súng ngửi trời"*, *"mưa xa khơi"*, *"thác gầm thét"*, *"cọp trêu người"*.

Ngoài ra, các địa danh xa lạ: *Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu* càng làm tăng cấp cái ấn tượng xa ngái, hoang sơ cho độc giả. Thêm vào đó, cách phối hợp thanh bằng - trắc tạo âm hưởng lạ tai, mung lung, vừa tạo cảm giác âm u, kích thích hứng thú phiêu lưu mạo hiểm cho người thưởng thức.

– *Mường Lát hoa về trong đêm hơi* (6 thanh bằng)

– *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm* (5 thanh trắc)

– *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi* (toàn thanh bằng)

Đã vậy nhà thơ gia thêm nghệ thuật đối ngữ tương phản: *"ngàn thước lên cao"* >< *"ngàn thước xuống"* càng có sức gợi cảm giác hiểm trở rợn ngợp cả người. Đặc biệt, câu thơ "Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi" đã mở ra một viễn cảnh lãng mạn: ngôi nhà sàn Pha Luông hiện ra phía xa mờ mờ trong mưa. Câu thơ toàn thanh bằng như trải ra, chạy dài tít tắt về phía chân trời của trí tưởng tượng. Đó là một sự khám phá nghệ thuật độc đáo và rất đẹp của Quang Dũng. Mặt khác, nhà thơ còn sử dụng nghệ thuật nói giảm nói tránh rất phù hợp:

Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời.

Thi nhân không nói chết, mà nói *"không bước nữa"*, *"gục lên súng mũ"*, *"bỏ quên đời"* làm cho lời thơ bi mà không lụy, bi mà tráng, bi mà hùng, mang vẻ mĩ học sâu sắc. Đặc biệt, nghệ thuật nhân hóa tu từ:

Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.

đã làm tôn lên cái bí mật, cái uy lực khủng khiếp ngàn đời của chốn rừng thiêng nước độc, nơi đại ngàn hoang vu.

Nếu ở 12 câu trên Quang Dũng bày tỏ nỗi nhớ cảnh thì ở hai câu thơ còn lại của trích đoạn, nhà thơ bộc bạch nỗi nhớ đồng bào Tây Tiến:

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.

Lời thơ như tiếng hát của một bài ca hoài niệm ngọt ngào, bâng khuâng, tha thiết. Hai tiếng *"nhớ ôi"* không những thể hiện tình cảm chung thủy mà còn nói lên nỗi nhớ cồn cào, nhớ mênh mang như một tiếng vang bật lên từ cõi nhớ. Hai tiếng *"mùa em"* có sức rung, sức gợi sâu xa. Dường như giữa Quang Dũng và Chế Lan Viên có mối đồng cảm:

Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch
Vắt xôi nuôi quân em nấu giữa rừng

Đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch
Bữa xôi đầu còn tỏa nhớ mùi hương.

(Tiếng hát con tàu)

Như vậy, *"nhớ mùi hương"*, nhớ *"cơm lên khói"*, nhớ *"thơm nếp xôi"*, chính là nhớ đến nghĩa tình của đồng bào Tây Bắc. Chính người dân lam lũ, vất vả, nhọc nhằn ấy đã đổ mồ hôi, làm ra gạo, thổi cơm, thổi xôi nuôi nấng, đùm bọc, cưu mang binh đoàn Tây Tiến. Tình quân dân thật cao đẹp, thiêng liêng và thắm thiết. Thật đúng là *"quân với dân như cá với nước"*.

Tóm lại, đây là một trích đoạn hay nhất trong bài thơ, có sự kết hợp hài hòa giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn - một trong những đặc trưng thi pháp nổi bật của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975. Nhiều câu thơ còn có sự phối hợp điêu luyện các kĩ thuật tạo hình, hội họa, điêu khắc và gần gũi với âm nhạc truyền thống. Phải là một cây bút tài hoa mới có những vần thơ giàu nghệ thuật, cô đọng, hàm súc, mềm mại, tinh tế, sôi nổi, hùng tráng đến thế. Vậy nên, bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng xứng đáng được ngợi ca là một trong những bài thơ hay nhất viết về người lính thời kháng chiến chống Pháp trong kho tàng văn học hiện đại Việt Nam. Bài thơ được truyền tụng suốt hơn 50 năm qua. Chắc có lẽ, từ nay về sau, nó sẽ còn được truyền tụng mãi mãi.

Có ý kiến cho rằng, bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng đậm chất lãng mạn. Qua bài thơ, em hãy làm rõ điều này.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Tây Tiến là bài thơ xuất sắc của Quang Dũng. Bài thơ *Tây Tiến* thể hiện nỗi nhớ sâu sắc, cồn cào của tác giả về một thời kì lịch sử hào hùng, về một đoàn quân kiêu dũng và hào hoa.

Không chỉ thế, Tây Tiến còn thể hiện vẻ đẹp thấm đầy chất lãng mạn.

2. Thân bài

a. Vẻ đẹp lãng mạn của Tây Tiến:

– Trước hết hiện ra qua bức tranh đầy ấn tượng bởi đèo cao, vực thẳm, tiếng gầm của thác và những cảnh tượng hoang vu.

– Vẻ đẹp của Tây Tiến còn thể hiện ở những đường nét mềm mại, đầy chất thơ.

b. Tác giả đã xây dựng thành công hình ảnh một đoàn quân dũng cảm, coi thường cái chết.

c. Lính Tây Tiến không những kiêu dũng, can trường, sẵn sàng chấp nhận mọi hi sinh, họ còn là "những thi sĩ mà không làm thơ".

d. Đánh giá

– Chất lãng mạn trong bài thơ *Tây Tiến* là một phương diện quan trọng tạo nên vẻ đẹp của bài thơ.

– Đôi cánh lí tưởng, men say của cảm hứng đã đem đến cho bài thơ một âm hưởng khỏe khoắn tràn đầy niềm tin. Trên nền của cái "bi", cái "tráng" vẫn hiện như là yếu tố chủ đạo, giữa hiện thực đầy thử thách gian lao, chất lãng mạn đã tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho người lính, khiến họ vẫn vững vàng đi về phía trước.

3. Kết bài

Tây Tiến với cái chất lãng mạn tràn đầy sẽ còn sống mãi đến mai sau.

B. BÀI LÀM

Tây Tiến là bài thơ xuất sắc của Quang Dũng. Toàn bộ *Tây Tiến* là nỗi nhớ sâu sắc, cồn cào của tác giả về một thời kì lịch sử hào hùng, về một đoàn quân kiêu dũng và hào hoa.

Không những thế, Tây Tiến còn là vẻ đẹp thấm đầy chất lãng mạn. Trên cái nền hiện thực khốc liệt của chiến tranh, chính chất lãng mạn, men say của lí tưởng đã nâng đỡ những chàng vệ quốc, giúp họ "*chân cứng đá mềm*" bước vào cuộc chiến đấu trường kì với quyết tâm: "*ra đi, thề cùng sông núi; ra đi, ra đi thà chết chớ lui...*".

Đã có lúc người ta hiểu không thật đúng hai chữ "lãng mạn" với những người này, lãng mạn là viễn vông, xa rời thực tế, u buồn, yếu đuối... Bởi vậy, khi nói đến văn học lãng mạn người ta coi đó là tiếng "thở dài" ngao ngán.

Thực ra, bên cạnh lãng mạn "tiêu cực" còn có cả lãng mạn "tích cực". Ở bài thơ *Tây Tiến* "lãng mạn" được hiểu như là sự rung động về những lí tưởng cao đẹp, là khát vọng được sống một cách mạnh mẽ, khác thường. Con người mang trong mình những ước vọng lãng mạn thường là những con người cao cả, ôm ấp chí nhớn, mang hoài bão của "chim bằng bạc gió"... Chính chất lãng mạn cao cả này đã đem đến cho *Tây Tiến* một vẻ đẹp riêng khó trộn lẫn với các bài thơ khác cùng thời.

Cảm hứng lãng mạn thường hướng về những vẻ đẹp khác thường. Nhà thơ thường sử dụng một cách rộng rãi thủ pháp đối lập nhằm tạo ra những ấn tượng mạnh, khơi gợi óc tưởng tượng của người đọc. Vẻ đẹp lãng mạn của Tây Tiến, vì thế, trước hết hiện ra qua bức tranh hoang vu, dữ dội, đầy "bí mật" về rừng núi Tây Bắc.

Đó là một bức tranh đầy ấn tượng bởi đèo cao vực thẳm:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

Đó là tiếng gầm của thác, những cảnh tượng hoang vu:

Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.

Vẻ đẹp của Tây Tiến còn thể hiện ở những đường nét mềm mại đầy chất thơ: ấy là một "*chiều sương*" bảng lảng, là "*dáng người trên độc mộc*", là những "*hồn lau*" phất phơ như vẫy gọi ... Sự tương phản giữa nét "*hùng vĩ*" và "*thơ mộng*" làm hiện lên vẻ đẹp chân thực của một miền đất "*chơi vơi*" trong nỗi nhớ của nhà thơ.

Tác giả đã xây dựng thành công hình ảnh một đoàn quân dũng cảm, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Hiện thực chiến tranh hết sức khốc liệt nhưng trong muôn vàn gian khó, hiểm nguy, người chiến sĩ Tây Tiến hiện lên thật oai hùng:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới.

Trong thực tế người lính Tây Tiến, do khó khăn, gian khổ, ăn uống sinh hoạt thiếu thốn đến nỗi nhiều người da xanh tóc rụng. Nhưng vấn đề là đoàn quân ấy "ốm" chứ không thể "yếu". Ngòi bút lãng mạn của Quang Dũng biến họ thành những trang nam nhi dám ra đi xả thân vì nghĩa lớn. Hơi thơ cổ điển đã góp phần tô đậm thêm vẻ hiên ngang, oai hùng của họ:

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc trời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Họ sống thật cao đẹp mà chết thật vinh quang. Hai chữ *áo bào* là một cách nói để làm sang, nhằm át đi hiện thực đau buồn của chiến tranh "*về đất*" là sự hóa thân vào đất nước quê hương, các anh đã trở về với đất Mẹ bước vào cõi bất tử ...

Lính Tây Tiến không chỉ kiêu dũng, can trường, sẵn sàng chấp nhận mọi hi sinh, họ còn là "những thi sĩ mà không làm thơ". Bằng bút pháp lãng mạn, Quang Dũng đã hé cho ta thấy thế giới tâm hồn phong phú của những chàng trai ra đi từ đất kinh kỳ. Đó là sự tinh tế khi cảm nhận cái đẹp của thiên nhiên: "*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*" đó còn là sự đa tình, mộng mơ của họ: "*Kìa em xiêm áo tự bao giờ*", "*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*".

Cũng như những anh vệ quốc trong *Đồng chí* của Chính Hữu, lính Tây Tiến là những chàng trai sẵn sàng lên đường vì lí tưởng, sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc. Nhưng vẫn là những người trai của đất kinh kì thanh lịch, họ có những nét riêng không thể lẫn. Đó là cái chất hào hoa, đa tình rất mực. Chính cái hào hoa, đa tình ấy đã giúp họ vươn lên, sống đẹp hơn và cao thượng hơn.

Chất lãng mạn trong bài thơ *Tây Tiến* là một phương diện quan trọng tạo nên vẻ đẹp của bài thơ. Trong bao nhiêu gian lao, thiếu thốn, vẻ đẹp lí tưởng, chí lớn của những chàng trai trẻ hiện lên thật rực rỡ. Họ đã đến những nơi biên cương xa xôi kia, dấn thân vào chốn hiểm nguy kia bằng sức mạnh của lí tưởng, của lòng yêu nước vô bờ. Lí tưởng cao đẹp đã khiến họ dám nhìn vào cuộc chiến tàn khốc bằng cái nhìn nhạo nghễ, ngang tàng, dầu dãi, hiên ngang. Đây không phải là thứ "iêng hùng" vặt vãnh mà là những nét đẹp cao cả của những anh hùng vệ quốc: "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!"

Đôi cánh lí tưởng, men say của cảm hứng đã đem đến cho bài thơ một âm hưởng khỏe khoắn tràn đầy niềm tin. Trên nền của cái "bi", cái "tráng" vẫn hiện lên như là yếu tố chủ đạo, giữa hiện thực đầy thử thách gian lao, chất lãng mạn đã tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho người lính, khiến họ vẫn vững vàng đi về phía trước: "Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi"... không một gian khó nào có thể cản nổi ý chí của họ.

Nếu như với *Đồng chí*, Chính Hữu đã góp vào thơ ca chống Pháp một vẻ đẹp mộc mạc, chân chất thì với *Tây Tiến*, Quang Dũng đã góp vào thơ ca Việt Nam một vẻ đẹp đầy chất lãng mạn.

Ngày nay, khi nhìn về thời *"Tây Tiến"*, quả có lúc ta thấy còn nhiều thô sơ ấu trĩ trong đời sống: nhưng không vì thế mà ta không nhận thấy cái vẻ đẹp lí tưởng, cái tâm hồn lãng mạn của con người - hiện lên thật lộng lẫy. Với cái lộng lẫy ấy, cái chất lãng mạn tràn đầy ấy, thơ ca cất cánh và sống mãi đến hôm nay. *Tây Tiến* chính là một trường hợp như thế.

Giáo sư *Nguyễn Đăng Điệp*

Bình giảng bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu nhất trong sáng tác của Quang Dũng. Nói đến Quang Dũng, trước hết, mọi người nhắc đến *Tây Tiến*. Quang Dũng viết bài *Tây Tiến* khi xa đơn vị cũ một thời gian. Những năm tháng gắn bó với Tây Tiến tình đồng đội, đồng chí thiết tha, tình quân dân mặn nồng và cả những miền đất đã đi qua của những chặng đường hành quân... Tất cả đã trở lại trong những kỉ niệm, làm sống lại hồn thơ.

2. Thân bài

a. Cảm hứng lãng mạn về vẻ đẹp của núi rừng Tây Bắc

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời.

b. Cảm hứng lãng mạn về những kỉ niệm của tình quân dân thắm thiết

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi
Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

3. *Cảm hứng lãng mạn và cảm hứng bi tráng về đoàn quân Tây Tiến*

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

Chú ý bình giảng khuynh hướng sử thi rõ nét ở đoạn thơ trên.

3. Kết bài

Tây Tiến là một sáng tác thơ có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, bài thơ được viết ra với những màu sắc thẩm mĩ phong phú. Đặc biệt, *Tây Tiến* là bài thơ giàu nhạc điệu, nhạc điệu của cuộc sống và nhạc điệu của tâm hồn.

B. BÀI LÀM

Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu nhất trong sáng tác của Quang Dũng. Nói đến Quang Dũng, trước hết, mọi người nhắc đến Tây Tiến. *Tây Tiến* được viết ra vào năm 1948 với những cảm nghĩ và kỉ niệm xúc động bồi hồi về đoàn quân - đơn vị được thành lập đầu năm 1947. Đoàn quân Tây Tiến có nhiệm vụ cùng với bộ đội Lào - Việt và đánh Pháp ở vùng Thượng Lào. Địa bàn hoạt động rộng. Bộ đội Tây Tiến chủ yếu là lớp thanh niên lao động chân tay và trí óc của Hà Nội. Sự tập họp lực lượng này có ý nghĩa khi tìm hiểu về người lính Tây Tiến được miêu tả trong tác phẩm. Đoàn quân Tây Tiến đánh thắng nhiều trận. Địa bàn mở rộng ở nhiều

vùng. Cứ đọc bài thơ đã thấy đến những miền quê đẹp như Châu Mộc, Mai Châu. Quang Dũng viết bài *Tây Tiến* khi xa đơn vị cũ một thời gian. Những năm tháng gắn bó với *Tây Tiến* tình đồng đội, đồng chí thiết tha, tình quân dân mặn nồng và cả những miền đất đã đi qua của những chặng đường hành quân... Tất cả đã trở lại trong những kỉ niệm, làm sống lại hồn thơ. Kỉ niệm ấy gắn với một thời trai trẻ của nhà thơ và tạo nên bao nuối tiếc; và nhà thơ không tránh khỏi xúc động như thốt, như kêu lên để tưởng nhớ lại một kỉ niệm sâu sắc đã đi qua trong cuộc đời:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời.

Núi rừng được khắc họa với bút pháp lãng mạn. Thiên nhiên vừa dữ dội, vừa hùng vĩ như đang thử thách với con người qua từng chặng đường hành quân. Chốn rừng núi ấy được diễn tả vừa như xa xôi, mờ ảo, chơi vơi trong kỉ niệm nhưng lại rất hiện thực như khung cảnh mà người lính Tây Tiến đang trực tiếp trải qua trong hiện tại. Thiên nhiên hiểm trở mà đẹp. Tác giả như tô đậm mặt gian khổ của những chặng đường hành quân, của những thử thách nhưng không ngại ngùng lo sợ. Khổ đầu của bài thơ diễn tả khá thành công địa bàn rừng núi mà đoàn quân Tây Tiến hoạt động với trùng điệp rừng núi cao. Có câu thơ hun hút đi lên mãi với chiều cao của rừng núi: *"Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm"*. Có câu thơ như gấp khúc giữa chiều cao và chiều sâu: *"Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống"*. Những hình ảnh của rừng núi hiểm trở xen lẫn với hình ảnh đẹp của làng quê bình dị *"Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi"*. Gợi thương, gợi nhớ nhiều nhất vẫn là những kỉ niệm của bộ đội với nhân dân. Tây Tiến trở về êm đẹp trong hương thơm và khói bếp ấm no của ngày mùa:

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.

Mạch thơ chuyển sang phần II và đi sâu vào những kỉ niệm của tình quân dân thắm thiết trong những ngày đóng quân ở các vùng quê với những đêm hội đuốc hoa, với điệu khèn gợi cảm và dáng người mềm mại trên độc mộc lặng lẽ xuôi dòng:

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ.

Quang Dũng đã miêu tả được niềm vui và tâm hồn của người lính trẻ như bốc men say trong hội vui thắm thiết tình quân dân với âm nhạc, ánh sáng và những cô gái đẹp. Đoạn thơ như làm dịu hẳn không khí dữ dội của núi rừng hiểm trở mà chan hòa trong hình ảnh đẹp của bản làng. Quang Dũng đã miêu tả được những đặc điểm của mọi miền đất quê hương đẹp, nên thơ, giàu tình nghĩa. Ai đã một lần đến mà không xúc động thương nhớ. Mảnh đất xa rồi mà hồn còn như gửi lại. Bài thơ khơi sâu vào những miền kỉ niệm đẹp nhất mà cũng mờ ảo lung linh nhất của cái thực và mơ, của cảnh vật quyến luyến và hồn vương vấn:

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.

Mấy từ "*hồn lau nẻo bến bờ*" gợi lên biết bao xúc động. Ai đã từng sống ở miền rừng núi và thấy những triền lau phất phất bông xám bạc theo gió đẩy đưa mới thấy hết ý nghĩa của câu thơ. Trong thơ, lau như có một cái gì đó quyến luyến, cảnh vật như có hồn phảng phất trong gió. Quang Dũng không chỉ miêu tả cái đẹp mà còn gợi lên phần thiên nhiên của cảnh vật. Bài thơ dường như đã nói được nhiều về con người và cảnh vật nhưng đến đây thì đoàn quân Tây Tiến mới xuất hiện với dáng vẻ đặc biệt:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

Hình ảnh của người chiến binh được miêu tả trong giai đoạn này qua nhiều bài thơ còn nhiều vất vả và gian truân. Sốt rét là căn bệnh hiểm nguy đối với các chiến sĩ. Tố Hữu đã từng nói đến hình ảnh Vệ quốc quân: "*Giọt giọt mồ hôi rơi, Trên má anh vàng nghệ*" (Cá nước). Chính Hữu tả trực tiếp căn bệnh này: "*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh; Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*" (Đồng chí). Đơn vị Tây Tiến ở giữa một vùng sốt rét hoành hành nên tóc rụng, da xanh bủng. Quang Dũng không muốn chỉ tả yếu ớt về hình thức mà muốn nói đến sức mạnh bên trong, đến dũng khí của đoàn quân, vẫn mạnh mẽ, vẫn giữ oai hùm. Những người lính Tây Tiến này phần nhiều là những người thanh niên Hà Nội. Họ ra đi chiến đấu và nén lại bao nhiêu thương nhớ với hậu phương. Nếu như người lính trong thơ Hồng Nguyên nhớ về hình ảnh người vợ "*Mòn chân bên cối gạo canh khuya*" thì người chiến sĩ Tây Tiến lại có cách nhớ thương riêng của mình:

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

Một thời những câu thơ như thế này rất khó được chấp nhận và thường được quy kết vào căn bệnh là rơi vào căn bệnh mơ mộng tiểu tư sản. Sao lại có thể ngăn cản được tâm hồn người lính mơ đến hình ảnh một người con gái ở nơi xa. Tình cảm ấy không hề làm cho họ mềm yếu, nản lòng trong công việc. Quang Dũng đã miêu tả phẩm chất của người chiến sĩ Tây Tiến với những câu thơ đẹp:

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh.

Phẩm chất cao đẹp và thử thách lớn lao nhất đối với người lính là ý thức sẵn sàng hi sinh cho Tổ Quốc. Và cũng không chỉ là ý thức, mà ý thức đã biểu hiện trong hành động thực tế. Nhiều người đã hi sinh, những nấm mồ nơi viễn xứ không làm họ sợ. Quang Dũng trong bài thơ *Tây Tiến* nói nhiều đến cái chết nhưng không gây xót xa đau đớn mà chỉ tạo được cảm phục.

Cuộc đời chinh chiến và cái chết đối với người lính được miêu tả như thanh thản: *"Áo bào thay chiếu anh về đất"*. Tự mình dường như không có những dằn vặt xót xa, đau đớn. Nhưng rồi cái chết nào chẳng đau đớn xót xa. Câu thơ:

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

như điệu khèn bi tráng nhớ tiếc và ngợi ca tinh thần của người liệt sĩ. Trong thơ ca thời kì kháng chiến chống Pháp *Tây Tiến* là bài thơ sớm nói đến cái chết, đến sự hi sinh trong chiến tranh mà không bi lụy.

Bài thơ đi vào kết thúc với những câu thơ đẹp:

Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

Gian khổ khó khăn nhiều nhưng không một ai thoái thác trách nhiệm. Một ra đi là không trở lại, ra đi phải giành lấy phần chiến thắng.

Tây Tiến là một sáng tác thơ có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, bài thơ được viết ra với những màu sắc thẩm mĩ phong phú. Có cái đẹp hùng tráng của núi rừng hiểm trở, và vẻ đẹp bình dị, nên thơ của cuộc sống nơi bản làng quê hương, có cảm hứng mạnh mẽ, hòa hợp với chất trữ tình nhẹ nhàng, mềm mại trong thơ. Đặc biệt, *Tây Tiến* là bài thơ giàu nhạc điệu, nhạc điệu của cuộc sống và nhạc điệu của tâm hồn. Mỗi đoạn thơ mang theo một nhạc điệu riêng vừa mạnh mẽ, vừa uyển chuyển. Khi đưa người đọc về với những kỉ niệm xa nên thơ và gợi cảm, khi dồn dập trong những tiết tấu mạnh, Xuân Diệu cho rằng đọc bài thơ *Tây Tiến* như ngậm âm nhạc trong miệng. *Tây Tiến* là sáng tác được viết theo cảm hứng lãng mạn. Những yếu tố cường điệu, phóng đại đã tạo nên cái phi thường, cái đẹp, không rơi vào sự giả tạo và chỉ tô đậm thêm vẻ đẹp của hình tượng theo phong cách lãng mạn. Bài thơ hấp dẫn và góp phần ghi lại hình ảnh đẹp của người chiến sĩ quân đội trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng.

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Quang Dũng vừa là người lính, vừa là một nghệ sĩ tài năng: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc. Trong lĩnh vực nào Quang Dũng cũng có những thành tựu nổi bật nhưng đáng chú ý nhất là thơ. Thơ Quang Dũng âm vang hào khí của một thời cách mạng, của một thời dấn thân vì đại nghĩa. Nhắc đến thơ Quang Dũng, trước hết phải nhắc đến bài *Tây Tiến*.

2. Thân bài

a. Bên cạnh nét đẹp của núi rừng biên giới là cảnh sông núi miền Tây mênh mang, mờ ảo, thơ mộng.

b. Thiên nhiên qua vài nét chấm phá của Quang Dũng hiện lên có hồn và tình tứ như con người:

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ.

c. Thi nhân không dùng bút pháp tả mà chỉ dùng bút pháp gợi:

Có nhớ dáng người trên độc mộc.

Như hòa hợp với con người, những bông hoa rừng cũng *"đong đưa"* làm duyên trên dòng nước lũ. Trên hai bức tranh thơ có hai bông hoa rừng sóng đôi: cô lái đò Châu Mộc dáng thon thả, uyển chuyển trên thuyền cũng là một bông hoa rừng và những bông hoa thực đang *"đong đưa"* bên bờ suối.

3. Kết bài

Bốn câu thơ rất đặc sắc và đẹp như một bức tranh thủy mặc với những nét chấm phá tinh tế, mềm mại, sâu lắng, truyền được cái sắc hồn của cảnh vật.

B. BÀI LÀM

Quang Dũng vừa là người lính, vừa là một nghệ sĩ tài năng: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc. Trong lĩnh vực nào Quang Dũng cũng có những thành tựu nổi bật nhưng đáng chú ý nhất là thơ. Thơ Quang Dũng âm vang hào khí của một thời cách mạng, của một thời dấn thân vì đại nghĩa. Nhắc đến thơ Quang Dũng, trước hết phải nhắc đến bài *Tây Tiến*. Chỉ với *Tây Tiến*, Quang Dũng mới thực sự vững bước đi vào "làng thơ" cách mạng. Trong lần xuất bản 1949, Nhà xuất bản Vệ Quốc quân Liên

khu III cho in bài thơ với tựa đề là *Nhớ Tây Tiến*. Đến năm 1957, khi đưa bài thơ này vào tập *Rừng biển quê hương* (in chung với Trần Lê Văn - Nhà xuất bản Hội Nhà văn), Quang Dũng bỏ chữ *nhớ* đi, chỉ lấy hai chữ Tây Tiến (chắc có lẽ nhà thơ nghĩ rằng bài thơ vốn đã tràn đầy nỗi nhớ, người đọc chắc chắn sẽ cảm nhận được, không cần đưa chữ *nhớ* vào tựa đề làm gì!).

Bài *Tây Tiến* vừa ra đời đã được bạn đọc trong và ngoài quân đội truyền tay, truyền miệng thưởng thức. Tính đến năm 2002, bài thơ đã được 54 năm, thế mà nhiều người từ già đến trẻ vẫn không quên vì câu nào, đoạn nào cũng hay. Đây là một đoạn trong bài thơ:

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.

Sau cảm hứng bi tráng về cuộc hành trình đầy gian nan, vất vả nhưng cũng rất đỗi tự hào của các chiến binh Tây Tiến, bài thơ khơi gợi những kỉ niệm tha thiết yêu thương, tươi đẹp của một thời nhà thơ từng gắn bó với đoàn quân Tây Tiến. Bên cạnh nét đẹp của núi rừng biên giới: nét e ấp của các cô gái trong xiêm áo rực rỡ, những đêm "*hội đuốc hoa*" tưng bừng là cảnh sông núi miền Tây mênh mang, mờ ảo, thơ mộng. Mặt khác, không gian dòng sông trong một buổi "*chiều sương*" ở Châu Mộc thật lặng lẽ, hoang dại. Bên dòng sông đậm màu sắc cổ tích, huyền thoại ấy, thiên nhiên qua vài nét chấm phá của Quang Dũng hiện lên có hồn và tình tứ như con người:

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ.

Ở đây, những hoa lau phất phơ dọc triền núi, dọc bên bờ Châu Mộc như có hồn phảng phất trong gió, như quyến luyến, tiễn đưa. Câu thơ mang đậm tâm hồn của một người nghệ sĩ tài hoa.

Đặc biệt, thi nhân không dùng bút pháp tả mà chỉ dùng bút pháp gợi. Cái "*dáng người trên độc mộc*" cũng là gợi nhưng vẫn làm rõ cái dáng dịu dàng, uyển chuyển, xinh xắn của những cô gái trên chiếc thuyền độc mộc lao nhanh trên dòng nước lũ chảy xiết:

Có nhớ dáng người trên độc mộc.

Như hòa hợp với con người, những bông hoa rừng cũng "*đong đưa*" làm duyên trên dòng nước lũ. Hoa "*đong đưa*" chứ không phải là "*đung đưa*". "*Đong đưa*" là đưa qua đảo lại. Còn "*đung đưa*" là chao đi chao lại một cách nhẹ nhàng trong khoảng không. Đây là bút pháp vừa tả thực vừa tả tình lãng mạn: nước lũ chảy xiết làm cho những bông hoa bên mép suối đung đưa - nhưng thi nhân nhìn thành "*đong đưa*" như những điệu múa

mềm mại của những cô gái đẹp, tài hoa, tình tứ. Trên bức tranh thơ có hai bông hoa rừng sóng đôi: cô lái đò Châu Mộc dáng thon thả, uyển chuyển trên thuyền cũng là một bông hoa rừng và những bông hoa thực đang "*đung đưa*" bên bờ suối; ở đây, còn có cách hiểu khác: trên thuyền độc mộc là người chiến sĩ hiên ngang, oai vệ. Hiểu như thế liệu có phù hợp với đoạn thơ này chăng?

Bốn câu thơ rất đặc sắc và đẹp như một bức tranh thủy mặc với những nét chấm phá tinh tế, mềm mại, sâu lắng, truyền được cái sắc hồn của cảnh vật. Phải là nhà thơ của Tây Tiến mới sáng tạo được những vần thơ tài hoa đến thế.

Phân tích bài *Tây Tiến* của nhà thơ Quang Dũng.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu về bài thơ *Tây Tiến* và tác giả Quang Dũng.

2. Thân bài

a. Đoạn 1 (từ câu 1 đến câu 14): Cảm hứng từ cuộc hành trình đầy gian khổ, tự hào của các chiến binh Tây Tiến.

b. Đoạn 2 (từ câu 15 đến câu 22): Nỗi nhớ khôn nguôi những kỉ niệm vui vầy và hào hứng: một đêm liên hoan, một cuộc vượt thác.

c. Đoạn 3 (từ câu 23 đến câu 30): Cảm hứng bi tráng về cuộc đời chiến đấu gian khổ, hi sinh anh dũng của các chiến binh Tây Tiến.

d. Đoạn 4 (bốn câu còn lại): Những dòng chữ ghi vào mộ chí như lời thề của người chiến sĩ.

3. Kết bài

"*Tây Tiến mùa xuân ấy*" đã trở thành cái thời điểm một đi không trở lại của lịch sử nước nhà. Sẽ không bao giờ lại còn có lại cái thuở gian khổ và thiếu thốn đến dường ấy nữa. Không có cái thuở ấy thì sẽ không có bài thơ *Tây Tiến* và tất nhiên là không có cái hồn thơ, cái tài thơ của Quang Dũng thì cũng sẽ không có *Tây Tiến*.

B. BÀI LÀM

Có những ngày tháng không thể quên, cái gian khổ ác liệt không thể quên, cả cái hào hùng lãng mạn cũng không thể quên.

May mắn thay, giữa những ngày tháng không thể quên ấy, lại có những bài thơ không thể quên, như *Tây Tiến* của Quang Dũng.

Thật ra số phận của *Tây Tiến* cũng khá truân chuyên. Đã có lúc *Tây Tiến* được trích dẫn như một dẫn chứng để phê phán cái xu hướng gọi là "tiểu tư sản" trong thơ kháng chiến, một "đối chứng" để khẳng định những

gì nên có trong Thơ mới. Nhưng rồi *Tây Tiến* cuối cùng được nhớ lại như một kỉ niệm đẹp của kháng chiến, một tiếng thơ bi tráng của một nền thơ.

Thành công đầu tiên của Quang Dũng là đã chọn cho bài thơ một thể thơ rất hợp: thể bảy chữ; nhưng không phải bảy chữ Đường luật mà là bảy chữ thể *hành*; mỗi vần thơ ăn theo một vần bằng, cứ một câu vần bằng lại một câu vần trắc. Điệu thơ ấy, tạo cho bài thơ một nhạc điệu vừa cổ kính trang nghiêm, vừa phóng khoáng, bay bổng, vừa trùng điệp vừa như trải ra vô tận. Điệu thơ ấy, lại cộng với cách dùng từ hơi cổ kính một chút của Quang Dũng khiến cho bài thơ ngay khi vừa đọc lên, đã có một không khí vừa man mác, buâng khuâng vừa lãng mạn hào hùng. Nếu Quang Dũng sử dụng một thể thơ khác, kể cả thể thất ngôn tứ tuyệt trường thiên như ở *Đôi mắt người Sơn Tây*, điệu thơ sẽ khác đi, không khí bài thơ cũng khác đi, sẽ buồn hơn và sẽ không còn là *Tây Tiến* nữa. Nhưng đây không phải là vấn đề lựa chọn. Cảm hứng nghệ thuật của Quang Dũng, nhu cầu bên trong của nhà thơ, đã tìm đúng cái dạng hình phải có sự thổ lộ của mình, để cho *Tây Tiến* ra đời và sống cuộc đời đầy thăng trầm nhưng mãnh liệt của nó.

Hình như có lúc nhan đề bài thơ gồm những ba chữ kia: *Nhớ Tây Tiến*. Cái nhan đề ấy hơi thừa nhưng lại rõ nghĩa, *Tây Tiến* là một cảm hứng bắt nguồn từ kỉ niệm, kỉ niệm về một đoạn đời chiến đấu, về một miền đất, kỉ niệm về những người đồng đội, cả những kỉ niệm khó quên về chính mình. Trong đời có những lúc nào đó, kỉ niệm bỗng sống dậy với những đường nét và sắc màu nóng bỏng để gợi lên những cảm xúc và hoài niệm vô tận. Kỉ niệm về Tây Tiến, về cuộc hành quân tiến về Tây Tiến đánh giặc bên kia biên giới Việt - Lào, đã bắt đầu như thế:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi.

"*Nhớ chơi vơi*"! Hai tiếng chơi vơi dùng ở đây thì thực là đắc địa. "*Nhớ chơi vơi*" là nỗi nhớ không có hình, không có lượng, hình như nhẹ tênh tênh mà nặng vô cùng, bởi không đo nó được, không cân nó được, chỉ biết nó lửng lơ, đầy ắp, mênh mông, nó ám ảnh tâm trí mình, nó da diết thương nhớ vô cùng. "*Nhớ chơi vơi*", ít ai nói như thế; hình như trong ca dao cũng có và chỉ có một lần nỗi nhớ như thế xuất hiện: *Ra về nhớ bạn chơi vơi...*

Trong bài thơ Quang Dũng, hai tiếng "*chơi vơi*" này lại ăn vần với tiếng "*ơi*" ở câu trên, nên càng bộc lộ hết sắc thái ngữ nghĩa và sức khơi gợi của chúng, càng trở nên như một tiếng vang tức thời bật lên từ cõi nhớ: nhớ Tây Tiến - nhớ ngay về rừng núi.

Ấn tượng sâu đậm nhất về Tây Tiến là ấn tượng về rừng núi. Cả một đoạn thơ đầu gồm 14 câu đều dành cho kỉ niệm về rừng núi một vùng bát ngát miền Tây, một vùng biên giới Việt - Lào. Mà rừng núi mới dữ dội khắc nghiệt làm sao: núi cao, dốc thẳm, sương dầy, mưa mịt mù, thác gầm,

cọp dữ.. Miền Tây, ấy là nơi ngự trị của vẻ thâm u hoang dã, những thách thức gớm ghê đặt ra trước con người: thiên nhiên ở đây luôn là mối đe dọa, một sức mạnh sẵn sàng vồ lấy con người, nuốt chửng con người. Ta chớ quên rằng, vào cái mùa xuân Tây Tiến ấy, những người lính Tây Tiến như Quang Dũng chỉ vừa mới ra đi từ một mái trường hoặc một góc phố nào đó của Hà Nội - Thăng Long, nơi có Hồ Gươm, Tháp Bút, Đài Nghiên, có liễu Hồ Tây, có ba mươi sáu phố phường, có cả những cuộc chiến đấu trên chiến lũy ác liệt mà vẫn pha nét hào hoa.. Ấn tượng trước miền Tây vì thế càng ghê gớm:

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

Từng chi tiết: sương, dốc, mây, mưa.. đều được Quang Dũng đưa ra với ấn tượng mạnh nhất của nó. Sương thì: "*dày*" đến lấp cả đoàn quân, dốc thì đã "*khúc khuỷu*" lại "*thăm thẳm*", đã "*ngàn thước lên cao*" lại "*ngàn thước xuống*", "*cồn mây*" thì heo hút và cao đến "*súng ngửi trời*", mưa đến mức những ngôi nhà như bồng bềnh trên biển khơi... Những từ địa danh Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch xa lạ càng làm tăng cái ấn tượng xa ngái, hoang sơ lên một bậc nữa.

Đọc mấy câu thơ sau đây:

Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống.

tự nhiên thấy rợn ngợp cả người, cứ như khi đọc mấy câu thơ trong *Thục đạo nan* của Lí Bạch:

Thục đạo chi nan, nan ư thướng thanh thiên!
(Đường xứ Thục khó đi, khó hơn cả lên trời xanh)

hoặc như khi đọc *Chinh phụ ngâm* mà đến câu:

Hình khe thế núi gần xa
Đứt thôi lại nối, thấp đà lại cao...

Tây Tiến là một cuộc hành quân cực kì gian khổ đến độ:

Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.

Gian khổ tưởng như đã vượt lên trên giới hạn chịu đựng của con người. Những người gục xuống trên đường đi, gục xuống khi chân còn đi;

chỉ khi "*không bước nữa*", không thể bước nữa mới "*gục lên súng mũ*", và thế là "*bỏ quên đời*" chứ không phải nằm xuống, ngã xuống. Cái ý thơ này dẫu buồn mà vẫn không bi đát, bởi vì con người ở đây vẫn vượt lên mình, dẫu không áp đảo được khó khăn nhưng không khuất phục, và cho đến khi chết, vẫn chết trong cuộc hành trình. Thật là một hình ảnh vừa bi vừa hùng. Nó đúng với cái không khí thời đại của đất nước đang bước vào một cuộc chiến đấu mà mỗi người chỉ có hai tay không và một tấm lòng, phải đương đầu với súng đạn bom pháo của một bầy giặc mạnh, chiến đấu cho một lời thề thiêng liêng: "Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh". Mỗi cuộc ra đi đều không hẹn ngày về, giống như lời bài hát rất thịnh hành ngày đó:

Đoàn vệ quốc quân một lòng ra đi
Nào có mong chi đâu ngày trở về...

Đừng đưa những tiêu chuẩn tinh thần lạc quan cách mạng hay gì gì đó của những năm sau này mà đo đạc hay phê phán tinh thần của lớp người ngày ấy. Bởi vì ở họ, ở mỗi người chiến sĩ lên đường ngày ấy, đều có một hình ảnh và có một tâm trạng của Kinh Kha sang Tần:

Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn
Tráng sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn
(Gió hiu hắt chừ, sông Dịch lạnh tê
Tráng sĩ một đi chừ, chẳng trở về).

Ôi, cái lãng mạn đẹp đẽ của một thời! Đừng gọi đó là anh hùng cá nhân. Anh hùng có nhưng cá nhân thì không, bởi cái anh hùng ấy vô tư lắm.

Trong đoạn thơ đầu này, nếu Quang Dũng có nói "quá lên" về cái ghê gớm của núi rừng (mà chắc chắn là không quá) thì cũng chỉ là để nói lên cái hào hùng của con người chứ không phải để hạ nó.

Rồi giữa những kỉ niệm khổ và đau như thế, đoạn thơ bỗng khép lại bằng một kỉ niệm thật ấm áp, như một tiếng hát vui bỗng vút lên. Cái khổ cái buồn thật đáng nhớ; vì thế, cái ngọt bùi giữa bao buồn khổ ấy lại càng đáng ghi nhớ hơn:

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

Điều vui gợi nhớ điều vui, Quang Dũng dành cả phần thứ hai gồm tám câu thơ cho những kỉ niệm vui về tình người xứ bạn:

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa.
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ.

Hình ảnh một cuộc liên hoan văn nghệ đã thành truyền thống trong cuộc kháng chiến chống Pháp được nhắc đến với ba nét tiêu biểu: đuốc,

hoa, điệu múa, tiếng khèn, những chi tiết có màu sắc tả thực mà vẫn có chút gì rất mộng, rất ảo. Hai tiếng "*kìa em*" vừa ngỡ ngàng vừa trìu mến.

Một nét chấm phá về nhân dân xứ bạn lại được hiện hình rất rõ trên tấm ảnh thời gian:

Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.

Quang Dũng đã dành phần cuối của bài thơ cho hình ảnh anh bộ đội Tây Tiến, một hình ảnh mà tác giả muốn ca ngợi một cách khác thường sau khi đã nói đến những nét hoặc khác thường hoặc độc đáo của Tây Tiến gian khổ, hào hùng.

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm.

Nếu cần sự độc đáo thì mấy từ "*không mọc tóc*" đã đạt đến chỗ tột cùng của độc đáo, nhưng thế thì có chân thực không? Hình ảnh anh bộ đội có trở nên quái đản không? Không! Bởi vì, đấy là hình ảnh anh "*Vệ trọc*" nổi tiếng một thời, hình ảnh như một dấu ấn không thể phai của những chàng trai từ thành phố, từ dưới các mái trường "*xếp bút nghiên*" bước vào chiến đấu, với một lòng yêu nước hoàn toàn vô tư và một chút lãng mạn của một khách chinh phu và một tráng sĩ "*gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao*". Hình ảnh anh bộ đội trong cái năm đầu tiên của kháng chiến ấy chưa có thể hoàn toàn thoát được hình ảnh người anh hùng mà văn thơ lãng mạn đã tạo nên, cả từ *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn hay *Chí anh hùng* của Nguyễn Công Trứ. Mà đã có "*đoàn binh không mọc tóc*" thì tất nhiên cũng có được "*quân xanh màu lá dữ oai hùm*". Hơn nữa, cái vẻ "*dữ oai hùm*" ấy cũng hoàn toàn tương xứng với một ý thơ của đoạn đầu:

Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.

Hình ảnh anh bộ đội Tây Tiến đã được dựng lên như thế thì tất phải có hai câu thơ này:

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

Mấy câu thơ sau thì thật buồn:

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Đó là hình ảnh tất nhiên của một cuộc chiến tranh. Câu thơ đầu đọng lại như một bức tranh buồn thảm bởi tất cả bảy tiếng "*rải rác - biên cương - mồ viễn xứ*" đều hàm chứa một lượng thông tin lớn. Câu thơ này

nếu đứng một mình thì ấn tượng bi thảm thật đến vô cùng. Nhưng từ cái bi thảm ấy, những câu thơ sau lại nâng nó lên thành bi tráng chứ không còn bi thảm nữa. Nó tráng bởi Quang Dũng đã nói được một điều cốt lõi trong nhân cách của Người đã chết:

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh.

Cách nhìn, cách phát biểu của nhà thơ cũng xuất phát từ cái tráng ấy. Riêng chi tiết thực này: người tử sĩ được mai táng trong chính quần áo của mình (không có cả chiếu) Quang Dũng đã nói khác đi. Nhà thơ không nói "*áo*" mà nói "*áo bào*", và khi nói "*áo bào*" thì ta không còn nghĩ đến "*áo*" nữa mà nghĩ đến một cái gì đẹp và hùng tráng hơn rất nhiều. Nói "*áo bào*" không phải là thi vị hóa hay "*tiểu tư sản*", "*mộng rớt*" như có người đã nói. Áo bào là đúng trong trường hợp này, vì đây là tấm áo mà người chiến sĩ đã mặc để chiến đấu cho đến phút chót của đời mình. Vả lại "*áo bào*" chứ không phải "*chiến bào*", "*chiến bào*" thì nghe cổ quá, không phù hợp, còn "*áo bào*" thì lại mới, rất đúng. (một sự kết hợp ngẫu nhiên giữa hai từ "*áo*", "*bào*", coi như một đóng góp về từ vựng của Quang Dũng). Người tráng sĩ thời phong kiến coi "da ngựa bọc thây" là một niềm vinh quang thì người lính bảo vệ đất nước ngày nay, "*áo bào thay chiếu anh về đất*" là một hình ảnh đầy sức mạnh ngợi ca. "*Về đất*" không chỉ là được chôn vào lòng đất, mà còn là niềm trân trọng yêu thương của đất nước, của đồng đội. Bi tráng nhất là câu thơ cuối đoạn này:

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Buồn đấy nhưng sao mà hùng tráng quá!

Quang Dũng kết thúc *Tây Tiến* bằng một khổ thơ tứ tuyệt:

Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

"*Không hẹn ước*" rồi lại "*thăm thẳm một chia phôi*". Quang Dũng lại khẳng định lại cái ý niệm "*nhất khứ bất phục hoàn*"" trong hình ảnh anh bộ đội Tây Tiến, cũng là ý niệm chung cả một thời kì, một thế hệ con người. Đã nói nhiều điều về Tây Tiến, đã nhắc lại nhiều kỉ niệm về Tây Tiến; nhưng cuối cùng, cái đọng lại sâu nhất, bền vững nhất về Tây Tiến là cái tinh thần ấy. Giọng thơ trầm, nhịp thơ chậm, hơi buồn nhưng ý thơ thì vẫn hào hùng.

"*Tây Tiến mùa xuân ấy*" đã trở thành cái thời điểm một đi không trở lại của lịch sử nước nhà. Sẽ không bao giờ lại còn có lại cái thuở gian khổ và thiếu thốn đến dường ấy nữa. Không có cái thuở ấy thì sẽ không có bài thơ *Tây Tiến* và tất nhiên là không có cái hồn thơ, cái tài thơ của Quang Dũng thì cũng sẽ không có *Tây Tiến*.

Phân tích đoạn thơ sau trong bài *Đất nước* của nhà thơ Nguyễn Đình Thi:

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa
Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy
Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha
Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Nguyễn Đình Thi là một nghệ sĩ tài hoa. Trong lĩnh vực sáng tác, Nguyễn Đình Thi đã để lại cho đời tuyệt tác *Đất nước*. Bài thơ được sáng tác trong quãng thời gian 8 năm ròng (1948 - 1955), diễn tả quá trình nhận thức về kháng chiến, sự hình thành, nảy nở tình cảm yêu nước, căm thù bè lũ cướp nước và khái quát những chặng đường kháng chiến chống Pháp đau thương nhưng anh dũng, gian khổ nhưng vĩ đại của dân tộc ta.

2. Thân bài

a. Từ câu một đến câu ba là khúc dạo đầu của một bản đàn

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa

Nguyễn Đình Thi cảm nhận về đất nước thân yêu của mình bắt đầu từ buổi sáng tinh khiết của mùa thu. Từ mùa thu nơi núi rừng Việt Bắc,

mùa thu độc lập, tự do, mùa thu của quê hương cách mạng, Nguyễn Đình Thi đưa điểm nhìn về *"Những ngày thu đã xa"*.

b. Tác giả nhớ về mùa thu Hà Nội

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Nhà thơ mới miêu tả đúng về vẻ đẹp của mùa thu Hà Nội. Tuy nhiên, cảnh sắc ấy dưới điểm nhìn của tác giả có chút xao xuyến, bâng khuâng, buồn lặng lẽ. Nhưng không thể vui được khi Hà Nội vẫn còn bóng dáng của quân cướp nước, bán nước. Cho nên, *"Người ra đi đầu không ngoảnh lại"*. Còn tình cảm có sự lưu luyến với nếp sống quen thuộc trong căn nhà bé nhỏ và nỗi nhớ nhung Hà Nội bốn ngàn năm văn hiến. Vì vậy, nhà thơ *"đầu không ngoảnh lại"* nhưng tâm hồn thì không thể không ngoảnh lại:

Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

c. Mùa thu Việt Bắc tràn ngập niềm vui

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.

– Niềm vui giữa chủ thể và khách thể có sự vang ứng, cộng hưởng. Nhà thơ đứng giữa thiên nhiên đẹp đến hai lần mà cất tiếng reo vui. Nhân vật "tôi" có sự thay đổi lớn. Cái "tôi" của nhà thơ (chủ thể) đã hòa quyện vào cái chung rộng lớn vui tươi (khách thể).

– Đối với nhà thơ, niềm vui được giải phóng như được nhân lên theo cấp số nhân:

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

* Chú ý phân tích nghệ thuật nhân hóa tu từ và phép điệp.

d. Từ niềm vui lan tỏa không gian, mạch thơ chuyển sang suy tư trên mạch thời gian

Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", *"Uống nước nhớ nguồn"*, từ hiện tại, nhà thơ nhớ về quá khứ hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước vẻ vang, oanh liệt, hào hùng, chói lọi của dân tộc ta.

3. Kết bài

Bằng một hồn thơ đất nước rộng mở, bằng tình cảm mạnh mẽ, bằng điểm nhìn từ quá khứ đến hiện tại và từ hiện tại về quá khứ, bằng các thủ pháp nghệ thuật độc đáo, Nguyễn Đình Thi vừa miêu tả được nét đẹp tuyệt vời của đất nước Việt Nam trăm quý ngàn yêu, hết lời ca ngợi đất nước, vừa bày tỏ được cảm hứng về đất nước và dân tộc anh hùng một cách nhất quán, chân thành.

B. BÀI LÀM

Nguyễn Đình Thi là một nghệ sĩ tài hoa. Ông có sự gắn bó mật thiết đối với nền văn học Cách mạng ở Việt Nam từ những ngày đầu trứng nước (từ ngày thành lập Hội Văn hóa Cứu Quốc (1943) cho đến nay). Ông cống hiến tích cực trên nhiều lĩnh vực văn học (thi ca, truyện, kịch, phê bình văn học), thảo luận triết học, sáng tác nhạc. Ông được Chủ tịch nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I - 1996). Trong lĩnh vực sáng tác thi ca, Nguyễn Đình Thi đã để lại cho đời tác phẩm *Đất nước*. Bài thơ được sáng tác trong quãng thời gian 8 năm (1948 - 1955), diễn tả quá trình nhận thức về kháng chiến, sự hình thành, nảy nở tình cảm yêu nước, căm thù bè lũ cướp nước và khái quát những chặng đường kháng chiến chống Pháp đau thương nhưng anh dũng, gian khổ nhưng vĩ đại của dân tộc ta.

Chúng ta hãy tìm hiểu phần thứ nhất của bài thơ (từ câu đầu đến câu 21):

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa
Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy
Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha
Trời xanh đây là của chúng ta

Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

Từ câu một đến câu ba là khúc dạo đầu của một bản đàn:

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa.

Nguyễn Đình Thi cảm nhận về đất nước thân yêu của mình bắt đầu từ buổi sáng tinh khiết của mùa thu. Trời thu mát mẻ, trong trẻo *"mùi hương cốm mới"* hòa quyện trong những làn gió nhẹ mơn man gợi cảm giác thi vị và cũng gợi cho chúng ta nhớ đến hương vị thơm ngon của lúa nếp trong câu thơ của Hoàng Cầm *"Quê hương ta lúa nếp thơm nồng"* (Bên kia sông Đuống). Từ mùa thu nơi núi rừng Việt Bắc, mùa thu độc lập, tự do, mùa thu của quê hương cách mạng, Nguyễn Đình Thi đưa điểm nhìn về *"Những ngày thu đã xa"*. Có thể nói, nhà thơ chỉ:

Vặn đàn mấy tiếng dạo qua
Dẫu chưa nên khúc tình đà thoảng bay.

Lòng tác giả nhớ về mùa thu Hà Nội:

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Khung cảnh Hà Nội hiện lên thật đẹp, bàng bạc chất thơ. Tiết trời chỉ *"chớm lạnh"* - cái lạnh rất đặc trưng của Hà Nội ba mươi sáu phố phường. Cái lạnh làm rung động hồn người. Cái lạnh gợi thi hứng khác hẳn cái lạnh lẽo của mùa đông. Những cơn gió heo may xao xác đầu mùa rải trên đường phố tĩnh lặng làm cho phố phường dài hơn, rộng hơn. *"Xao xác"* là từ láy được nhà thơ dùng "rất đắt". Đặc biệt những tia nắng hanh vàng soi trên *"thềm nắng lá rơi đầy"* gợi được thần sắc riêng biệt của vẻ đẹp mùa thu. Chính vì Hà Nội luôn ở nơi hồng trái tim của Nguyễn Đình Thi nên nhà thơ mới miêu tả đúng vẻ đẹp của mùa thu Hà Nội như thế. Tuy nhiên, cảnh sắc ấy dưới điểm nhìn của tác giả có chút xao xuyến, bâng khuâng, buồn lặng lẽ. Nhưng không thể vui được khi Hà Nội vẫn còn bóng dáng của quân cướp nước, bán nước. Cho nên, *"Người ra đi đầu không*

ngoảnh lại". Câu thơ đã vẽ lên bức chân dung tự họa của thi sĩ Nguyễn Đình Thi. Tâm trạng người ra đi mang nặng niềm thương mến, vấn vương. Vì lí trí nhắc nhở trách nhiệm của người công dân nên *"Người ra đi đầu không ngoảnh lại"*. Còn tình cảm có sự lưu luyến với nếp sống quen thuộc trong căn nhà bé nhỏ và nỗi nhớ nhung Hà Nội bốn ngàn năm văn hiến. Vì vậy, nhà thơ *"đầu không ngoảnh lại"* nhưng tâm hồn thì không thể không ngoảnh lại:

Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Nếu như mùa thu Hà Nội gợi cảm, thoáng nét buồn trong khung cảnh biệt li thì mùa thu Việt Bắc tràn ngập niềm vui:

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.

Câu thơ *"Mùa thu nay khác rồi"* vừa là câu chuyển đoạn, chuyển ý vừa nói lên sự biến chuyển trong nhận thức về lòng yêu nước của Nguyễn Đình Thi. Ở đây, niềm vui giữa chủ thể và khách thể có sự vang ứng, cộng hưởng. Nhà thơ đứng giữa thiên nhiên đẹp đến hai lần mà cất tiếng reo vui. Nghệ thuật nhân hóa tu từ đã giúp cho những cảnh vật đơn sơ trở nên có hồn và gần gũi với con người. Nhà thơ nhìn rừng tre thấy nó cũng vui; nhìn trời thu thấy nó vừa xanh vừa trong, vừa *"thay áo mới"*, vừa *"nói cười thiết tha"* như chưa bao giờ được nói cười một cách tự do, thoải mái như thời điểm này. Chúng ta dễ thấy nhân vật *"tôi"* có sự thay đổi lớn. Trước đây, nhân vật *"tôi"* có cái nhìn còn hẹp, chỉ quẩn quanh nơi đường phố, thềm nhà. Bây giờ, nhân vật *"tôi"* có cái nhìn rộng lớn bao quát cả: núi đồi, rừng tre, trời thu, cánh đồng, dòng sông... Có thể nói, cái nhìn của nhân vật *"tôi"* ít nhiều giống với cái nhìn của nhân vật Độ trong truyện ngắn *Đôi mắt* của Nam Cao. Đó là cái nhìn của những trí thức, văn thi sĩ nhập cuộc, đứng trong lòng cuộc kháng chiến, tin tưởng vào tương lai của cuộc kháng chiến và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc. Vậy nên, cái *"tôi"* của nhà thơ (chủ thể) đã hòa quyện vào cái chung rộng lớn vui tươi (khách thể).

Hơn nữa, đối với nhà thơ, niềm vui được giải phóng như được nhân lên theo cấp số nhân:

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

Nghệ thuật điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc cú pháp và liệt kê cùng với nhịp điệu khẩn trương, khỏe khoắn, hồ hởi, sôi nổi cách dùng nhiều tính từ, cách chọn vần âm vang: *"a - at"* đã nhấn mạnh niềm tự hào mãnh liệt của nhà thơ khi được làm chủ đất nước. Vì đất nước đã độc lập, tự do nên trời xanh, núi rừng, cánh đồng, dòng sông đều trở về ta. Trước đây, Nguyễn Đình Thi chưa có được những phút giây vui mừng, hạnh phúc đến thế. Trong *Bài thơ Bắc Hải*, khi phản ánh tâm trạng người tha hương, nhà thơ ghi nhận những nét sâu xa của tình yêu một đất nước bằng ngòi bút khổ đau:

Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
Mặt người vất vả in sâu
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.

Nhớ Hải Phòng, nơi gắn liền với tuổi thơ ngây, hồn nhiên của mình, nhà thơ vẫn không quên được quá khứ đau thương của đất cảng:

Quán Bà Mau, ngõ Ba Chìa, Bến Đá
Chợ Cột Đèn, Chợ Sắt, chợ đưa người
Những tên gọi sao mà vất vả
Chẳng khác lênh đênh những cuộc đời.

(Nhớ Hải Phòng)

Do đó, trong điểm nhìn hiện tại, đất nước hiện lên trong đôi mắt chan chứa yêu thương của Nguyễn Đình Thi rất màu mỡ, phì nhiêu, dài rộng, bát ngát, duyên dáng và giàu tiềm năng.

Từ niềm vui lan tỏa không gian, mạch thơ chuyển sang suy tư trên mạch thời gian.

Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", *"Uống nước nhớ nguồn"*, từ hiện tại, nhà thơ nhớ về quá khứ hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước vẻ vang, oanh liệt, hào hùng, chói lọi của dân tộc ta.

Hai câu thơ:

Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất

là một sự khám phá về nghệ thuật sâu sắc, độc đáo của nhà thơ Nguyễn Đình Thi. Từ *"rì rầm"* vừa miêu tả cảm nhận bằng thính giác, vừa miêu tả cảm nhận bằng linh giác. Đồng thời đó cũng là tiếng gọi của quá khứ *"hồn núi sông ngàn năm"* thiêng liêng trở về hiện tại. Mặt khác, nhà thơ còn nói lên được hai đặc tính quý báu của ông cha ta là: không bao giờ chịu cúi

đầu khuất phục trước kẻ thù, trước nghịch cảnh *(những người chưa bao giờ khuất)* và luôn quan tâm đến thế hệ mai sau *"Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất"* để chuyện trò to nhỏ, đều đều, nhắc nhở con cháu không dứt lời. Đó cũng chính là hai đặc tính rất đáng nâng niu, trân trọng của một dân tộc anh hùng, hiên ngang, kiên cường, nhân ái, giản dị, cần cù, chất phác. Hai đặc tính này, sau đó, được nhiều nhà thơ, nhà văn khai thác. Nhà thơ Huy Cận đã viết:

Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững
Lưng đeo gươm, tay mềm mại bút hoa
Trong và thật sáng hai bờ suy tưởng
Sống hiên ngang mà nhân ái chan hòa.

Tóm lại, bằng một hồn thơ đất nước rộng mở, bằng tình cảm mạnh mẽ, bằng điểm nhìn từ quá khứ đến hiện tại và từ hiện tại về quá khứ, bằng các thủ pháp nghệ thuật độc đáo, Nguyễn Đình Thi vừa miêu tả được nét đẹp tuyệt vời của đất nước Việt Nam trăm quý ngàn yêu, hết lời ca ngợi đất nước, vừa bày tỏ được cảm hứng về đất nước và dân tộc anh hùng một cách nhất quán, chân thành.

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi:

Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Cũng như trong truyện và kịch, cảm hứng chủ đạo và nhất quán trong thơ Nguyễn Đình Thi là hình ảnh một đất nước Việt Nam đau thương, đói nghèo, cơ cực, bị dìm trong máu và nước mắt dưới ách thống trị của thực dân, phát xít và phong kiến tay sai. Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, nhất là khi sáng tác bài thơ *Đất nước*, toàn bộ tình cảm của nhà thơ tập trung ở khía cạnh này.

2. Thân bài

a. Hai câu đầu

– Qua cách nhìn giàu liên tưởng của nhà thơ, cảnh ở đây vừa thực vừa hư, vừa cụ thể đến nhức nhối, vừa có sức khái quát cao. Ráng đỏ buổi chiều chiếu xuống các rãnh cày trên cánh đồng như máu chảy. Dây thép gai quanh đồn giặc trên đồi cao như cào xé bầu trời Tổ quốc.

– Nghệ thuật nhân hóa tu từ, ẩn dụ tu từ độc đáo vừa làm tăng giá trị gợi hình, vừa làm tăng giá trị biểu cảm cho hai câu thơ. Cùng với than từ "*ôi*", lời thơ trở thành lời lên án, tố cáo quân cướp nước sâu sắc.

b. Hai câu sau

"*Nung nấu*" được Nguyễn Đình Thi dùng để nói lên lòng căm thù sâu sắc của người chiến sĩ.

"*Bồn chồn*" là ở trạng thái nôn nao, thấp thỏm. Ở đây, trên bước đường hành quân, người chiến sĩ đang say mê lí tưởng cứu nước, đang xót xa cho bóng hình quê hương bị hủy hoại.

c. Đánh giá

Đây là một trong những đoạn thơ đặc sắc nhất trong bài thơ *Đất nước*.

3. Kết bài

Đoạn thơ trên cũng như cả bài thơ *Đất nước* xứng đáng là một trong những bài thơ hay nhất về đề tài đất nước, con người của thi ca Việt Nam giai đoạn kháng chiến chống Pháp.

B. BÀI LÀM

Cũng như trong truyện và kịch, cảm hứng chủ đạo và nhất quán trong thơ Nguyễn Đình Thi là hình ảnh một đất nước Việt Nam đau thương, đói nghèo, cơ cực, bị dìm trong máu và nước mắt dưới ách thống trị của thực dân, phát xít và phong kiến tay sai. Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, nhất là khi sáng tác bài thơ *Đất nước*, toàn bộ tình cảm của nhà thơ tập trung ở khía cạnh này. Trên bước quân hành, xót xa, đau đớn, căm phẫn trước thảm cảnh mà kẻ thù đã gây ra, nhà thơ thốt lên:

Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bồng bồn chồn nhớ mắt người yêu.

Như chúng ta đã biết, bài thơ *Đất nước* được Nguyễn Đình Thi sáng tác trong khoảng thời gian 8 năm ròng (1948 - 1955). Bài thơ diễn tả quá trình nhận thức về kháng chiến, sự hình thành, nảy nở tình cảm yêu nước, căm thù bè lũ cướp nước và khái quát những chặng đường kháng chiến chống Pháp thần thánh của dân tộc ta. Bài thơ dài 49 câu, được chia làm hai phần theo cảm xúc liền mạch của chủ đề trữ tình. Phần một được chia làm hai đoạn. Đoạn một (7 dòng đầu) là tâm trạng của người từ Hà Nội ra đi theo tiếng gọi tha thiết của cách mạng nhưng trong lòng vẫn xao xuyến, bâng khuâng nhớ về mùa thu Hà Nội. Hà Nội mùa thu vào buổi sáng chớp lạnh, những cơn gió heo may xao xác đầu mùa rải trên đường phố tĩnh lạnh, những tia nắng hanh vàng soi trên "*thềm nắng lá rơi đầy*". Đoạn hai (từ dòng 8 đến dòng 21) là cảm xúc về mùa thu mới ở Việt Bắc. Nhà thơ đứng giữa thiên nhiên hai lần mà cất tiếng reo vui. Nhà thơ nhìn rừng tre

thấy nó cũng vui, nhìn trời thu thấy nó vừa xanh trong, vừa như "*thay áo mới*", vừa "*cười nói thiết tha*" như chưa bao giờ được cười nói tự do, thoải mái, như chưa bao giờ được cười nói tại thời điểm này và niềm vui giải phóng được nhân lên theo cấp số nhân. Nhà thơ bày tỏ niềm tự hào mãnh liệt của mình khi là được làm chủ đất nước, vì đất nước đã được độc lập, tự do nên trời xanh, núi rừng, cánh đồng, dòng sông đều trở về ta. Từ niềm vui lan tỏa trong không gian, mạch thơ chuyển sang suy tư trên mạch thời gian. Từ hiện tại, nhà thơ nhớ về quá khứ hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước vẻ vang, oanh liệt, hào hùng, chói lọi của dân tộc ta. Đến phần thứ hai (từ câu 22 đến hết), nhà thơ nhận thức về sự hình thành tình cảm yêu nước, chí căm thù giặc, ý thức tự cường của con người Việt Nam; những con người tuy hiền lành, chất phác nhưng ý chí quyết thắng giặc thù thì cao ngất.

Bốn câu thơ trích trên đây thuộc những dòng thơ đầu tiên của phần hai.

Hai câu thơ đầu:

Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều.

Các câu thơ này theo Nguyễn Đình Thi được khơi nguồn cảm hứng trong một chiều hành quân cùng bộ đội ở vùng núi Bắc Giang. Qua cách nhìn giàu liên tưởng của nhà thơ, cảnh ở đây vừa thực vừa hư, vừa cụ thể đến nhức nhối. vừa có sức khái quát cao. Ráng đỏ buổi chiều chiếu xuống các rãnh cày trên cánh đồng như máu chảy. Dây thép gai quanh đồn giặc trên đồi cao như cào xé bầu trời Tổ quốc

Nghệ thuật nhân hóa tu từ, ẩn dụ tu từ độc đáo vừa làm tăng giá trị gợi hình, vừa làm tăng giá trị biểu cảm cho hai câu thơ. Màu sắc câu thơ bầm đỏ như ứa máu, đường nét đậm và sắc như khắc họa. Tuy đó là một bức tranh thiên nhiên nhưng là hình ảnh của một đất nước bị tàn phá, giày xéo. Chính giặc Pháp xâm lược đã làm đảo lộn hoàn toàn đời sống thanh bình, yên ả của nhân dân ta. Cùng với than từ "ôi", lời thơ trở thành lời lên án, tố cáo tội quân cướp nước. Những lời kết tội này chúng ta đã gặp trong thơ Quang Dũng:

Từ độ thu về hoang bóng giặc
Điêu tàn ôi lại nỗi đêm tàn
Đất đá ong khô nhiều ngấn lệ
Em có bao giờ lệ chứa chan?
Mẹ tôi em có gặp đâu không?
Những xác già nua ngập cánh đồng
Tôi cũng có thằng con bé dại
Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông.

(Đôi mắt người Sơn Tây)

Hai câu sau là tâm trạng của người chiến sĩ trên bước đường hành quân:

Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.

"*Nung nấu*" là làm cho bị thôi thúc, dồn nén ngày càng nhiều một mong muốn, một tình cảm nào đó. Ở đây, "*nung nấu*" được Nguyễn Đình Thi dùng để nói lên lòng căm thù sâu sắc của người chiến sĩ và một quyết tâm, một ý chí son sắt của anh là nhanh chóng tiêu diệt, đánh đuổi lũ lang sói ra khỏi bờ cõi nước ta, để nhân dân trở lại cuộc sống độc lập, tự do, hạnh phúc. "*Bồn chồn*" là ở trạng thái nôn nao, thấp thỏm, thường vì một việc chưa đến, chưa biết ra sao. Ở đây, trên bước đường hành quân, người chiến sĩ đang say mê lí tưởng cứu nước, đang xót xa cho bóng hình quê hương bị hủy hoại đột ngột. Hình ảnh "*nhớ mắt người yêu*", chắc có lẽ, được khơi gợi bằng những vì sao lấp lánh trên bầu trời đêm mênh mông, bát ngát. Tâm trạng của anh lính xuất thân từ Hà thành văn hiến này rất gần với tâm trạng của người chiến sĩ Tây Tiến cùng thời:

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

(Tây Tiến)

Vâng! "*Mắt người yêu*", "*dáng kiều thơm*" ở nơi quê nhà xa xôi vẫn luôn dõi theo từng bước đường hành quân gian nan, khắc nghiệt vất vả của các anh, chia sẻ với các anh bằng tất cả tình cảm nồng nàn, chứa chan yêu thương, xuất phát từ đáy sâu hun hút tâm hồn mình. Những đóa hoa trắng ngào ngạt nhụy hương ở quê nhà đang đợi, đang chờ các anh về để mà dâng, mà hiến khi ngày hòa bình. Vậy nên, thương nước và thương người yêu, nước bị giặc xâm chiếm người yêu phải xa cách; khối tình cảm chung và tình cảm riêng hòa quyện, nung nấu trong lòng đã thôi thúc, giục giã, động viên người lính trên tuyến lửa ác liệt.

Có thể nói, đây là một trong những đoạn thơ đặc sắc nhất của bài thơ *Đất nước*. Về nội dung, nhà thơ thể hiện thánh công hai bức tranh: bức tranh ngoại cảnh và bức tranh tâm cảnh, Trong đó, tâm trạng xót xa, yêu thương đất nước và căm thù sôi sục quân cướp nước là nổi bật nhất, lan tỏa khắp bức tranh thơ. Về nghệ thuật, nhà thơ phối hợp rất thành công một vài biện pháp tu từ thường gặp trong tiếng Việt và đặc biệt, các nghệ thuật, kĩ thuật hội họa, điêu khắc, điện ảnh cũng được nhà thơ sử dụng khéo léo, điêu luyện tài hoa.

Đoạn thơ trên cũng như cả bài thơ *Đất nước* xứng đáng là một trong những bài thơ hay nhất về đề tài đất nước, con người của thi ca Việt Nam giai đoạn kháng chiến chống Pháp.

Phân tích bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi để làm rõ những cảm hứng của nhà thơ.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Đất nước là một đề tài được nhiều nhà văn, nhà thơ chú ý thể hiện.

Đất nước của Nguyễn Đình Thi là một bài thơ hay. Nó không thiếu tính khái quát nhưng vẫn đầy ắp ấn tượng, cảm giác về những cảm giác, những người cụ thể. Bài thơ vì thế không sa vào tự biện, mặt khác, có được không khí chân thực của đời sống đủ sức đồng hóa những ý thơ dể dãi đôi khi được cho vào chỉ để cho "đủ", cho "toàn diện" và "bề thế".

2. Thân bài

a. Đất nước và niềm vui làm chủ

Đất nước bắt đầu bằng những câu thơ trong trẻo, đầy sức gợi:

+ *Tôi nhớ những ngày thu đã xa*
+ *Người ra đi đầu không ngoảnh lại*
+ *Mùa thu nay khác rồi*

b. Một đất nước đau thương nhưng anh dũng

– *Đau thương:*

+ Trong quá khứ
+ Trong hiện tại

– *Anh dũng*

c. Một biểu tượng về đất nước

Chú ý khai thác khổ thơ cuối:

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.

3. Kết bài

Trong bài thơ này, nét mặt quê hương đã ngời lên với những vẻ đa dạng thông qua sự cảm nhận, khám phá của một tâm hồn thi sĩ rất giàu nội tâm cũng như rất giàu ý thức công dân.

B. BÀI LÀM

Đất nước là một đề tài được nhiều nhà văn, nhà thơ chú ý thể hiện. Tuy nhiên, đây là đề tài thuộc loại hóc búa. Nếu cảm xúc không đủ mạnh, đủ sâu và khả năng khái quát hạn chế, chắc chắn tác phẩm sẽ rơi vào công thức, sơ lược và bị lối đại ngôn chia phối. Nhưng những cá tính thơ mạnh mẽ bao giờ cũng tìm được một cách thể hiện riêng, làm cho đất nước mỗi lúc lại hiện ra với một vẻ mặt mới lấp lánh, đa dạng và hàm chứa một nội dung cụ thể lịch sử.

Đất nước của Nguyễn Đình Thi là một bài thơ hay. Nó không thiếu tính khái quát nhưng vẫn đầy ắp ấn tượng, cảm giác về những cảm giác, những người cụ thể (đặc biệt là những cảnh, những người trong kháng chiến chống Pháp). Bài thơ vì thế không sa vào tự biện, mặt khác, có được không khí chân thực của đời sống đủ sức đồng hóa những ý thơ sẽ dài đôi khi được cho vào chỉ để cho "đủ", cho "toàn diện" và "bề thế".

Đúng như có người nhận xét, cái từ của bài thơ không được thể hiện thật rõ. Mới đọc qua phần đầu, ta khó hình dung được dòng chảy của cảm xúc hay hình tượng then chốt của bài thơ. Phải chăng việc lắp ghép một đoạn của bài *Sáng mát trong như sáng năm xưa* (1948) với một đoạn của bài thơ *Đêm mít tinh* (1949) rồi kéo dài thêm để tạo ra *Đất nước*. (1955) đã quy định đặc điểm riêng đó của bài thơ? Trên ý nghĩa khách quan, quá trình hình thành độc đáo của bài thơ phản ánh khá rõ một chặng đường từ nhận diện để đi đến thấu hiểu về đất nước của nhà thi sĩ. Tất cả không diễn ra một sớm một chiều mà đòi hỏi phải có sự trải nghiệm, nghiền ngẫm, đòi hỏi tự nhà thơ phải vượt lên trong cuộc hòa mình vào đời sống chiến đấu của toàn dân tộc. Đối với việc bộc lộ tâm hồn của nhà thơ, cái vẻ lỏng lẻo ở kết cấu bề mặt của bài thơ lại trở nên một sáng tạo lí thú. Vì vậy, trong ý đồ sáng tạo, chưa hẳn nhà thơ đã muốn che dấu hoàn toàn những mối "hàn ghép".

Phần đầu bài thơ - phần vẫn được đánh giá là hay hơn cả - chứa đựng rất nhiều ấn tượng cụ thể về một mùa thu đất nước. Thoạt tiên, đó là một cảm giác thư thái như muốn nhẹ nhàng bay lên theo hai câu thơ có đến 12/14 âm tiết mang thanh điệu có âm cực cao:

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới.

Một sự tương đồng gợi nhớ. Một liên tưởng của nét đẹp trường cửu của mùa thu xứ sở với hơi may phảng phất và hương cốm dìu dịu tỏa bay. Mùa thu nay cũng như mùa thu xưa, thiên nhiên vẫn đẹp đến nao lòng. Có khác chăng là lòng người và hoàn cảnh xã hội. Nỗi nhớ của tác giả đã thực sự làm một đối chiếu tự nhiên để hình ảnh của ngày qua được dịp trở về vô cùng sống động:

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Còn có thể nói gì thêm về câu thơ ấy? Một tiết trời dễ khiến lòng ta xao xuyến. Một chút thoáng heo may se se khơi gợi biết mấy nỗi niềm. Thu tới - không gian chợt yên ắng để tiếng nói của nội tâm cất lời. Các dãy phố như dài thêm và đượm vẻ trầm u đặc biệt, tạo nên một bối cảnh

xao xác rất thích hợp cho hình ảnh người ra đi xuất hiện. Người ra đi ở đây là ai, tác giả không nói rõ cụ thể chỉ biết rằng Người ấy rời Hà Nội yêu dấu với rất nhiều quyết tâm, tương tự các tráng sĩ xưa đã lên đường là đi một mạch chẳng ngoảnh đầu trở lại. Phải chăng đó cũng chính là mẫu người từng được Thâm Tâm nhắc tới "*Một giã gia đình một dứng dưng?*" Và chắc chắn giống nhân vật của *Tống biệt hành*, người ấy tuy bên ngoài có vẻ lạnh lùng nhưng lòng thì để lại đang trăn trở thao thức với "*thềm nắng lá rơi đầy*" ở phía sau lưng. Cả đoạn thơ rất giàu chất điện ảnh, trong đó câu cuối đặc tả cận cảnh để tự cảnh đó kể với người đọc bao điều. Câu thơ ngắt nhịp 2/2/3 như muốn diễn tả vẻ rơi rơi ngập ngừng của lá vàng khô cùng niềm lưu luyến ủ kín trong lòng kẻ quyết chia tay Hà Nội để lên đường. Bề ngoài, họ không "*bước đi một bước giây giây lại dừng*", nhưng trong thâm tâm, từng chiếc lá rơi đều gieo vào lòng họ một nỗi bâng khuâng dìu dặt.

Từ gần đến xa, rồi từ xa lại về gần, những câu thơ tiếp đó khơi thêm cảm xúc về mùa thu, đưa độc giả quay lại thời điểm hiện tại để được thanh thản trong niềm vui giao hòa giữa lòng người và cảnh vật.

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.

"*Mùa thu nay khác rồi*" là sự so sánh bật thành tiếng reo, một tiếng reo ghi nhận sự khác biệt giữa hai thời đại và khẳng định niềm vui mới đang tới. Câu thơ năm chữ xuất hiện đột ngột sau những câu bảy chữ có nội dung mạch lạc và âm điệu thật dứt khoát. Nó chứa đựng cả tình cảm và nhận thức, đồng thời lí giải sâu sắc vị trí đứng và tâm thế lắng nghe của nhà thơ giữa một bối cảnh thiên nhiên vô cùng khoáng đạt: "*Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi*". Hai chữ "*vui nghe*" mà càng nhận ra bao cái khác. Cái khác ấy đến từ cách thổi của gió và cách hòa điệu của rừng tre. Nó "*phấp phới*" như vẫy chào, mời gọi và đầy tin tưởng, không giống như cái "*xao xác*" chứa niềm khắc khoải mơ hồ xưa kia. Trùm lên cả người, cả rừng tre, cả núi đồi là trời thu mới mẻ tinh khôi đang hay vừa thay áo mới. Giữa những câu sáu chữ, bảy chữ dài ngắn không đều, câu thơ năm chữ "*trời thu thay áo mới*" rơi xuống thật ngọt ngào, ấm áp, rồi điệu thơ chuyển ngập ngừng và xúc động khôn xiết với câu "*Trong biết nói cười thiết tha*". Trong câu thơ vừa trích có những chỗ "bất khả giải" gợi nhiều cách hiểu khác nhau. Trong niềm vui dâng đầy, mỗi chữ đều như tỏa chiếu ánh hân hoan và các thanh trắc đều dội vào lòng người một nỗi náo nức đặc biệt.

Bè cao của bài thơ bỗng tách ra, vút lên trong vắt, hồn nhiên và hào hứng vô cùng:

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta.

Câu thơ cao giọng mà không lên gân. Hai câu điệp lại mang cùng một ý mang cảm hứng khẳng định mạnh mẽ - khẳng định chủ quyền của chúng ta đối với vùng trời vùng đất ta đang chiêm ngưỡng với tầm ôm chứa rộng rãi:

Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

Nhịp điệu liệt kê dồn dập của đoạn thơ tiếp tục nhấn mạnh ý thức sở hữu của cái ta cộng đồng đội với non nước mình, mặt khác, gợi cảm giác cái ta ấy đang làm việc giới thiệu vẻ đẹp của Tổ quốc với cảm xúc tự hào và sung sướng. Nếu hai thanh trắc "*mát*" - "*ngát*" kết thúc hai câu trên giống như nhấn mạnh khi giới thiệu khiến cho hình ảnh được khắc đậm trong tâm khảm người đọc, người chứng kiến, thì hai thanh trắc liền nhau (*đỏ nặng*) ở phần giữa câu tiếp đó lại làm cho âm điệu của đoạn thơ trầm dần xuống để trôi xa mơ màng cùng hai thanh bằng nơi hai chữ phù sa. Dồn dập reo hát rồi trầm lắng, bâng khuâng, đó là sự chuyển động theo chu kì của điệu thơ, tạo nên sự căng - chùng luân phiên rất đặc biệt và giàu tính nghệ thuật.

Ở cuối đoạn thơ này, từ câu thơ ba chữ cô đọng và trang nghiêm "*Nước chúng ta*", độc giả được dẫn dắt vào mạch suy tư về truyền thống anh hùng của đất nước:

Nước chúng ta
Nước của những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

Có thể xem hai câu đầu của đoạn vừa trích là một định nghĩa - cái định nghĩa khá cơ bản thể hiện nhận thức sâu sắc của nhà thơ về đất nước: Việt Nam - Ấy là một mảnh đất bất khuất. Trong bối cảnh của cuộc chiến tranh, đúng là có điều kiện nhìn rõ hơn bao giờ hết phẩm chất ấy của dân tộc mình, đất nước mình. Sau định nghĩa là chứng minh. Nhưng điểm độc đáo là nhà thơ không chứng minh bằng lí lẽ, bằng các sự kiện mà bằng một cảm nhận. Hai chữ "*rì rầm*" làm câu thơ trở nên giàu ấn tượng, khiến cho khái niệm "tiếng nói ông cha" vẫn thường quen nói bớt vẻ trừu tượng, mơ hồ để trở nên sống động cụ thể. Quả thật, đây là kiểu chứng minh rất thơ và cũng rất Nguyễn Đình Thi nữa! Trước khi nói với những ai, nó đã chứng minh cho mình hiểu thêm về đất nước. Từ những mối xúc động tuy phong phú nhưng không rõ rệt ban đầu trước một sáng thu Hà Nội đến thứ

tình cảm được tổ chức lại và có định hướng như vừa phân tích trên, hẳn đó là cả một chặng đường dài nhận thức.

Khi đã chạm tới cốt lõi của vấn đề, ý thơ ngày càng sáng và mạch thơ ngày càng lộ rõ. Nếu đoạn thơ trước diễn tả sinh động quá trình đi từ cảm giác đến ý niệm thì đoạn thơ sau giống như sự thể nghiệm của nhận thức bằng thực tiễn. Không phải ngẫu nhiên mà từ "*Ôi những cánh đồng quê*" ... trở đi, cách biểu đạt thơ đã đổi khác; những hình ảnh thực tế giàu biểu trưng và song hành và đôi khi hòa lẫn với những khái quát luận trực tiếp. Sự phân khổ bốn câu đều đặn một mặt làm các ý thơ hơi tải ra, mặt khác lại có vẻ cần thiết cho sự dẫn giải, lập luận vốn đòi hỏi sự sáng sủa, lô-gíc. Hay nhất trong phần hai của bài thơ có lẽ là khổ này:

Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.

Đấy là những câu thơ từng trải, kết quả của một vốn sống phong phú. Nếu chưa từng biết đến những "*đêm dài hành quân*", chưa từng chứng kiến những cảnh xóm làng tan hoang vì sự tàn phá của quân thù, chưa từng thấy những gai nhọn tua tủa của dây thép gai cản vương tầm mắt hằn rõ lên hoàng hôn bầm đỏ một màu máu, thì không thể viết được những câu thơ như thế. Những từ "*chảy máu*", "*đâm nát*" đâu chỉ đơn giản là thủ pháp tạo hình, gây ấn tượng của thơ. Nó trước hết là nỗi quặn lòng, là sự đau đớn vò xé tâm can. Cũng như từ "*bồn chồn*" rất gợi ở câu sau đó. Nó chính là cuộc đời. Cuộc đời làm cho lòng yêu thương ta thêm lớn, thêm sâu, giúp ta bắt được mạch sống lớn của dân tộc để từ đó mọi buồn vui xúc cảm thực sự mang ý nghĩa đại diện. Nếu xem bài thơ (trong đặc điểm ghép mối đã nói trên của nó) là một sự phản ánh chân thực quá trình chuyển tiếp phong cách thơ cũng như nhận thức chính trị - xã hội của Nguyễn Đình Thi, thì khổ thơ này giống như cái bản lề giúp ta hiểu thấu các giai đoạn của quá trình. Từ đây, bắt đầu một sự hòa nhập thơ của Nguyễn Đình Thi vào cái phong cách thơ mang ý nghĩa thời đại: cảm xúc cá nhân, riêng tư (hiểu theo nghĩa hẹp). Bắt đầu mở dần để tiếng nói công nhân sang sảng cất lời. Thời gian mở ra (từ "*sáng chớm lạnh*" của kỷ niệm riêng đến những năm đau thương, "*ngày nắng đốt theo đêm mưa dội*" của cả dân tộc), không gian mở ra (từ "*thềm nắng lá rơi đầy*") Hà Nội quen thuộc đến quê hương, đất nước, "*trời đất mới*" không còn của riêng của một con người và lịch sử cũng mang chiều kích mới (từ lịch sử một tâm hồn đầy "*nhớ*", đầy "*xao xác*", thậm chí cả "*vui*", cả "*phấp phới*" đến lịch sử một đất nước vận động từ "đau thương", "*căm hờn*" đến "*đứng dậy*", "*vỡ bờ*"). Tất cả những sự "mở ra" nói trên đã làm cho các ý thơ mang tính khái quát cao hơn phù hợp với tầm vóc của đề tài và các hình ảnh cũng

mang những nét hoành tráng khác trước với những biểu hiện tình cảm vừa trầm tĩnh vừa phấn khích. Lúc này, hình ảnh người ra đi xuất hiện đầu bài thơ đã thu hút vào trong hình tượng lớn: cả dân tộc là một khối thống nhất, "*trán đẫm mồ hôi và hi vọng*", rắn rỏi, mạnh mẽ bước tới tương lai:

Ngày nắng đốt theo đêm mưa dội
Mỗi bước đường mỗi bước hi sinh
Trán cháy rực nghĩ trời đất mới
Lòng ta bát ngát ánh bình minh.

Cái "được" nhất của mảng thơ sau này chính là hơi thơ. Tiếng nói của một cá nhân âm vang tiếng nói của một dân tộc "*Đã đứng lên thành những anh hùng*"; cho nên, nhiều điều to tát đã nói ra mà không gây cảm xúc khó chịu. Sự nhân danh một cái gì to lớn hơn của nhà thơ được tiếp nhận tự nhiên, bởi sự thật ông đã đồng cảm với mạch sống lớn của dân tộc qua khát vọng chân thành, muốn nắm bắt và thấu hiểu nó.

Khổ cuối cùng của bài thơ là một cái "kết" xứng đáng với bản tráng ca về đất nước:

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.

Sau những khổ thơ bảy chữ mang âm hưởng của một giọng kể trầm vang chứa chất từng trải với cách ngắt nhịp phổ biến 3/4 dễ tạo cảm giác bề thế, là khổ thơ sáu chữ dường như muốn cô đọng lại, nén lại mà vẫn muốn tỏa ra. Cảm xúc vừa muốn tiết chế vừa muốn buông thả tự nhiên theo những từ có khả năng đập mạnh vào cảm giác, gợi nghĩ đến sự chuyển rung đi lên. Đoạn thơ không chỉ có sự thuyết phục của ý tứ mà còn có sức thuyết phục của một hình ảnh thực tế được biểu trưng hóa, chưa để mất hết những dấu vết cụ thể cảm tính ("*rung trời*", "*người lên như nước vỡ bờ*", "*rũ bùn*", "*đứng dậy*", "*sáng lòa*"). Phải nói rằng, thơ Nguyễn Đình Thi thường rất hay trong những trường hợp tương tự, khi những chi tiết đời sống đưa vào qua sự chọn lọc của một hồn thơ vừa mạnh ở cảm giác, vừa mạnh ở khả năng khái quát trí tuệ.

Trong bài thơ này, nét mặt quê hương đã ngời lên với những vẻ đa dạng thông qua sự cảm nhận, khám phá của một tâm hồn thi sĩ rất giàu nội tâm cũng như rất giàu ý thức công dân. Nhưng về cơ bản, sự phát hiện của Nguyễn Đình Thi chủ yếu hướng vào truyền thống anh hùng, bất khuất của đất nước - một phẩm chất càng trải qua gian khó, qua thử thách chiến tranh nó càng rạng ngời tỏa sáng. Đây là một góc nhìn vừa của riêng nhà thơ lại vừa của lịch sử trong một thời kì nhất định.

Giáo sư *Phan Huy Dũng*

Bình giảng những câu thơ sau trong bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi:

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu tác giả, tác phẩm, chủ đề bài thơ, nội dung của đoạn thơ.

2. Thân bài

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ.

– Hai câu thơ này có nhịp điệu thật chắc khỏe, tự tin, tưng bừng khí thế. Nghệ thuật thậm xưng, nhân hóa, so sánh tu từ đã gây được ấn tượng mạnh mẽ. Nhờ vậy, một sự thật diễn ra ở chiến dịch Điện Biên Phủ đã được tái hiện.

– Khi tận mắt chứng kiến sự thật ấy, nhà thơ Nguyễn Đình Thi mới tiếp tục khái quát thành một biểu tượng:

Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.

"*Máu lửa*" là hình ảnh hoán dụ tu từ chỉ những đau thương, mất mát, đắng cay, tủi nhục, gian lao, vất vả của nhân dân Việt Nam khi còn sống kiếp nô lệ lầm than. Riêng câu thơ "*Rũ bùn đứng dậy sáng lòa*" cũng là một sự thật lịch sử được nhà thơ tái hiện lại khi nhìn thấy các chiến sĩ từ lòng hào nhảy lên xung phong vào đồn giặc.

3. Kết bài

Đây là một khổ thơ có sức dồn nén rất cao độ, có sức truyền cảm nghệ thuật cao.

B. BÀI LÀM

Cảm hứng về quê hương, đất nước, con người là một mô-típ chủ đạo trong thơ ca Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Pháp. Có rất nhiều nhà thơ đã thể hiện thành công mô-típ ấy như Quang Dũng (*Tây Tiến*), Hoàng Cầm (*Bên kia sông Đuống*), Chính Hữu (*Đồng chí*), Hồng Nguyên (*Nhớ*), Tố Hữu (*Việt Bắc*)... Đặc biệt, bằng cả một quá trình sáng tác trong quãng thời gian 8 năm ròng (1948 - 1955), nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã cho ra đời tác phẩm *Đất nước*. Đây là bốn câu thơ của tác phẩm này:

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.

Như chúng ta đã biết, vào những ngày cuối cùng của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), giặc Pháp tập trung mọi cố gắng, tăng cường phòng thủ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chúng huy động lực lượng ở đây đến 16.200 tên, gồm những đơn vị bộ binh, pháp binh, công binh, xe tăng, không quân vào loại tinh nhuệ nhất ở Đông Dương. Lực lượng địch được bố trí thành một hệ thống phòng thủ mạnh, gồm 49 cứ điểm, chia thành ba phân khu. Ngoài những vũ khí thông thường, ở Điện Biên Phủ còn trang bị súng phun lửa, súng đại liên nhiều nòng, mìn, bom napan, máy hồng ngoại để quan sát và bắn đêm...

Với một hệ thống phòng thủ kiên cố, cả Pháp và Mĩ đều coi Điện Biên Phủ là một "pháo đài bất khả xâm phạm", nếu chủ lực của Việt Minh tấn công thì sẽ không tránh khỏi thất bại. Thế nhưng, quân giặc vẫn không ngăn được bước tiến của quân ta. Người trước ngã, người sau tiến lên:

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ.

Hai câu thơ này có nhịp điệu chắc khỏe, tự tin, bừng bừng khí thế. Nghệ thuật thậm xưng, nhân hóa, so sánh tu từ đã gây được một ấn tượng mạnh mẽ. Dưới mưa bom bão đạn của quân cướp nước, quân dân ta đã quyết tâm đào chiến hào để tấn công đồn giặc ở đồi A1, một ngọn đồi mang tên thiếu nữ Pháp (Elianre), một điểm cao lợi hại án ngữ phía Đông tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Thế là sau "*Năm mươi sáu ngày đêm, khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt - máu trộn bùn non - gan không núng - chí không mòn* "(Tố Hữu), bộ đội ta đã đào thành công một con đường ngầm, đường kính rộng 90cm, chạy thẳng vào trung tâm đồi A1 và đặt vào đó một khối thuốc nổ ngàn cân. Đúng 18 giờ 30 ngày 6/5, một ánh chớp lóe lên, một tiếng nổ "*rung trời giận dữ* "ở đồi A1. Pháo binh, hỏa tiễn của của quân ta dội bão lửa lên đầu quân địch. Lợi dụng khi kẻ thù choáng váng, bộ binh ta xông lên làm chủ đồi A1, bắt sống tên trung tá chỉ huy, A1 mất, cổ họng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị chọc thẳng, quân địch mất hẳn tinh thần. Đúng 14 giờ chiều 7/5, tư lệnh chiến dịch Võ Nguyên Giáp hạ lệnh Tổng công kích, quân ta tràn lên "*như nước vỡ bờ*". Quân địch giương cờ trắng đầu hàng đông như kiến. Một mũi xung kích do Tạ Quốc Luận dẫn đầu xông vào hầm chỉ huy tập đoàn cứ điểm, bắt sống tướng Đờ-cát và toàn bộ Bộ tham mưu:

Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.

"*Máu lửa*" là hình ảnh hoán dụ tu từ chỉ những đau thương, mất mát, đắng cay, tủi nhục, gian lao, vất vả của nhân dân Việt Nam khi còn sống kiếp nô lệ lầm than. Riêng câu thơ "*Rũ bùn đứng dậy sáng lòa*" cũng là một sự thật lịch sử được nhà thơ tái hiện lại khi nhìn thấy các chiến sĩ từ

lòng hào nhảy lên xung phong vào đồn giặc. Nhà thơ Nguyễn Đình Thi tâm sự: "*Tôi trông thấy các anh mình mẩy đầy bùn, nhưng khi nhảy lên trên mặt đất, các anh hiện ra chói lòa trong ánh nắng*". Đó là cái "thần" của phẩm chất, tính cách anh bộ đội Cụ Hồ: gan góc, kiên cường, trầm tĩnh. Phẩm chất ấy rất điển hình vì người chiến sĩ luôn có được động lực mạnh mẽ, tiềm tàng:

Bàn tay trắng ta giành lấy súng
Chân không giày đạp nát đồn Tây
Trong áo rách lòng ta có Đảng
Giữa nghìn dông bão chẳng lung lay.

(Quê hương Việt Bắc)

Có thể nói hai câu thơ này là một biểu tượng hùng tráng, cao đẹp, bình dị mà sâu sắc về cuộc chiến tranh đau thương mà anh dũng, gian khổ nhưng vĩ đại của dân tộc ta. Mặt khác, hai câu thơ cũng thể hiện niềm tự hào dân tộc da diết, sự đồng cảm với mạch sống lớn của dân tộc của nhà thơ.

Tóm lại, bốn câu thơ cuối cùng trên đây trong bài thơ *Đất nước* là một khổ thơ có sức dồn nén rất cao độ. Nhưng dồn nén mà vẫn cứ tỏa ra. Hình tượng thơ gân guốc, sống động, nhịp thơ tạo cảm giác bề thế; khí thế hăm hở, hơi thở chắc nịch, khỏe khoắn có sức truyền cảm nghệ thuật cao.

Phân tích đoạn thơ sau đây trích trong bài *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên:

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa,
Con nhớ anh con, người anh du kích
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn
Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách
Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.
Con nhớ em con, thằng em liên lạc.
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ
Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc
Mười năm tròn! Chưa mất một phong thư.
Con nhớ mế! Lửa hồng soi tóc bạc.
Năm con đau, mế thức một mùa dài
Con với mế không phải hòn máu cắt
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu về tác giả Chế Lan Viên và bài thơ *Tiếng hát con tàu.*

2. Thân bài

a. Khát vọng trở về với nhân dân như là trở về ngọn nguồn của sự sống

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.

– Khổ thơ hàm chứa một tiền giả định. Khi Chế Lan Viên viết: "*Con gặp lại nhân dân*" nghĩa là giữa nhân vật trữ tình và nhân dân vốn đã có một mối quan hệ nhất định.

– Chuỗi so sánh tu từ hội tụ một ý nghĩa lớn lao: sự gắn bó không thể chia tách, sự hòa hợp tuyệt đối giữa nhân vật trữ tình và nhân dân.

– Thủ pháp nghệ thuật trên còn biểu hiện một sắc thái tình cảm tiềm ẩn: lòng biết ơn vô bờ bến; sự trân trọng, kính yêu vô hạn của nhân vật trữ tình đối với nhân dân.

b. Nỗi nhớ và lòng biết ơn của nhà thơ về những hi sinh thầm lặng, lớn lao của nhân dân

Con nhớ anh con, người anh du kích
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn
Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách
Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.
Con nhớ em con, thằng em liên lạc.
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ
Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc
Mười năm tròn! Chưa mất một phong thư.
Con nhớ mế! Lửa hồng soi tóc bạc.
Năm con đau, mế thức một mùa dài
Con với mế không phải hòn máu cắt
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.

– Nhân dân chính là "*anh du kích*". Nghệ thuật điệp ngữ: "*chiếc áo nâu*" và điệp cấu trúc cú pháp đã khắc họa sâu sắc tình cảm cao thượng, đẹp đẽ của người chiến sĩ cách mạng bất khuất, kiên cường.

– Nhân dân chính là "*em liên lạc*". Nghệ thuật liệt kê: "*rừng thưa*", "*rừng rậm*", "*băng*", "*chờ*", "*sáng* ", "*chiều*", "*bản Na*", "*bản Bắc*", "*mười năm tròn*" kết hợp với nghệ thuật đối ngữ tương hỗ (*Rừng thưa em băng >< rừng*

rậm em chơ) và đối ngữ tương phản (*Sáng bản Na >< chiều em qua bản Bắc*) có tác dụng khắc họa đậm nét hình ảnh đáng yêu và sự tận tụy hết lòng, công lao không nhỏ của "*em liên lạc*".

– Nhân dân chính là "*mẹ*". Nghệ thuật liên tưởng (*mẹ - tóc bạc - hòn máu cắt; đau - thức - nuôi; một mùa dài - trọn đời*) và nghệ thuật đổi trật tự cú pháp (*Năm con đau, mẹ thức một mùa dài; Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi*) đã làm nổi bật lên tinh thần quân dân thắm thiết, sâu nặng, đẹp đến muôn đời.

3. Kết bài

– Hơi thở ở cả bốn khổ thơ cũng như cả bài thơ tràn đi như một khúc hát tâm tình, đưa chúng ta trở về hoài niệm - hoài niệm về quá khứ tốt đẹp.

– Nhiều câu thơ trong đoạn thơ rất giàu hình ảnh, nhất là cách nhà thơ phối hợp các nghệ thuật độc đáo đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức lí trí, khoái cảm thẩm mĩ và nhiều tình cảm khác của độc giả.

B. BÀI LÀM

Chế Lan Viên là nhà thơ có tài năng nảy nở rất sớm. Năm 17 tuổi, tập thơ *Điêu tàn* của nhà thơ "*đột ngột xuất bản ra giữa làng thơ như một niềm kinh dị*", rồi hồn thơ ấy cũng sớm bị mai một, khô héo trong sự bế tắc chung của phong trào Thơ mới. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ánh sáng của Đảng và Cách mạng đã soi đường, dẫn lối cho nhà thơ đến với nhân dân và đất nước mến yêu. Tập thơ *Ánh sáng và Phù sa* ra đời đánh dấu bước trưởng thành vững chắc của Chế Lan Viên trên con đường thơ Cách mạng, rất có ý nghĩa đối với nền văn học hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975. Tập thơ thể hiện hành trình tư tưởng và tâm hồn của người nghệ sĩ đi "*từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui*", "*từ chân trời của một người đến chân trời của mọi người*". Tập thơ còn thể hiện lòng biết ơn, sự gắn bó của nhà thơ với Đảng, đất nước, nhân dân và cuộc đời. *Tiếng hát con tàu* là bài thơ vượt thời gian nằm trong tập thơ ấy. Đây là bốn khổ thơ đặc sắc của bài thơ:

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa,
Con nhớ anh con, người anh du kích
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn
Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách
Đêm cuối cùng anh để lại cho con.
Con nhớ em con, thằng em liên lạc.

Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ
Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc
Mười năm tròn! Chưa mất một phong thư.
Con nhớ mế! Lửa hồng soi tóc bạc.
Năm con đau, mế thức một mùa dài
Con với mế không phải hòn máu cắt
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.

Trước khi tìm hiểu đoạn thơ trên, chúng ta cần hiểu hoàn cảnh lịch sử của bài thơ. Đó là giai đoạn 1955 - 1960, sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cứu nước dân tộc ta toàn thắng với chiến dịch Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Miền Bắc hòa bình đang dành nhiều công sức hàn gắn vết thương chiến tranh, hăng hái bắt tay vào công cuộc khôi phục kinh tế, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cũng ở miền Bắc những năm 1958 - 1960, Đảng và nhà nước ta có cuộc vận động nhân dân miền xuôi lên Tây Bắc xây dựng kinh tế miền núi, hưởng ứng cuộc vận động, có rất nhiều văn nghệ sĩ nhiệt tình lên Tây Bắc, trong đó có nhà thơ Chế Lan Viên.

Chủ đề của bài thơ *Tiếng hát con tàu* cũng là chủ đề của cả tập thơ *Ánh sáng và Phù sa*. Ngoại trừ lời đề từ, bài thơ có tất cả 15 khổ thơ, mỗi khổ bốn dòng, chia làm ba đoạn. Đoạn đầu (gồm bốn khổ) là sự trăn trở, giục giã lên đường. Đoạn giữa (7 khổ) là hồi tưởng về những kỉ niệm với nhân dân trong kháng chiến. Đoạn kết (4 khổ thơ cuối) là khúc hát lên đường say mê háo hức.

Bốn khổ thơ trích trên thuộc đoạn giữa. Khổ đầu của trích đoạn nói lên khát vọng trở về như là trở về ngọn nguồn của sự sống:

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.

Chúng ta cần phải hiểu Chế Lan Viên trước khi đến được, gặp được nhân dân mới cảm được "*con gặp lại nhân dân*" là xúc động đến chừng nào. Thật vậy, trước thời điểm ấy, trong thơ Chế Lan Viên, tập *Điêu tàn* xuất hiện một thế giới kinh dị "*đầy sọ người, xương máu, yêu ma*", những ngọn tháp Chàm huyền bí, gầy mòn, đổ nát, những nấm mồ hiện ra trong bóng đêm dày đặc hoặc ánh trăng đơn côi, lạnh lẽo:

Đây những tháp gầy mòn vì mong đợi
Những đền xưa đỗ nát dưới thời gian
Những song vắng lê mình trong bóng tối
Những tượng Chàm lở lói rỉ rên than.

Đồng thời, trong trí tưởng tượng của nhà thơ, còn hiện về những hình ảnh vật vờ của những hồn ma *"sờ soạng dắt nhau đi"* những *"khớp xương rợn trắng"*, *"những dòng huyết đẫm khí tanh hôi"*, những bóng dáng thấp thoáng, hư ảo của chiêm nữ:

Đây những cảnh ngàn sâu cây lả ngọn,
Muôn ma Hời sờ soạng dắt nhau đi
Những rừng thẳm bóng chiều lan hỗn độn
(....)
Rồi lấy ra một khúc xương rợn trắng,
Nút bao dòng huyết đẫm khí tanh hôi,
Tìm những miếng "trần gian" trong tủy cạn,
Rồi say sưa vang cất tiếng reo cười.

(Trên đường về)

Như vậy, khi chưa được gặp nhân dân, nhà thơ hoàn toàn bế tắc vì "chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng sáng tác của nhà thơ bằng những nguồn nhựa sống".

Khổ thơ hàm chứa một tiền giả định. Khi Chế Lan Viên viết: *"Con gặp lại nhân dân"* nghĩa là giữa nhân vật trữ tình và nhân dân vốn đã có một mối quan hệ nhất định. Đó là một mối quan hệ khăng khít, máu thịt. Chính nhân dân đã nuôi nấng, bao bọc, chở che, đồng cam cộng khổ với nhân vật trữ tình và nhiều bộ đội Cụ Hồ khác. Đại từ xưng hô "con" vừa xác định được tính chất, mức độ của mối quan hệ ấy vừa biểu lộ nỗi vui mừng, hạnh phúc vô biên khi nhà thơ tìm gặp được nhân dân - nhịp đập của trái tim mình.

Xét cho cùng, đây là một nghệ thuật thông minh, hội tụ ý nghĩa lớn lao; sự gắn bó không thể chia tách, sự hòa hợp tuyệt đối giữa nhân vật trữ tình với nhân dân. Vả lại, chúng ta vẫn có cảm giác nhà thơ chưa bằng lòng với sự biểu hiện tình cảm qua tập hợp hình chùm ấy. Nhân vật trữ tình dường như muốn bộc bạch nhiều hơn nữa sự gắn bó của mình đối với nhân dân. Mặt khác, thủ pháp nghệ thuật trên còn biểu hiện một sắc thái tình cảm tiềm ẩn: lòng biết ơn vô bờ bến; sự trân trọng, kính yêu vô hạn của nhân vật trữ tình đối với nhân dân.

Nhìn chung, ở khổ thơ đầu của trích đoạn, Chế Lan Viên đã phát huy được sức mạnh cổ điển của phép so sánh tu từ mà Paul, nhà ngôn ngữ học người Đức, thế kỉ XIX đã từng nhận xét rằng: *"Sức mạnh của so sánh là nhận thức"*. Tuy nhiên, đối với Chế Lan Viên, nó không chỉ đơn thuần là một thủ pháp, mà còn nằm trong đặc điểm tư duy của nhà thơ. Vì thế, qua tài năng sáng tạo của nhà thơ, tính trí tuệ của nhà thơ trở nên dồi dào. Từ đó, tính hình tượng, tính truyền cảm lan tỏa khắp tứ thơ, làm rung động tâm hồn những độc giả yêu thơ, say thơ. Vậy nên, hai tiếng "nhân dân" cất lên thiêng liêng, ấm áp, gần gũi lạ thường.

Nếu như ở khổ thơ trên, lòng biết ơn của nhân vật trữ tình còn chất chứa trong một sắc thái tình cảm tiềm ẩn thì ở các khổ thơ sau, tấm lòng ấy bày tỏ cụ thể, chi tiết:

Con nhớ anh con, người anh du kích
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn
Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách
Đêm cuối cùng anh để lại cho con.
Con nhớ em con, thằng em liên lạc.
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ
Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc
Mười năm tròn! Chưa mất một phong thư.
Con nhớ mế! Lửa hồng soi tóc bạc.
Năm con đau, mế thức một mùa dài
Con với mế không phải hòn máu cắt
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.

Đối với nhà thơ, nhân dân chính là "*anh du kích*"; hình ảnh "*chiếc áo nâu*" mộc mạc, dung dị, không chủ yếu gợi sự nghèo khó mà gợi nỗi vất vả, nhọc nhằn của đời lính trong quá trình đi theo tiếng gọi của quê hương, của hồn thiêng sông núi. Nhưng cao cả làm sao cái tấm lòng dũng cảm, sự hi sinh thầm lặng, vì nước quên mình của anh bộ đội.

Hai câu thơ: *Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách*
Đêm cuối cùng anh để lại cho con.

dấy lên trong lòng độc giả nỗi xúc động nghẹn ngào, từng giọt lệ thấm dần qua trang sách, thổn thức canh khuya bởi cái nghĩa cử cao đẹp, cái tình thủy chung tuyệt đối của anh bộ đội Cụ Hồ với đồng chí, đồng đội trước khi trở về hơi ấm của lòng đất mẹ. Ở đây, nghệ thuật điệp ngữ: "chiếc áo nâu" và điệp cấu trúc cú pháp đã khắc họa sâu sắc tình cảm cao thượng, đẹp đẽ của người chiến sĩ cách mạng bất khuất, kiên cường.

Đối với nhà thơ, nhân dân chính là "*em liên lạc*". Em đã dũng cảm, linh hoạt, nhanh nhẹn, băng rừng, lội suối, trèo đèo để đến từng bản làng giao thư, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân. Em làm tròn trách nhiệm không phải chỉ một ngày, một bữa, mà trong quãng thời gian dài: "*Mười năm tròn! Chưa mất một phong thư*". Ở đây, nghệ thuật liệt kê: "*rừng thưa*", "*rừng rậm*", "*băng*", "*chờ*", "*sáng*", "*chiều*", "*bản Na*", "*bản Bắc*", "*mười năm tròn*" kết hợp với nghệ thuật đối ngữ tương hỗ (*Rừng thưa em băng >< Rừng rậm em chờ*) và đối ngữ tương phản (*Sáng bản Na >< Chiều em qua bản Bắc*) có tác dụng khắc họa đậm nét hình ảnh đáng yêu và sự tận tụy hết lòng, công lao không nhỏ của "*em liên lạc*".

Đối với nhà thơ, nhân dân chính là "*mẹ*". Trong thi ca từ xưa đến nay, hình ảnh người mẹ hiện lên bao giờ cũng cao đẹp. Nhưng đẹp trong đau thương chắc có lẽ là hình ảnh những người mẹ trong thơ văn thời kì kháng chiến như *Mẹ Tơm, Mẹ Suốt, Bà má Hậu Giang, Mẹ đào hầm*... Đặc biệt, hình ảnh người mẹ nuôi vùng Tây Bắc thời kháng Pháp trong thơ Chế Lan Viên gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ, cảm xúc. Tuy người mẹ ấy không trực tiếp mang nặng đẻ đau, nuôi dưỡng nhà thơ từ thuở còn nằm nôi nhưng trong những giờ phút đau thương nhất của lịch sử dân tộc đã dành hết tình cảm nơi trái tim mình cưu mang, chăm sóc nhà thơ và các cán bộ trung kiên. Ôi! Đẹp làm sao bóng dáng mế kính yêu bên ngọn lửa hồng bập bùng. Tuổi đã cao, sức yếu, mắt mờ, tóc bạc nhưng "*con đau*" là lòng mế không yên. Mế "*thức một mùa dài*" để lo cho con từng bát thuốc, bát cháo. Ôi! Tình mế mênh mông như biển cả, cao như những ngọn núi trùng điệp của vùng Tây Bắc. Ôi! Ngọn lửa tình thương của mế ấm áp hơn bất cứ lò sưởi nào vào những đêm đông gió lùa qua khe cửa, gió cắt da cắt thịt.

Ở đây, nghệ thuật liên tưởng (*mế - tóc bạc - hòn máu cắt; đau - thức - nuôi; một mùa dài - trọn đời*) và nghệ thuật đổi trật tự cú pháp (*Năm con đau, mế thức một mùa dài; Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi*) đã cho thấy tinh thần quân dân thắm thiết, sâu nặng, đẹp đến muôn đời.

Thêm vào đó, cả ba khổ thơ đều xuất hiện điệp từ "*nhớ*" kết hợp với cách xưng hô thân tình, ruột thịt của chủ đề trữ tình với những con người đại diện cho nhân dân: "*con nhớ anh con*", "*con nhớ em con*", "*con nhớ mế*" có sức khơi gợi sâu xa. Lời thơ như tiếng "cám ơn" từ đáy lòng nhà thơ thốt ra, truyền cảm đến tận lòng người. Ngoài ra, tình cảm ấy còn khơi gợi ý thức trách nhiệm của thế hệ mai sau đối với nhân dân, đối với Tổ quốc mến yêu.

Xét cho cùng, hơi thở ở cả bốn khổ thơ cũng như cả bài thơ tràn đi như một khúc hát tâm tình đưa chúng ta trở về hoài niệm - hoài niệm về quá khứ tốt đẹp bởi lẽ quá khứ là gốc rễ, là nền tảng, là sức mạnh của hiện tại, của tương lai. Đặc biệt, nhiều câu thơ trong đoạn thơ rất giàu hình ảnh, nhất là khổ đầu tiên, hình ảnh so sánh được tập hợp thành tầng tầng lớp lớp vừa lan tỏa, vừa mới lạ, vừa bất ngờ và tài hoa. Ở ba khổ thơ còn lại nhà thơ phối hợp thêm các biện pháp nghệ thuật độc đáo như liệt kê, đối ngữ, liên tưởng, đổi trật tự cú pháp, điệp từ, điệp ngữ đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức lí trí, khoái cảm thẩm mĩ và nhiều tình cảm khác của độc giả.

Tóm lại, đoạn trích thơ trên đây tiêu biểu nhất, là sự kết tinh nghệ thuật của cả bài thơ *Tiếng hát con tàu*. Có thể nói, chính cái "tài" của Chế Lan Viên đã làm tôn lên cái "tình" của nhà thơ với nhiều cung bậc: tình cảm với nhân dân, với đất nước, với kháng chiến. Do đó, thưởng thức *Tiếng hát con tàu*, chúng ta "càng nghĩ thì thấy sâu xa", càng "nghe thì xúc động" dâng tràn.

Phân tích chuỗi đồng nhất trong khổ thơ đề từ của bài thơ *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Bài thơ *Tiếng hát con tàu* là một sự hòa hợp lớn giữa cái "*tôi*" bé nhỏ của nhà thơ với cái "*ta*" lớn rộng theo con đường mới với ánh sáng của Đảng, với nhân dân tình nghĩa và đất nước anh hùng. Khổ thơ đề từ là sự khái quát sâu sắc, nội dung tư tưởng ấy của nhà thơ.

2. Thân bài

Phân tích chuỗi đồng nhất trong khổ thơ đề từ:

– Sự đồng nhất giữa một địa danh cụ thể "Tây Bắc" với những miền đất xa xôi không tên khác: "*Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc?*". Sự đồng nhất đầu tiên đã khẳng định mối hòa hợp tự nhiên về mặt không gian trên mọi miền Tổ quốc.

– Sự đồng nhất thứ hai giữa: "*lòng ta*" và "*những con tàu*"

Khi lòng ta đã hóa những con tàu.

– Khoảng cách từ không gian được co rút lại tới mức hạn hữu nhất, dẫn tới mối đồng nhất thứ ba "*tâm hồn ta là Tây Bắc*". Một phần của quê hương đất nước đã hóa thân, đã hiện hữu trong tâm hồn nhà thơ.

– Mối đồng nhất thứ tư giữa "*tâm hồn ta*" với mọi miền đất nước. Đến đây, sự hòa hợp, gắn bó giữa con người cá nhân nhà thơ với nhân dân, với đất nước đã lên tới tột đỉnh.

3. Kết bài

Khổ thơ đề từ với bốn mối đồng nhất liên tiếp đã lần lượt mở rộng và khẳng định sâu sắc bước chuyển biến lớn lao của một tâm hồn nhà thơ đang khao khát "*phá cô đơn ta hòa hợp với người*". Ngày nay, tuy đường tàu lên Tây Bắc vẫn còn một mơ ước nhưng đã có một "*con tàu hồn thơ Chế Lan Viên*" đang hăm hở trong hành trình đến với nhân dân đất nước vẫn tốc hành mãi trong ta.

B. BÀI LÀM

Với một lớp nhà thơ "*đi xa về hóa chậm*" như Chế Lan Viên, chặng đường thơ "*từ chân trời một người đến chân trời tất cả*" quả không đơn giản. Tuy có những phút "chiều tà ngã bóng" khiến tâm hồn thi nhân xao động nhưng đến bài thơ *Tiếng hát con tàu*, nhà thơ đã đặt dấu chấm hết cho thế giới của cái tôi cô đơn, bế tắc, siêu hình và vận động theo con đường mới với ánh sáng của Đảng. Cả bài thơ là một sự hòa hợp lớn giữa cái "*tôi*" bé nhỏ của nhà thơ với cái "*ta*" lớn rộng theo con đường mới với ánh sáng của Đảng, với nhân dân tình nghĩa và đất nước anh hùng. Khổ thơ đề từ là sự khái quát sâu sắc, nội dung tư tưởng ấy của nhà thơ.

Ở vị trí tiên phong của một đội quân ngôn ngữ đông đảo, lời đề từ đã tạo ra một chuỗi đồng nhất liên tiếp giữa các hình ảnh, khái niệm để phục vụ cho tư tưởng chủ đề:

Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hóa những con tàu
Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát
Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu?

Bắt đầu bằng một sự đồng nhất giữa một địa danh cụ thể "Tây Bắc" với những miền đất xa xôi không tên khác: "*Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc*". Từ một không gian cụ thể, xác định mở ra không gian bao quát, không xác định; từ một Tây Bắc - điểm đến của "con tàu hồn thơ Chế Lan Viên" mở ra cả đất nước rộng lớn - sự đồng nhất đầu tiên đã khẳng định mối hòa hợp tự nhiên về mặt không gian trên mọi miền Tổ quốc.

Sự nối liền không gian ấy được lí giải bằng sự đồng nhất thứ hai giữa "*lòng ta*" và "*những con tàu*" (*Khi lòng ta đã hóa những con tàu*). Hình ảnh con tàu trước lúc rời ga với âm thanh còi tàu giục như sự hối thúc gấp gáp, vội vã để ra đi. Bởi thế, hình tượng con tàu ở đây như là sự hiện thân của khát vọng lên đường. Hơn thế, những con tàu còn có khả năng đi tới mọi nơi dẫu xa xăm cách biệt. Bởi vậy, khi đồng nhất: "*lòng ta*" thành "*những con tàu*" thì khoảng cách về không gian không còn là trở ngại lớn lao đối với con người đang khát khao đến với bầu trời nhân dân cao rộng, đến với những vùng kháng chiến gian lao mà anh dũng.

Khoảng cách từ không gian được co rút lại tới mức hạn hữu nhất, dẫn tới mối đồng nhất thứ ba "*tâm hồn ta là Tây Bắc*". Một phần của quê hương đất nước đã hóa thân, đã hiện hữu trong tâm hồn nhà thơ. Tác giả đã cụ thể hóa một giá trị trừu tượng (Tây Bắc - một địa danh cụ thể, còn tâm hồn là một khái niệm trừu tượng). Câu thơ có thể phi lí là khập khiễng. Nhưng chính sự bất hợp lí ấy trong hình tượng thơ lại diễn tả một cách sâu sắc, hợp lí đến bất ngờ sự gắn bó, hòa hợp của nhà thơ với thiên nhiên với con người Tây Bắc.

Thi nhân đã phát hiện và xác định sự gần gũi, nối liền giữa Tây Bắc với những miền quê xa xôi khác của Tổ quốc. Từ đây người đọc có thể liên tưởng tới mối đồng nhất thứ tư giữa "*tâm hồn ta*" với mọi miền của đất nước. Đến đây, sự hòa hợp gắn bó giữa con người cá nhân nhà thơ với nhân dân, với đất nước đã lên tới tột đỉnh. Chế Lan Viên đã hoàn toàn dứt bỏ được "*thung lũng đau thương*" để ngạo nghễ cắm rễ hồn thơ mình trên "*cánh đồng vui*". "Con tàu hồn thơ" của thi nhân không chỉ dừng lại ở điểm hẹn Tây Bắc mà "*con tàu*" ấy đã vươn tới mọi miền đất nước, vươn tới cả cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Khổ thơ đề từ với bốn mối đồng nhất liên tiếp đã lần lượt mở rộng và khẳng định sâu sắc bước chuyển biến lớn lao của một tâm hồn nhà thơ đang khao khát *"phá cô đơn ta hòa hợp với người"*. Ngày nay, tuy đường tàu lên Tây Bắc vẫn còn một mơ ước nhưng đã có một *"con tàu hồn thơ Chế Lan Viên"* đang hăm hở trong hành trình đến với nhân dân đất nước vẫn tốc hành mãi trong ta.

Phạm Thị Hằng

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên:

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!
Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như kiến cánh hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Tiếng hát con tàu là một trong những bài thơ thành công nổi bật của Chế Lan Viên trong tập thơ *Ánh sáng và Phù sa*.

Bài *Tiếng hát con tàu* được gợi cảm hứng từ một sự kiện kinh tế - xã hội là cuộc vận động nhân dân miền xuôi lên Tây Bắc xây dựng miền núi vào những năm 1958 - 1960 ở miền Bắc. Nhưng không dừng lại ở đó, bài thơ còn là khúc hát về lòng biết ơn, tình yêu và sự gắn bó nhân dân, đất nước của một tâm hồn thơ đã tìm thấy ngọn nguồn nuôi dưỡng và chân trời nghệ thuật mới của mình.

2. Thân bài

a. Khổ 1: Tình cảm gắn bó con người với một vùng đất:

– Nỗi nhớ Tây Bắc choán đầy cả cõi nhớ mênh mang:

+ Nỗi nhớ cảnh sắc núi rừng Tây Bắc:

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?

Nghệ thuật tiểu đối (*Nhớ bản sương giăng >< Nhớ đèo mây phủ*), nghệ thuật điệp cách quãng (*nhớ ... nhớ*) và câu hỏi tu từ *"nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?"*.

+ Hai câu thơ tiếp theo là một sự khám phá, chiêm nghiệm ra một chân lí phổ quát của tình cảm, của đời sống tâm hồn của con người:

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!

Nghệ thuật nhân hóa, điệp từ và tương phản: "*khi ta ở >< khi ta đi*", "*đất ở >< đất đã hóa tâm hồn*".

b. Khổ 2: Ý nghĩa lớn lao của tình yêu, tình cảm của con người đối với một vùng quê:

Mạch thơ đột ngột chuyển sang một rung cảm, suy tưởng về tình yêu và đất lạ:

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như kiến cánh hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.

Nhà thơ đã dùng một chuỗi so sánh tu từ kết hợp với nghệ thuật điệp từ để bày tỏ những triết lí suy ngẫm về tình yêu qua những trải nghiệm của chính cuộc đời mình.

Nhà thơ rút ra một chân lí của đời sống, một quy luật của tình cảm:

Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương

3. Kết bài

Đây là một đoạn thơ đặc sắc, thể hiện khá đậm nét phong cách nghệ thuật thơ Chế Lan Viên. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc và trí tuệ, giữa trữ tình và anh hùng ca.

B. BÀI LÀM

Tiếng hát con tàu là một trong những bài thơ thành công nổi bật của Chế Lan Viên trong tập thơ *Ánh sáng và Phù sa*. Tập thơ có 69 bài được sáng tác trong khoảng những năm 1955 - 1960. "*Ánh sáng dội soi tôi và phù sa bồi đắp tôi, ánh sáng tinh thần và phù sa vật chất và lí tưởng tôi*", Chế Lan Viên giải thích về nhan đề của tập thơ như thế. *Ánh sáng và Phù sa* cơ bản đã giải quyết được vấn đề "riêng chung", nhà thơ đã đi trọn hành trình "*từ chân trời một người đến chân trời tất cả*" (Pôn Eluya).

Cũng như nhiều bài thơ khác trong tập thơ, bài *Tiếng hát con tàu* được gợi cảm hứng từ một sự kiện kinh tế - xã hội là cuộc vận động nhân dân miền xuôi lên Tây Bắc xây dựng miền núi vào những năm 1958 - 1960. Nhưng không dừng lại ở đó, bài thơ còn là khúc hát về lòng biết ơn, tình yêu và sự gắn bó nhân dân, đất nước của một tâm hồn thơ đã tìm thấy ngọn nguồn nuôi dưỡng và chân trời nghệ thuật mới của mình. Trong niềm vui bừng tỉnh, hồn thơ Chế Lan Viên như hóa thành con tàu tâm tưởng

hăm hở trong cuộc hành trình trở về với nhân dân, với cuộc đời rộng lớn. Trong suốt những năm dài tham gia kháng chiến, được sống giữa vòng tay ấm áp của nhân dân Tây Bắc, nhà thơ được ôm ấp biết bao nhiêu kỉ niệm yêu thương về những con người, những miền quê xa xôi, lạ lẫm. Do đó, khi trở về xuôi, nỗi nhớ Tây Bắc choán đầy cả nỗi nhớ mênh mang:

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!
Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như kiến cánh hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.

Hai khổ thơ trên đây thuộc đoạn giữa của bài thơ, là hồi tưởng những kỉ niệm đẹp với nhân dân trong kháng chiến.

Hai câu đầu của trích đoạn là nỗi nhớ cảnh sắc núi rừng Tây Bắc hoang vu, hiểm trở, nhớ những bản làng của dân tộc thiểu số chạy dài tít tắp phía lưng đèo có làn mây quấn quýt, có sương trắng giăng giăng mỗi chiều về hay buổi sớm mai. Câu thơ chợt gợi lại những câu thơ của Tố Hữu:

Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về
(Việt Bắc)

Nghệ thuật tiểu đối (*Nhớ bản sương giăng >< Nhớ đèo mây phủ*), nghệ thuật điệp cách quãng (*nhớ ... nhớ*) và câu hỏi tu từ (*nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?*) vừa lột tả vẻ đẹp Tây Bắc, vừa nhấn mạnh nỗi nhớ cồn cào, da diết, thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng, niềm tự hào sâu sắc của nhà thơ về vùng đất chan chứa ân tình.

Hai câu thơ tiếp theo là một sự khám phá, chiêm nghiệm ra một chân lí phổ quát của tình cảm, của đời sống tâm hồn của con người:

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!

Nghệ thuật nhân hóa, điệp từ và tương phản: "*khi ta ở >< khi ta đi*", "*đất ở >< đất đã hóa tâm hồn*" vừa nói lên tình cảm gắn bó máu thịt của nhà thơ với Tây Bắc vừa làm cho hai câu thơ long lanh sắc màu trí tuệ. "*Đất*" là một thực thể vô tri, "*tâm hồn*" là một thực thể cảm xúc. "*Đất đã hóa tâm hồn*" là một sự chuyển hóa từ trạng thái vô tri vô giác sang trạng thái có cảm xúc. Vì thế những câu thơ này có sức lay động cả tâm hồn và trí tuệ của mỗi người, nó khơi dậy trong ta biết bao ấn tượng, kỉ niệm về

những miền đất xa xôi, ẩn hiện trong mây núi, trong sương khói lãng đãng của hoài niệm.

Mạch thơ đột ngột chuyển sang một rung cảm, suy tưởng về tình yêu và đất lạ:

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như kiến cánh hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.

Nhà thơ đã dùng một chuỗi so sánh tu từ có mô hình A như B, A làm B:

– *Anh bỗng nhớ em* (A) như *đông về nhớ rét* (B)
như *xuân đến chim rừng lông trở biếc.*

– *Tình yêu* (A) làm *đất lạ hóa quê hương* (B)

Mỗi so sánh là một liên tưởng độc đáo, nói lên tình yêu và nỗi nhớ xôn xao, lan tỏa khắp cõi lòng. Kết hợp với nghệ thuật điệp từ, Chế Lan Viên muốn bày tỏ những suy ngẫm về tình yêu qua những trải nghiệm của chính cuộc đời mình: các hiện tượng, sự việc khác (như cái rét với mùa đông, mùa xuân trở biếc với chim rừng). Đó cũng chính là bản chất tình yêu, như một sự khăng khít giữa hai tâm hồn đồng điệu. Đến đây, nhà thơ rút ra một chân lí của đời sống, một quy luật của tình cảm: *Tình yêu làm đất lạ hóa* ***quê hương***.

Câu thơ như một mệnh đề nhấn mạnh cô đúc, giản dị như một chân lí về lối sống tốt đẹp, thủy chung, sâu tình nặng nghĩa. Đặc biệt, ở đây có sự biến đổi kì diệu từ lượng (đất) thành chất (quê hương) mà yếu tố quyết định là "tình yêu". Mặt khác, câu thơ của Chế Lan Viên cũng khơi gợi ở độc giả nhiều liên tưởng và suy tưởng để tự do lòng mình, phát hiện ra vẻ đẹp tiềm ẩn và sự phong phú nơi bề sâu của tâm hồn mình.

Nhìn chung, trong một bài thơ dài, Chế Lan Viên bao giờ cũng sáng tạo nên những câu thơ cô đúc về tình cảm, sâu sắc về triết lí, những câu thơ lại thỉnh thoảng lại lấp lánh lên trong tâm hồn độc giả. Dường như thi sĩ hi vọng rằng những độc giả yêu thơ, say thơ sẽ nhớ mãi hình bóng câu thơ của mình như một châm ngôn, một triết lí sống.

Trên đây là hai trích đoạn thơ đặc sắc, thể hiện khá đậm nét phong cách nghệ thuật thơ Chế Lan Viên. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc và trí tuệ, giữa trữ tình và anh hùng ca. Có thể nói, chính cái "tài" của Chế Lan Viên đã làm tôn vinh cái "tình" của nhà thơ ở nhiều cung bậc: tình cảm với nhân dân, với đất nước, với kháng chiến, tình yêu lứa đôi cao đẹp. Do đó, thưởng thức *Tiếng hát con tàu* chúng ta càng "nghĩ thì thấy sâu xa, càng nghe thì xúc động dâng tràn".

Phân tích bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Xuân Quỳnh là nhà thơ tiêu biểu của lớp nhà thơ trẻ thời chống Mĩ, cũng là gương mặt đáng chú ý của nền thơ Việt Nam hiện đại.

– Bài thơ *Sóng* được viết trong chuyến đi của Xuân Quỳnh về vùng ven biển Diêm Điền, tỉnh Thái Bình, ngày 29/12/1967.

Bài thơ có một âm hưởng dào dạt, nhịp nhàng, gợi ra các nhịp con sóng liên tiếp gối nhau, lúc tràn lên sôi nổi, lúc êm dịu, lắng lại.

2. Thân bài

1. Bài thơ viết về tình yêu nhưng ngay từ đầu nhà thơ không trực tiếp bộc lộ tâm trạng của mình mà mượn "sóng", một hình tượng gần gũi, để nói.

2. Từ tự nhìn lại để nhận thức về tình yêu trong lòng mình dẫn đến nhu cầu phân tích, lí giải. Đó là một quy luật tự nhiên của tâm lí: *Sóng bắt đầu... Khi nào ta yêu nhau.*

3. Tình yêu đi liền với nỗi nhớ. Nỗi nhớ của người phụ nữ đang yêu được diễn tả thật sâu đậm. Bao trùm cả không gian (*Dẫu xuôi về phương Bắc. Dẫu ngược về phương Nam*); chiếm lấy cả tầng sâu và bề rộng (*Con sóng... trên mặt nước*); khắc khoải trong mọi thời gian (ngày, đêm, cả trong mơ). Nó choán đầy cõi lòng, không chỉ trong ý thức mà cả tiềm thức (*Lòng em nhớ đến anh. Cả trong mơ còn thức*).

4. Nhạy cảm với thời gian, ý thức về thời gian gắn với niềm lo âu và khát khao trong hiện tại.

Nhưng âu lo mà không dẫn đến thất vọng. Trái lại, càng sống hết mình, mãnh liệt hơn.

3. Kết bài

Bài thơ thể hiện những cung bậc của tình yêu: có khi mạnh mẽ, táo bạo, nhưng ở đây vẫn mang đậm bản sắc của trái tim người phụ nữ Việt Nam, nồng nhiệt mà cũng rất đôn hậu. Đó cũng là lí do khiến người đọc yêu thích bài thơ và tiếng thơ Xuân Quỳnh trở thành tiếng hát từ trái tim yêu của người phụ nữ Việt Nam.

B. BÀI LÀM

Nếu như Xuân Diệu đã từng thổn thức vì tình yêu, dâng hiến trọn đời cho tình yêu, chạy đua với thời gian để được yêu thì Xuân Quỳnh cũng thế, cũng từng thấp thỏm, lo âu, đau khổ vì yêu. Nhưng dù sao đi nữa, là phận nữ nhi nên người rất ít tỏ ra táo bạo, quá mạnh dạn như Xuân Diệu. Đọc thơ Xuân Quỳnh, ta thường bắt gặp hình ảnh con sóng, chiếc thuyền nói hộ tình yêu... Cũng vì lẽ ấy, suy cho cùng đây chỉ là những chất liệu dung dị, bình thường nhất trong cuộc sống, song lại chứa đựng biết bao ẩn ý, biết bao ẩn tình mà Xuân Quỳnh muốn bày tỏ.

Chúng ta hãy đến với *Sóng* của Xuân Quỳnh để thưởng thức từng vị thương, vị nhớ của một người phụ nữ đang yêu.

Người ta thường ví rằng tình yêu là một bông hoa kì diệu! Vâng! Quả đúng như thế, tình yêu chưa bao giờ đi theo một hướng xác định. Cũng có lúc, người ta nhìn nhận tình yêu là cây đàn muôn điệu gảy lên muôn bản nhạc tình, có khi trầm bổng thiết tha, có khi nghẹn ngào đau đớn, cũng có khi e ấp, nũng nịu, dễ thương. Thì đây, trong bài thơ này, tình cảm của nhân vật "Em" cũng biến thiên như thế!

Sóng là thơ ngũ ngôn, một thể thơ rất phù hợp để kể về một huyền thoại tình yêu đầy ăm ắp những tâm trạng khắc khoải, những cung bậc tình cảm và vì thế bài thơ dễ dàng được phổ nhạc.

Sóng là một hình tượng ẩn dụ, là phương tiện bộc lộ tình cảm của nhân vật "Em":

Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể
Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
... Bồi hồi trong ngực trẻ.

Một câu chuyện cổ tích về tình yêu được nhà thơ Xuân Quỳnh kể lại. Câu chuyện bắt đầu từ một con sóng nhỏ chẳng biết xuất phát từ đâu, sóng hiện ra như một con người có nội tâm nhiều biến động. Hai trạng thái tâm hồn đối lập nhau, giằng xé nhau, buồn vui lẫn lộn. Sóng chẳng hiểu tại sao mình lại cứ "dữ dội" rồi "dịu êm", "ồn ào" rồi "lặng lẽ". Phải chăng sóng đang yêu, yêu âm thầm, lặng lẽ? Vâng! Một tình cảm đang rạo rực trong trái tim người con gái, làm sao ai có thể "định nghĩa được tình yêu". Một buổi chiều mộng? Một lần gặp gỡ? Một phút xao động trong tâm hồn? Người con gái hay chính nhân vật "Em" trong bài đang cố tìm câu giải đáp cho tình yeu, cho sự bâng khuâng, đối lập của lòng mình. Và rồi chỉ còn một lối thoát: con sóng phải tìm ra tận bể cũng như "Em" đi tìm nguồn gốc của tình yêu.

Tâm hồn con người là một cõi mênh mông vô tận. Làm sao ta có thể đi hết cõi vô tận ấy. Và ngay chính trong lúc cõi lòng đang bùng lên ngọn lửa yêu thương thì cô gái trẻ lại càng trăn trở, bâng khuâng, khắc khoải, dằn vặt với chính lòng mình. Phải vượt khỏi cái giới hạn chật hẹp này, phải ao mình vào chân trời bao la, những miền vô tận để hiểu rõ lòng mình. Con sóng đã rời bờ ra đi, đi thật xa, cố tìm hiểu và soi mình với những con sóng khác để biết được sự huyền diệu của tình yêu, mà hiện tại đối với sóng vẫn còn là một bí mật.

Tình yêu là gì? Một nhà thơ Pháp đã từng khẳng định: "Tình yêu là điều mà con người không thể hiểu nổi". Và thế rồi con sóng vẫn đi tìm mãi, tìm mãi:

Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ.

Tình yêu cũng như con sóng, vẫn vĩnh hằng với thời gian và tuổi trẻ. Xuân Diệu đã từng nói: *"Hãy để trẻ con nói cái ngon của kẹo, hãy để tuổi trẻ nói hộ tình yêu"*.

Tình yêu gắn liền với tuổi trẻ. Tuổi trẻ có trái tim dào dạt, đa cảm và rạo rực niềm yêu thương cuộc sống. Chính vì thế mà cái khát vọng tình yêu cứ bồi hồi trong ngực trẻ, nó cứ thúc đẩy tuổi trẻ đi tìm chân lí yêu đương, cũng như con sóng "ngày xưa và ngày sau vẫn thế". Sóng chính là điển hình của sự nhận thức về cái "quy luật" không thể cắt nghĩa được tình yêu:

Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau.

Sóng bắt đầu từ gió - Vâng! Gió bắt đầu từ đâu? Tình yêu bắt đầu từ đâu? - "Em" cũng không biết nữa. Đọc những câu thơ này, ta chợt hình dung cái lắc đầu nhè nhẹ như một sự bất lực của cô gái. Trong khi người con gái cố đi tìm cội nguồn tình yêu thì tình yêu trở thành trò chơi ú tim, không tài nào nắm bắt được. Và thế là, muôn đời tình yêu vẫn là sự bí hiểm.

Tình yêu của "Em" giờ đây trở thành nỗi nhớ da diết, giày vò. Nó choáng đầy cả không gian, nó chiếm cả tầng sâu và bề rộng, nó trải dài trong mọi thời gian. Phạm Đình An đã nhận xét: "Tình yêu trong thơ Xuân Quỳnh không dừng lại ở mức độ yêu buổi đầu giản đơn hò hẹn, non nớt, ngọt ngào, mà là tình yêu hạnh phúc, tình yêu gắn bó với cuộc sống chung với nhiều đòi hỏi ở chiều sâu tình cảm, với nhiều chứng minh của thử thách, mang đậm dấu ấn trách nhiệm". Chính vì thế mà tình yêu của người "Em" ở đây có thể nói không còn bồng bột mà khá chín chắn, có sự can thiệp của lí trí, có ý thức về mặt tình cảm.

Ấy thế mà trong lòng người con gái vẫn trỗi dậy mãnh liệt một nỗi nhớ muôn hình, muôn sắc:

Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được.

Nỗi nhớ của "Em", của tình yêu dữ dội được khởi đầu từ những cái cao cả lớn lao, không tủn ngủn và tầm thường chút nào! Nỗi nhớ ấy da diết, cuốn lấy tâm hồn người con gái! Với Xuân Quỳnh là thế: mọi con sóng đều có bờ, mục đích là vỗ vào bờ, nên khi sóng xa bờ thì phải nhớ bờ, ngày đêm không ngủ được.

Cũng như sóng, nỗi nhớ về "Anh" vẫn trào dâng mãnh liệt:

Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức.

Tình yêu đến, tình yêu mang theo một nỗi nhớ vô bờ đến với "Em", choáng ngợp tâm hồn "Em". Tình yêu đã trở nên đậm đà đến thế, và nỗi nhớ lại càng da diết miên man.

"Có một không gian nào đo chiều dài nỗi nhớ, có khoảng mênh mông nào sâu thẳm hơn tình yêu...". Vâng! Làm sao đo được nỗi nhớ, làm sao đo được tình yêu! "Em" vẫn nhớ đến "Anh", chỉ nhớ về phương anh mà thôi:

Dẫu xuôi về phương Bắc
Dẫu ngược về phương Nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh một phương.

Tình yêu thật huyền diệu! Điều đáng nói là "Em" biết chủ động, biết gửi trao nỗi nhớ về hướng xác định: Phương anh! - Phương của tình yêu: "Rợp trời thương ấy mấy màu xanh suốt, mà em nghiêng hết ấy mấy về phương anh, mà em nghiêng hết ấy mấy về phương anh...". Tình yêu của người phụ nữ thật mãnh liệt nhưng cũng thật trong sáng, dung dị, một tình yêu thủy chung và trọn vẹn. Song, để toàn vẹn mối tình ấy, con sóng phải vượt qua muôn ngàn cách trở:

Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở.

Con sóng muốn tới bờ, phải vượt qua bao giông tố, bão bùng. Em muốn hướng về anh, phải vượt qua bao cạm bẫy cuộc đời. Suy cho cùng, tình yêu phải cần thử thách tôi luyện mới thấy rõ giá trị thực sự của nó. Tình yêu muốn tồn tại cũng phải có sự ra đi và trở lại, phải có sự dồi lên, lắng xuống để cuối cùng trở về với tình yêu hồn nhiên thuở đầu.

Chính tình yêu của anh đã giúp cho em vượt qua tất cả, đón nhận một tình yêu vĩnh cửu - tình yêu lớn lao và cao thượng, không mang màu sắc vị kỉ, riêng rẽ mà là hòa trong cái chung và ở trong cái chung mênh mông ấy, cái riêng sẽ tồn tại mãi mãi:

Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ

Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.

Bài thơ kết thúc rồi mà nhịp điệu êm ái, nhẹ nhàng của tình yêu vẫn còn lắng đọng đâu đây. Bài thơ thành công không chỉ trong việc miêu tả hình tượng "Sóng" mà còn bộc lộ một tình yêu thật sôi nổi, nỗi khao khát tình yêu của một nhà thơ nữ. Đây chính là nét mới mẻ trong thơ ca hiện đại Việt Nam. Trong rất nhiều loài hoa thì bông hoa Xuân Quỳnh tỏa ra một hương thơm riêng, một cách cảm nhận riêng về sóng - biển trong tình yêu. Tình yêu như con sóng mênh mang, vô tận, song cái đích cuối cùng cũng là một tình yêu thứ nhất, vĩnh hằng mãi mãi.

Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ
Trước muôn trùng sóng bể
Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên?
Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu?
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau
Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức

(*Sóng* - Xuân Quỳnh)

Hãy phân tích đoạn thơ trên để làm nổi rõ sức gợi cảm phong phú, ít nhiều có sự mới mẻ của hình tượng "sóng" trong sự liên hệ với nhân vật trữ tình "em".

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Đối với Xuân Quỳnh, mô-típ tình yêu mang đến cho ngòi bút tài hoa của chị nguồn thi hứng nồng nàn như lớp thi nhân trước chị. Một lần,

đứng ở biển Diêm Điềm (29-12-1967), nhìn những con sóng "dữ dội và dịu êm, ồn ào và lặng lẽ", hồn thơ phong phú, trẻ trung, tươi mới, chân thành, sôi nổi khát vọng của chị bỗng cất cánh bay cao. Thế là bài thơ *Sóng* ra đời. Đây là một đoạn thơ có sức gợi cảm phong phú, ít nhiều mới mẻ của hình tượng sóng trong bài thơ cùng tên ấy.

2. Thân bài

a. Sức gợi cảm phong phú của hình tượng "sóng" trong sự liên hệ, đối sánh với nhân vật trữ tình "em":

– Sóng là một hiện tượng vĩnh cửu (sóng ngày xưa và ngày sau vẫn thế) thì khát vọng tình yêu của "em" cũng sẽ "bồi hồi" trong ngực "trẻ" của mọi thời đại. Tình yêu là một đề tài vĩnh cửu.

– Sóng bắt đầu từ đâu cũng như "em" không biết "khi nào ta yêu nhau?".

– Sóng luôn thao thức vì "nhớ bờ" cũng như "em" luôn thao thức vì "nhớ đến anh". Sóng nhớ bờ, con sóng chìm và con sóng nổi, lòng em nhớ anh cả trong ý thức và trong tiềm thức (cả trong mơ còn thức).

b. Sự liên hệ, so sánh giữa "sóng" và "em" cũng tạo nên những liên tưởng, cảm xúc ít có sự mới mẻ:

– "Sóng" và "em" cùng gợi nên một ý niệm về muôn thuở, muôn đời, cùng gợi một nỗi thao thức khôn nguôi, cùng gợi những băn khoăn tìm kiếm đến ngọn nguồn; sóng là sự sống của biển thì nỗi nhớ cũng là bạn đồng hành của tình yêu của "em". Những liên hệ so sánh của nữ sĩ Xuân Quỳnh như vậy ít nhiều có sự mới mẻ.

– Trong sự khác nhau giữa "sóng" và "em" cũng ít nhiều có sự mới mẻ. Sóng nhớ bờ thao thức cả ngày lẫn đêm, nhưng đó vẫn là nỗi nhớ trong thời gian hiện thực, còn "em" nhớ anh, thao thức từ cõi "thực" cho đến cõi "mơ" (cả trong mơ còn thức).

– Việc Xuân Quỳnh dùng sóng trong trạng thái động để gợi tả tình yêu của người phụ nữ tuy không phải là liên tưởng, cảm xúc bất ngờ nhưng vẫn có ít nhiều có sự mới mẻ.

3. Kết bài

Đây là một đoạn thơ đặc sắc, thể hiện rất rõ phong cách thơ trữ tình của nữ sĩ Xuân Quỳnh.

B. BÀI LÀM

Tình yêu là một mô típ muôn thuở trong thi ca. Từ xưa đến nay, từ Đông sang Tây, mô-típ này đã làm hao tốn giấy mực của biết bao thi nhân như Nguyễn Du, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Nguyễn Đình Thi, Victo Huygo, M. Gorki, T. More, Tagore, Puskin,... Với nữ sĩ Xuân Quỳnh, mô-típ tình yêu cũng mang đến cho ngòi

bút tài hoa của chị nguồn thi hứng nồng nàn như lớp thi nhân trước chị. Một lần, đứng ở biển Diêm Điềm (29-12-1967), nhìn những con sóng "dữ dội và dịu êm, ồn ào và lặng lẽ", hồn thơ phong phú, trẻ trung, tươi mới, chân thành, sôi nổi khát vọng của chị bỗng cất cánh bay cao. Thế là bài thơ *Sóng* ra đời. Đây là một đoạn thơ có sức gợi cảm phong phú, ít nhiều mới mẻ của hình tượng sóng trong bài thơ cùng tên ấy:

Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
.....
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức.

Trước hết là sức gợi cảm phong phú của hình tượng "sóng" trong sự liên hệ, đối sánh với nhân vật trữ tình "em": sóng là một hiện tượng vĩnh cửu (sóng ngày xưa và ngày sau vẫn thế) thì khát vọng tình yêu của "em" cũng sẽ "bồi hồi" trong ngực "trẻ" của mọi thời đại. Tình yêu là một đề tài vĩnh cửu:

Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ.

Vả lại, sóng bắt nguồn từ đâu cũng như "em" không biết tình ta bắt đầu từ thời điểm nào:

Trước muôn trùng sóng bể
Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên?
Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu?
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau.

"Khi nào ta yêu nhau"? Đây là câu hỏi muôn đời của những cặp tình nhân, một câu hỏi rất khó trả lời cho chính xác, mà thực sự cũng không có câu trả lời. Nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã có lần viết:

Tôi yêu là bởi tôi yêu
Cầm tay cô hỏi, hỏi nhiều làm chi?
Khi yêu thương đắn đo gì
Phân phô chừ biết nói gì cớ sao
Huống hồ yêu tự khi nào
Hôm qua lòng thấy ngọt ngào mới hay...

Hơn nữa, sóng luôn thao thức vì "nhờ bờ" cũng như "em" luôn thao thức vì "nhớ đến anh":

Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức.

Sóng nhớ bờ có con sóng chìm và con sóng nổi, cũng như lòng em nhớ anh cả trong ý thức và trong tiềm thức (cả trong mơ còn thức).

Ngoài ra, sự liên hệ, so sánh giữa "sóng "và "em" cũng tạo nên những liên tưởng, cảm xúc ít nhiều mới mẻ: "sóng" và "em" cùng gợi nên một ý niệm về muôn thuở, muôn đời, cùng gợi một nỗi thao thức khôn nguôi, cùng gợi những băn khoăn tìm kiếm đến ngọn nguồn; sóng là sự sống của biển thì nỗi nhớ cũng là bạn đồng hành của tình yêu của "em". Những liên hệ so sánh của nữ sĩ Xuân Quỳnh như vậy có ít nhiều sự mới mẻ. Mặt khác, trong sự khác nhau giữa "sóng" và "em" cũng có ít nhiều mới mẻ. Sóng nhớ bờ thao thức cả ngày lẫn đêm, nhưng đó vẫn là nỗi nhớ trong thời gian hiện thực, còn "em" nhớ anh, thao thức từ cõi "thực" cho đến cõi "mơ" ("cả trong mơ còn thức"). Thêm vào đó, việc Xuân Quỳnh dùng sóng trong trạng thái động để gợi tả tình yêu của người phụ nữ tuy không phải là liên tưởng, cảm xúc bất ngờ nhưng vẫn rất lạ. Vì ở một số trường hợp đôi khi chỉ nhìn tình yêu của giới nữ ở trạng thái tĩnh, thụ động.

Tóm lại, đây là một đoạn thơ đặc sắc, thể hiện rất rõ phong cách thơ trữ tình của nữ sĩ Xuân Quỳnh. Với cách xây dựng hình tượng bằng nghệ thuật ẩn dụ, có sức gợi cảm phong phú, với cách cấu tứ độc đáo, với giọng thơ sôi nổi, ngọt ngào, tha thiết, sâu lắng, nữ sĩ Xuân Quỳnh đã mang đến cho những độc giả yêu thơ, say thơ niềm yêu thương, xúc động dâng tràn.

Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh. Cảm nhận của anh (chị) về tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua bài thơ trên.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Trong thơ Việt Nam hiện đại, Xuân Quỳnh được coi là nhà thơ nữ viết hay nhất về tình yêu. Đặc sắc của thơ tình Xuân Quỳnh là tiếng nói trực tiếp, chân thành và mãnh liệt bày tỏ những khát vọng tình yêu của trái tim phụ nữ. Cùng với bài thơ *Thuyền và Biển*, bài thơ *Sóng* được coi là

"hai bài thơ tình thuộc loại hay nhất của Xuân Quỳnh nói riêng và thơ hiện đại Việt Nam nói chung".

2. Thân bài

a. Hình tượng sóng

** Hình ảnh ẩn dụ về tâm hồn người phụ nữ khi yêu*

– Vì sao nhà thơ chọn hình tượng sóng để bộc lộ tâm trạng của người phụ nữ đang yêu?

– Cung bậc tình cảm được thể hiện như thế nào qua hình tượng sóng?

– Cái "tôi" trữ tình của nhà thơ có những suy nghĩ gì?

** Nghệ thuật xây dựng hình tượng sóng*

– Thể thơ

– Cách gieo vần (vần chân)

– Tiết tấu

– Sự liên hoàn về từ ngữ, hình ảnh

b. Tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua bài thơ

– Luôn tự ý thức

– Khát khao mãnh liệt

– Chân thành và táo bạo

– Yêu hết mình, quên mình

– Hướng tới vĩnh cửu

3. Kết bài

Sóng là bài thơ tình tiêu biểu của Xuân Quỳnh. Đó là tiếng lòng vừa dữ dội vừa dịu êm, vừa thao thức không yên, vừa bồi hồi khát vọng. Qua *Sóng*, người đọc càng thêm yêu quý trái tim nồng nàn, đôn hậu của người phụ nữ Việt Nam.

B. BÀI LÀM

Trong thơ Việt Nam hiện đại, Xuân Quỳnh được coi là nhà thơ nữ viết hay nhất về tình yêu. Đặc sắc của thơ tình Xuân Quỳnh là tiếng nói trực tiếp, chân thành và mãnh liệt bày tỏ những khát vọng tình yêu của trái tim phụ nữ. Cùng với bài thơ *Thuyền và Biển*, bài thơ *Sóng* được coi là "hai bài thơ tình thuộc loại hay nhất của Xuân Quỳnh nói riêng và thơ hiện đại Việt Nam nói chung" (Lưu Khánh Thơ).

Trong bài thơ có một hình tượng nghệ thuật xuyên suốt, tạo nên hình hài của tác phẩm. Hình tượng đó là *sóng*. Nhưng sóng cũng chính là trái tim *Dữ dội và dịu êm* của Xuân Quỳnh. Vẻ đẹp của bài thơ hiện lên từ những phát hiện mới lạ của tác giả ở hình tượng sóng. Cùng với sóng, hình tượng em tạo thành cặp sóng đôi, gắn bó, quấn quýt suốt bài thơ. Trên cơ sở đó, nhà thơ bộc lộ mọi cung bậc tình cảm của mình về tình yêu.

Đầu tiên là tứ thơ. Điều phổ biến ở nhiều bài thơ trữ tình là thường dựa vào một cái cớ nào đó để mà cấu tứ. Chẳng hạn: *Hôm qua tát nước đầu đình / Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen...* Rồi: *Sáng mát trong như sáng năm xưa / Gió thổi mùa thu hương cốm mới...* Ngay ở một bài thơ trữ tình chính trị như *Việt Bắc*, khi cấu tứ, Tố Hữu cũng tạo ra một cái cớ: *Mình về mình có nhớ ta / Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng...* Ở *Sóng*, cách cấu tứ hơi khác: *Dữ dội và dịu êm / Ồn ào và lặng lẽ...* Mới nhìn cứ tưởng không khác gì những cách cấu tứ kia. Song, thực ra, ngay từ ban đầu, cái cớ ấy đã là một sự ẩn dụ. Bài thơ mượn hình tượng sóng để tạo tứ, mượn sóng để nói về trái tim con người. Các lớp sóng gối lên nhau, trùng trùng, điệp điệp là những lớp sóng trong trái tim người phụ nữ đang yêu. Và, hẳn nhiên, cuộc kiếm tìm, khám phá về sóng cũng chính là tự khám phá trái tim mình. Ta hãy xem người phụ nữ ấy tự khám phá như thế nào?

Sóng hiện lên trước hết là đối tượng cần nhận thức:

Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể
Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ.

Hóa ra, tính cách sóng thật phức tạp: *Dữ dội và dịu êm, Ồn ào và lặng lẽ*. Cả hai nét tính cách ấy cùng tồn tại ở sóng, có khi mạnh mẽ đến cuồng nhiệt, nhưng lắm lúc sâu lắng, dịu dàng. Bản tính sóng lại thất thường. Đến đây thì không ai nghĩ là nhà thơ nói về sóng nữa mà đó là những cung bậc trong trái tim người con gái đang yêu. Tình yêu luôn có nhu cầu được chia sẻ, giãi bày. Xuân Quỳnh mượn sóng - một hình ảnh rất đẹp, tương xứng với tình yeu để thổ lộ nỗi niềm. Tình cảm ấy chân thực và mãnh liệt. Nhưng dẫu quen thuộc, sóng vẫn hết sức lạ lùng, chưa dễ gì lí giải. Trước trạng thái mâu thuẫn ấy, sóng tự nhận thức:

Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể.

Nỗi trăn trở, khao khát tự khám phá trái tim người phụ nữ đã thổi hồn người vào sóng. Đến lúc tâm trạng dâng trào như những lớp sóng ùa vỡ, trái tim ấy không còn kiềm giữ được nữa. Vì thế, sang khổ thứ hai, tứ thơ chuyển từ sóng sang người, có phần đột ngột nhưng cũng hợp lí, dễ hiểu: *Ôi con sóng ngày xưa / Và ngày sau vẫn thế / Nỗi khát vọng tình yêu / Bồi hồi trong ngực trẻ.* Nhà thơ giãi bày nỗi trăn trở nhưng là giãi bày để mà khẳng định: Tình yêu, từ ngày xưa đến ngày sau, muôn đời vẫn thế!

Mượn sóng để nói về tình yêu, không phải chỉ riêng Xuân Quỳnh. Ca dao, dân ca và nhiều nhà thơ hiện đại đã từng có những liên tưởng thú vị. Có điều, "nét riêng Xuân Quỳnh là tạo ra con sóng mãnh liệt mà đầy nữ tính, giàu trạng thái: có cái bồi hồi rất trẻ trung, có cái dữ dội tương xứng với tình yêu, nhưng còn có cái dịu dàng sâu lắng rất con gái. Xuân Quỳnh xoay trở ngọn sóng yêu đầy âu lo để cảm nhận nó trên nhiều chiều đối lập. Đó là cách cảm nhận nồng nàn mà có chiều sâu, trên cả hai bề mặt cảm xúc và nhận thức" (Nguyễn Quang Trung).

Tiếp tục khai thác hình tượng sóng từ cách cấu tứ của riêng mình, những khổ thơ tiếp theo (khổ 3 đến khổ 7), Xuân Quỳnh đẩy phát triển của bài thơ thêm một bậc nữa: từ sóng gợi lên bao nhiêu điều suy tư về cuộc đời, về con người. Nếu ở trên mới chỉ *Sóng không hiểu nổi mình* thì đến đây là hàng loạt câu hỏi khác: *Sóng bắt đầu từ gió / Gió bắt đầu từ đâu / Em cũng không biết nữa / Khi nào ta yêu nhau*. Đành rằng *Làm sao cắt nghĩa được tình yêu* (Xuân Diệu) nhưng người đời vẫn khát khao tìm kiếm, cắt nghĩa. Bài thơ của Xuân Quỳnh không đơn thuần là giãi bày nỗi lòng khi yêu. Nhu cầu tự nhận thức, nhận thức đến tận cùng khiến bài thơ có chất sâu lắng. Và, quả đúng vậy, tình yêu đâu chỉ là tình yêu, đó là thứ tình cảm mà mỗi khi giãi bày nó đồng thời bộc lộ bản chất con người. Bởi vậy, từ xưa đến nay, đây là thứ tình cảm phức tạp nhất, kì diệu nhất của con người và không ai có thể nói là mình đã hiểu hết.

Hỏi để cuối cùng một câu nói buột ra: *Em cũng không biết nữa*. Có người nói cái hay của bài thơ chính là hỏi nhưng không trả lời được, vì bản chất tình yêu là không thể cắt nghĩa. Thực ra, *Em cũng không biết nữa* là một sự khẳng định, một khẳng định theo kiểu của phụ nữ: không biết mà vẫn biết đấy. Vả lại, tình yêu đã vốn có từ rất lâu rồi. Chúng ta từng chấp nhận những câu thơ lãng mạn, đại loại: *Tôi yêu em từ khi chưa có tuổi...* thì làm sao không thể không chấp nhận, không thể hiểu được cách nói của một nhà thơ nữ?

Tâm trạng người phụ nữ đang yêu tiếp tục bộc lộ với cung bậc mới:

Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức

Dẫu xuôi về phương Bắc
Dẫu ngược về phương Nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh - một phương.

Tình yêu luôn gắn liền với nỗi nhớ. Những câu thơ ở đây có một cặp hình tượng sóng đôi: sóng vỗ vào bờ cả ngày đêm, em nhớ anh cả lúc thức lẫn ngủ. Cặp hình tượng này song hành những cộng hưởng đều nhằm diễn tả nỗi nhớ sâu sắc hơn. Tình yêu đích thực dường như không có giới hạn về cả không gian lẫn thời gian. Nỗi nhớ bao trùm lên tất cả. Chỉ có trái tim yêu hết mình mới có được cung bậc như thế. So với nhiều cách thể hiện tình cảm của người phụ nữ đang yêu trước đó trong thơ Việt Nam, đây là lối bộc lộ có phần táo bạo. Khi đối diện với chính mình, không chút ngại ngần, trái tim yêu ấy đã tự hát và đã hát một cách thành thật. Song, dù mạnh mẽ và táo bạo đến đâu, đấy vẫn là lời tự hát của một trái tim phụ nữ Việt Nam: khát vọng gắn bó thủy chung.

Những khổ thơ cuối của bài, Xuân Quỳnh dồn hết vào việc thể hiện khát vọng đó. Và, ở đây, cũng vẫn là sóng mới đủ sức thể hiện khát vọng lớn lao trong tim người phụ nữ:

Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở

Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa
Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.

Một lần nữa, Xuân Quỳnh thể hiện được sự thức tỉnh ở tâm hồn người phụ nữ khi yêu. Con sóng nào chẳng mong đến bờ? Trái tim yêu nào không thiết tha một sự gắn bó? Cuộc đời thật khó nói trước. Xuân Quỳnh và có lẽ rất nhiều người phụ nữ Việt Nam khác, khi yêu mãnh liệt vẫn có lúc thấp thỏm, âu lo. Song, dù dự cảm có muôn vời cách trở, trái tim yêu cũng không hề đắn đo. Nói đây là niềm tin bồng bột, dễ dãi chắc là không đúng. Tình yêu chân chính, nhất là với phụ nữ Việt Nam, luôn đồng nghĩa với sự hiến dâng.

Sóng là bài thơ tình tiêu biểu của Xuân Quỳnh. Đó là tiếng lòng vừa dữ dội vừa dịu êm, vừa thao thức không yên, vừa bồi hồi khát vọng. Nhà thơ đã khéo chọn sóng, một hình tượng giàu sức biểu cảm, để thể hiện tình yêu như là một giá trị văn hóa lớn của con người. Qua *Sóng*, người đọc càng thêm yêu quý trái tim nồng nàn, đôn hậu của người phụ nữ Việt Nam.

Phân tích đoạn thơ sau trong trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa" mẹ thường hay kể.
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc
Tóc mẹ thì bới sau đầu
Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay, muối mặn
Cái kèo, cái cột thành tên
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng
Đất nước có từ ngày đó...
Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất Nước, là nơi ta hò hẹn
Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm
Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc"
Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi"
Thời gian đằng đẵng
Không gian mênh mông
Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ
Đất là nơi Chim về
Nước là nơi Rồng ở
Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng
Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần người đi trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau
Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ
Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước
Khi hai đứa cầm tay

Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm
Khi chúng ta cầm tay mọi người
Đất Nước vẹn tròn, to lớn
Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất Nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng
Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời.

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ nổi tiếng, quê ở xứ Huế mộng mơ, sinh ra trong một gia đình trí thức cách mạng. Ông là cây bút tiêu biểu của thế hệ những nhà thơ trẻ những năm chiến tranh chống Mĩ.

Thơ ông giàu chất triết lí, thể hiện tình cảm nồng nhiệt của người thanh niên trí thức yêu nước, hăng hái tham gia vào cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Ông đã để lại hai tác phẩm chính: *Đất ngoại ô* (tập thơ - 1972) và *Mặt đường khát vọng* (trường ca - 1974). Đoạn trích trong đề bài thuộc phần đầu, chương V của *Mặt đường khát vọng*.

2. Thân bài

a. *Sự hình thành Đất Nước:* Lâu lắm rồi.

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa" mẹ thường hay kể.

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Cách mở đầu hết sức tự nhiên, bình dị, khơi gợi cảm xúc.

b. Sự lớn lên của Đất Nước

- Khởi nguồn từ lòng yêu nước, đấu tranh chống bè lũ cướp nước:

Khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

- Khởi nguồn từ nền tảng đạo lí tốt đẹp nghìn đời của những con người Việt Nam giàu tình nặng nghĩa:

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay, muối mặn

- Khởi nguồn từ quá trình lao động cần mẫn:

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng.

c. Định nghĩa về Đất Nước

Nhà thơ sử dụng nghệ thuật chơi chữ dựa trên cơ sở những việc tách từ (chiết tự) "Đất" và "Nước" trong "Đất Nước" để làm tăng thêm sự gần gũi, thân thiết, thiêng liêng của Đất Nước đối với mỗi người Việt Nam yêu nước:

Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất Nước, là nơi ta hò hẹn
Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm
Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc"
Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi"
Thời gian đằng đẵng
Không gian mênh mông
Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ
Đất là nơi Chim về
Nước là nơi Rồng ở.

– Đất Nước được cảm nhận theo các phương diện không gian và thời gian, địa lí và lịch sử:

Thời gian đằng đẵng
Không gian mênh mông.

– Tứ thơ khơi dậy hình ảnh một Đất Nước, một dân tộc có chiều dài lịch sử bốn nghìn năm văn hiến, có nguồn gốc con Rồng cháu Tiên rất đáng tự hào:

Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng.

– Vì Đất Nước là nơi mọi người sinh ra, lớn lên và trở về lòng đất mẹ nên phải có trách nhiệm "gánh vác", biết ơn lớp người đi trước:

Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần người đi trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau
Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ.

– Nhà thơ lắng đọng tâm hồn mình, tiếp tục nhắc nhở một lần nữa trách nhiệm của công dân trong việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy cao độ nền văn hóa dân tộc cũng như các giá trị vật chất của nhân dân làm nên:

Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước.

Trên cơ sở đó, nhà thơ mở rộng nội dung:

Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm
...
Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất Nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng.

– Bốn câu cuối cùng của phần trích đoạn là lời tự nhủ, tự khuyên mình của nhà thơ, cũng là lời căn dặn, nhắn gửi thế hệ trẻ phải sống hết mình, sống cho ra sống, sống để bảo vệ, tô điểm, làm đẹp Đất Nước muôn đời.

Em ơi Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời.

3. Kết bài

Những thành công về nghệ thuật của Nguyễn Khoa Điềm trong đoạn thơ trên đã nói hộ chúng ta những tình cảm yêu nước và tự hào dân tộc, vừa nồng nàn vừa sâu lắng, thiết tha.

C. BÀI LÀM

Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ nổi tiếng, quê ở xứ Huế mộng mơ, sinh ra trong một gia đình trí thức cách mạng. Ông là cây bút tiêu biểu của thế hệ những nhà thơ trẻ những năm chiến tranh chống Mĩ. Thơ ông giàu chất triết lí, thể hiện tình cảm nồng nhiệt của người thanh niên trí thức yêu nước, hăng hái tham gia vào cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Ông từng giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin, Tổng Thư kí Hội Nhà văn Việt Nam (Khóa V) và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Khóa IX), Trưởng ban Tư tưởng Trung ương. Ông đã để lại hai tác phẩm chính: *Đất ngoại ô* (tập thơ - 1972) và *Mặt đường khát vọng* (trường ca - 1974). Đoạn trích trong đề bài thuộc phần đầu, chương V của *Mặt đường khát vọng*.

Trích đoạn trên đây thể hiện cảm hứng của nhà thơ về Đất Nước: niềm tự hào dân tộc, tình yêu thương, sự gắn bó và tinh thần xây dựng quê hương.

Tâm sự của nhà thơ về sự hình thành Đất Nước hết sức tự nhiên, bình dị, khơi gợi cảm xúc:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa" mẹ thường hay kể.
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Tiếp theo, nhà thơ nói đến sự lớn lên của Đất Nước. Thứ nhất, sự lớn lên này khởi nguồn từ lòng yêu nước, đấu tranh chống bè lũ cướp nước:

Khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc.

Thứ hai là khởi nguồn từ nền tảng đạo lí tốt đẹp nghìn đời của những con người Việt Nam giàu tình nặng nghĩa:

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay, muối mặn.

Thứ ba là khởi nguồn từ quá trình lao động siêng năng, cần mẫn, một nắng hai sương trên đồng ruộng để làm nên những hạt thóc vàng ươm, những hạt gạo trắng ngần nuôi sống bản thân, gia đình và cộng đồng:

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng.

Sau đó, nhà thơ định nghĩa về Đất Nước:

Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất Nước, là nơi ta hò hẹn
Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm
Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc"
Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi"
Thời gian đằng đẵng
Không gian mênh mông
Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ
Đất là nơi Chim về
Nước là nơi Rồng ở.

Ở đây, nhà thơ đã sử dụng nghệ thuật chơi chữ dựa trên cơ sở những việc tách từ (chiết tự): "Đất" và "Nước" để làm tăng thêm giá trị sự gần gũi, thân thiết, thiêng liêng của Đất Nước đối với mỗi người Việt Nam yêu nước.

Mặt khác, Đất Nước còn được cảm nhận theo các phương diện không gian và thời gian; địa lí và lịch sử:

Thời gian đằng đẵng
Không gian mênh mông.

Tứ thơ khơi dậy hình ảnh một Đất Nước, một dân tộc có chiều dài lịch sử bốn nghìn năm văn hiến, có nguồn gốc con Rồng cháu Tiên rất đáng tự hào:

Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng.

Vì Đất Nước là nơi mọi người sinh ra, lớn lên và trở về lòng đất mẹ nên phải có trách nhiệm "gánh vác", biết ơn lớp người đi trước:

Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái

Gánh vác phần người đi trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau
Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ.

Một lần nữa, nhà thơ lắng đọng tâm hồn mình, nhắc nhở trách nhiệm của công dân trong việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy cao độ nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc cũng như các giá trị vật chất của nhân dân làm nên:

Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước.

Trên cơ sở đó, nhà thơ mở rộng nội dung:

Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm.

Hình ảnh "hai đứa cầm tay" gợi tả sự gắn bó thắm thiết của đôi lứa yêu nhau, là hình ảnh tượng trưng cho hạnh phúc tuổi trẻ, hạnh phúc gia đình. Gia đình là tế bào của xã hội, là một phần của Đất Nước. Sự "hài hòa nồng thắm" ấy có tác dụng khắc sâu sự hòa hợp thân ái giữa cái riêng và cái chung, sự thống nhất giữa tình yêu lứa đôi với tình yêu Đất Nước. Nghệ thuật tăng tiến "hai đưa cầm tay" - "chúng ta cầm tay mọi người" - "Đất Nước vẹn tròn to lớn" có tác dụng miêu tả sự gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng, mở rộng tình yêu đôi lứa đến tình yêu đồng bào, tình đoàn kết dân tộc, phát huy truyền thống "Ba cây chụm lại nên hòn núi cao" để làm nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Ba câu thơ kế tiếp, nhà thơ biểu thị một niềm tin:

Mai đây khi con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất Nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng.

Cụm từ "những tháng ngày mơ mộng" phác họa hình ảnh Đất Nước tươi sáng, huy hoàng, phồn vinh, hùng mạnh, rực rỡ ở tương lai đồng thời biểu thị một niềm tin mãnh liệt, phơi phới vào tài và đức của thế hệ trẻ Việt Nam.

Bốn câu cuối cùng của đoạn trích là lời tự nhủ, tự khuyên mình của nhà thơ cũng là lời căn dặn, nhắn gửi thế hệ trẻ phải sống hết mình, sống cho ra sống, sống để bảo vệ, tô điểm, làm đẹp Đất Nước muôn đời:

Em ơi em đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...

Nghệ thuật liên tưởng liệt kê: "máu xương" - "gắn bó" - "san sẻ" -"hóa thân" kết hợp với điệp từ "phải biết" và lời gọi ngọt ngào, trìu mến "em ơi em" đã làm cho giọng điệu thơ giàu chất chính luận, chất trí tuệ. Thực chất, lời thơ là lời hô hào, kêu gọi, giáo huấn nhưng không khô khan, trừu tượng mà trái lại rất trữ tình, da diết.

Nhìn chung, đây là một đoạn trường ca hay. Từng hình ảnh thơ mang lại cho độc giả sự bay bổng trong trí tưởng tượng; khơi gợi chúng ta những tình cảm tự hào, yêu thương, thủy chung, son sắt với Đất Nước; thổi vào tâm hồn chúng ta chất thơ với nhiều cung bậc. Đặc biệt, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm sử dụng sáng tạo, khéo léo các yếu tố của tục ngữ, ca dao, dân ca, thành ngữ, truyền thuyết, cổ tích, thần thoại trong kho tàng vô cùng quý báu của dân tộc ta. Nếu xét ở thời điểm ra đời (12-1971) thì bài trường ca này còn có tác dụng làm thức tỉnh tinh thần dân tộc của tuổi trẻ các thành thị vùng tạm chiếm miền Nam, nhận thức được bộ mặt xâm lược tàn bạo của đế quốc Mĩ, kêu gọi hướng về nhân dân, Đất Nước, ý thức được sứ mệnh lịch sử của thế hệ mình, đứng dậy đấu tranh hòa nhịp với cuộc chiến đấu của toàn dân tộc.

Tóm lại, những thành công về nghệ thuật của Nguyễn Khoa Điềm trong đoạn thơ trên đã nói hộ chúng ta những tình cảm yêu nước và tự hào dân tộc, vừa nồng nàn vừa sâu lắng, thiết tha.

Phân tích đoạn trích *Đất Nước* (Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) của Nguyễn Khoa Điềm).

A. DÀN BÀI

1. Mở bài

Trong thơ thời chống Mĩ, chủ đề đất nước vốn là chủ đề bao trùm. Những cảm nhận về đất nước của các nhà thơ trẻ thời kỳ này có những nét riêng biệt mang dấu ấn của sự trải nghiệm bằng chính cuộc sống của mình.

Trong sự cảm nhận về đất nước của các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ, tư tưởng về nhân dân là vấn đề cốt lõi.

Đất nước là chương V trong trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm. Cái riêng biệt, độc đáo của đoạn thơ này là sự cảm nhận, phát hiện về đất nước trong một cái nhìn tổng hợp, toàn vẹn, mang đậm tư tưởng nhân dân, sử dụng phong phú các yếu tố của văn hóa, văn học dân gian một cách sáng tạo và rất thích hợp với tư tưởng nhân dân của tác phẩm.

2. Thân bài

a. Cảm nhận về đất nước

Đoạn thơ về đất nước bắt đầu một cách rất bình dị, tạo một sự gần gũi, thân thiết mà không bắt đầu một cách trang trọng. Đất nước ở ngay trong cuộc sống của mỗi gia đình chúng ta, từ lời kể chuyện của người mẹ, miếng trầu của bà, các phong tục tập quán quen thuộc cho đến tình nghĩa thủy chung của cha mẹ, hạt gạo ta ăn hàng ngày, cái kèo cái cột trong nhà...

Tiếp đó là sự cảm nhận đất nước từ các phương diện địa lí, lịch sử.

Tác giả sử dụng sáng tạo các yếu tố của ca dao, truyền thuyết dân gian. Có lúc lấy lại từng phần của câu ca dao, nhưng phần nhiều là sử dụng ý, hình ảnh tạo nên hình tượng thơ mới, vừa gần gũi vừa mới mẻ.

Ý thơ dẫn đến điểm tập trung những suy nghĩ, cảm xúc về đất nước, cũng là điểm mấu chốt của tư tưởng: Đất nước không ở đâu xa mà kết tinh, hóa thân trong cuộc sống của mỗi con người.

Đoạn thơ kết thúc bằng một lời nhắn nhủ với thế hệ trẻ về trách nhiệm với đất nước, tuy là đoạn thơ chính luận nhưng người đọc không cảm thấy là những lời "giáo huấn" mà chỉ như một lời tự nhủ, tự dặn mình, chân thành, tha thiết...

b. Tư tưởng đất nước của nhân dân

Tư tưởng cơ bản của phần này là tư tưởng đất nước của nhân dân. Đây là điểm quy tụ mọi cách nhìn về đất nước trong phần này, cũng là đóng góp của Nguyễn Khoa Điềm làm sâu sắc thêm ý niệm về đất nước của thơ chống Mĩ.

3. Kết bài

Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm góp thêm một thành công trong dòng thơ về đất nước thời chống Mĩ, làm sâu sắc thêm nhận thức về nhân dân và đất nước.

Thành công của bài *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm còn là việc tạo ra một không khí, một giọng điệu, một không gian nghệ thuật riêng.

B. BÀI LÀM

Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ trẻ những năm chống Mĩ - thế hệ có những đóng góp nổi bật cho thơ ca Việt Nam những năm này, đã đem đến cho thơ tiếng nói trữ tình của tuổi trẻ (Lê Anh Xuân, Nguyễn Mĩ, Bằng Việt, Xuân Quỳnh, Vũ Quần Phương, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Nguyễn Khoa Điềm, Thanh Thảo, Hữu Thỉnh...). Trong thơ của lớp nhà thơ này nổi bật lên sự tự ý thức của tuổi trẻ về vai trò, trách nhiệm của mình trong cuộc chiến đấu và sự tự ý thức sâu sắc về đất nước, về nhân dân qua những trải nghiệm của chính mình.

Trong thơ thời chống Mĩ, chủ đề đất nước vốn là chủ đề bao trùm. Những cảm nhận về đất nước của các nhà thơ trẻ thời kỳ này có những nét riêng biệt mang dấu ấn của sự trải nghiệm bằng chính cuộc sống của mình. Lĩnh vực thơ có những tác phẩm tiêu biểu như *Tre Việt Nam* của Nguyễn Duy, *Lửa đèn* của Phạm Tiến Duật, trường ca *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo, *Đường tới thành phố* của Hữu Thỉnh...

Trong sự cảm nhận về đất nước của các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ, tư tưởng về nhân dân là vấn đề cốt lõi: Nhân dân là người tạo dựng nên đất nước, là người gánh chịu những gian lao, làm nên chiến công vĩ đại mà hết sức thầm lặng, vô danh.

Đất nước là chương V trong trường ca *Mặt đường khát vọng*: sự thức tỉnh của thế hệ trẻ ở các thành thị miền Nam, và rộng ra, sự tự nhận thức của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm chiến tranh này là đi đến sự lựa chọn quyết định: đứng về phía nhân dân, Tổ quốc, chia sẻ vận mệnh và trách nhiệm với dân tộc trong cuộc đấu tranh thiêng liêng để giải phóng và bảo vệ đất nước.

Cái riêng biệt, độc đáo của đoạn thơ này là sự cảm nhận, phát hiện về đất nước trong một cái nhìn tổng hợp, toàn vẹn, mang đậm tư tưởng nhân dân, sử dụng phong phú các yếu tố của văn hóa, văn học dân gian một cách sáng tạo và rất thích hợp với tư tưởng nhân dân của tác phẩm.

Đoạn thơ về đất nước bắt đầu một cách rất bình dị, tạo một sự gần gũi, thân thiết mà không bắt đầu một cách trang trọng. Đất nước ở ngay trong cuộc sống của mỗi gia đình chúng ta, từ lời kể chuyện của người mẹ, miếng trầu của bà, các phong tục tập quán quen thuộc (tóc mẹ thì bới sau đầu) cho đến tình nghĩa thủy chung của cha mẹ, hạt gạo ta ăn hàng ngày, cái kèo cái cột trong nhà... Tất cả những điều đó làm cho đất nước trở thành cái gần gũi, thân thiết, bình dị trong cuộc sống hằng ngày của con người:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
Đất nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa" mẹ thường hay kể.
Đất nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn
Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc.

Tiếp đó là sự cảm nhận đất nước từ các phương diện địa lí, lịch sử. Tác giả khai thác các thành tố của đất nước. Việc tìm về từ gốc của từ đất nước là để khai thác cách quan niệm có nét riêng biệt của dân tộc ta về khái niệm này. Ở nhiều ngôn ngữ khác, đất nước thường được cấu tạo từ những gốc là nơi sinh, quê hương... Nhưng trong tiếng Việt, đất nước gồm hai yếu tố hợp thành "đất" và "nước". Cách truy tìm từ gốc, cách "chiết tự" có thể dẫn đến nguy cơ hiểu sai lạc ý nghĩa, hoặc máy móc giản đơn khi

giải thích các khái niệm khoa học. Nhưng ở đây, tư duy nghệ thuật cho phép cách phân tích và cảm nhận theo các phương diện không gian và thời gian, địa lí và lịch sử (Thời gian đằng đẵng - Không gian mênh mông). Từ huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ, truyền thuyết Hùng Vương và ngày giỗ Tổ đã nói lên chiều sâu lịch sử của đất nước Việt Nam. Về mặt không gian địa lí, đất nước không chỉ là núi sông, rừng bể (con chim Phượng Hoàng... con cá Ngư Ông...), mà còn là cái không gian rất gần gũi với cuộc sống mỗi người. "Đất là nơi anh đến trường, Nước là nơi em tắm, Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm" - Và cũng là không gian sinh tồn của cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ (Những ai đã khuất. Những ai bây giờ. Yêu nhau và sinh con đẻ cái. Gánh vác phần người đi trước để lại. Dặn dò con cháu chuyện mai sau...).

Tác giả sử dụng sáng tạo các yếu tố của ca dao, truyền thuyết dân gian. Có lúc lấy lại từng phần của câu ca dao, nhưng phần nhiều là sử dụng ý, hình ảnh tạo nên hình tượng thơ mới, vừa gần gũi vừa mới mẻ (cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn... Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm...).

Trên chiều rộng của không gian địa lí và chiều dài của thời gian lịch sử, đất nước được cảm nhận như sự thống nhất các phương diện văn hóa, truyền thống, phong tục, cái hàng ngày và cái vĩnh hằng, trong đời sống mỗi cá nhân và cả cộng đồng...

Đến đây, ý thơ dẫn đến điểm tập trung những suy nghĩ, cảm xúc về đất nước, cũng là điểm mấu chốt của tư tưởng, phần một của bài:

Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước.

Đất nước không ở đâu xa mà kết tinh, hóa thân trong cuộc sống của mỗi con người.

Sự sống mỗi cá nhân không chỉ là riêng của cá nhân mà còn là của đất nước, bởi mỗi cuộc đời đều được thừa hưởng những di sản văn hóa tinh thần và vật chất của dân tộc, của nhân dân, mỗi cá nhân phải có trách nhiệm gìn giữ, phát triển nó, truyền lại cho các thế hệ tiếp theo.

Đoạn thơ kết thúc bằng một lời nhắn nhủ với thế hệ trẻ về trách nhiệm với đất nước, tuy là đoạn thơ chính luận nhưng người đọc không cảm thấy là những lời "giáo huấn" mà chỉ như một lời tự nhủ, tự dặn mình, chân thành, tha thiết...

Em ơi em, Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...

Tư tưởng cơ bản của phần này là tư tưởng đất nước của nhân dân. Đây là điểm quy tụ mọi cách nhìn về đất nước trong phần này, cũng là đóng góp của Nguyễn Khoa Điềm làm sâu sắc thêm ý niệm về đất nước của thơ chống Mĩ.

Cách nhìn của tác giả về những thắng cảnh, về địa lí là một cách nhìn có chiều sâu và là một phát hiện mới mẻ (đoạn đầu của phần hai, từ "Những người vợ nhớ chồng..." đến "Những cuộc đời đã hóa núi sông ta..."). Những cảnh quan thiên nhiên kì thú (núi Vọng Phu, núi Con Cóc, núi Con Gà hay hòn Trống Mái...) gắn liền với con người, được tiếp nhận, cảm thụ qua tâm hồn và lịch sử dân tộc. Nếu không có người vợ chờ chồng qua các cuộc chiến tranh và li tán thì cũng không có sự cảm nhận về núi Vọng Phu, cũng như thế, nếu không có truyền thuyết Hùng Vương dựng nước thì cũng không thể có sự cảm nhận như vậy về vẻ hùng vĩ của vùng núi đồi xung quanh đền vua Hùng...). Đoạn thơ bằng cách quy nạp hàng loạt hiện tượng để đưa đến một khái niệm sâu sắc: *"Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi, chẳng mang một hình dáng, một ao ước, một lối sống ông cha. Ôi đất nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy, những cuộc đời đã hóa núi sông ta..."*.

Khi nghĩ về bốn nghìn năm của đất nước, nhà thơ không điểm lại các triều đại, các anh hùng nổi tiếng mà nhấn mạnh đến vô vàn những con người vô danh, bình dị:

Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết,
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước.

Tiếp đó bài thơ khai triển thêm ý này: Những con người vô danh và bình dị ấy đã giữ gìn và truyền lại cho các thế hệ sau mọi giá trị văn hóa, văn minh tinh thần và vật chất của đất nước, của dân tộc: hạt lúa, ngọn lửa, tiếng nói, ngôn ngữ dân tộc, cả tên xã, tên làng... Họ cũng là những người khi "có ngoại xâm thì chống ngoại xâm, có nội thù thì vùng lên đánh bại:

Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
Họ truyền lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân.

Nói đến đất nước và dân tộc là nói đến lãnh thổ chủ quyền và văn hóa. Nhưng tất cả các giá trị đó lại được tạo nên bởi người, bởi nhân dân.

Trong từng tấc đất, từng di tích lịch sử, từng câu hò xứ sở, quan họ quê hương... đâu đâu cũng hiện lên bóng dáng nhân dân - giá trị cao nhất trong mỗi giá trị.

Mạch suy nghĩ của bài thơ dẫn đến tư tưởng cốt lõi. Điểm hội tụ và cũng là cao điểm của cảm xúc trữ tình ở cuối đoạn trích này. "Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân". Cũng từ điểm này chúng ta hiểu thêm những ý thơ trên. Và khi nói đến đất nước của Nhân dân, một cách tự nhiên, tác giả trở về với nguồn phong phú đẹp đẽ của văn hóa, văn học dân gian mà tiêu biểu là trong ca dao. Vẻ đẹp tinh thần của nhân dân, hơn đâu hết, có thể tìm thấy trong ca dao, dân ca, truyện cổ tích. "Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại". Câu thơ gồm hai vế song song, đồng đẳng là một cách định nghĩa về đất nước... thật giản dị mà cũng thật độc đáo. Trong cả kho tàng ca dao, dân ca, ở đây tác giả chỉ chọn lọc ba câu để nói về ba phương diện quan trọng nhất của truyền thống nhân dân, dân tộc: thật say đắm trong tình yêu (*yêu em từ thuở trong nôi*), quý trọng tình nghĩa (*quý công cầm vàng những ngày lặn lội*) nhưng cũng thật quyết liệt trong căm thù và chiến đấu (*trồng tre đợi ngày thành gậy, đi trả thù mà không sợ dài lâu...*).

Chúng ta gặp lại cách vận dụng ca dao dân ca một cách sáng tạo, không lặp lại nguyên văn mà chỉ sử dụng ý và hình ảnh của câu ca dao, vẫn gợi nhớ đến câu ca dao nhưng lại trở thành một câu, một ý thơ gắn bó trong mạch thơ của bài.

Tư tưởng đất nước của nhân dân thật ra đã có từ trong lịch sử xa xưa. Những nhà tư tưởng lớn, những nhà văn lớn của dân tộc đã từng nói lên nhận thức về vai trò của nhân dân trong lịch sử (Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu) hoặc cảm thông sâu sắc với số phận của nhân dân, của mọi lớp người trong nhân dân (Nguyễn Du với *Văn Chiêu hồn*, *Truyện Kiều*). Đến nền văn học hiện đại, được soi sáng bằng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, bằng quan điểm Mác-xít về nhân dân và nảy nở từ trong thực tiễn vĩ đại của cuộc cách mạng mang tính nhân dân sâu sắc, văn học từ sau Cách mạng tháng Tám đã đạt đến một nhận thức sâu sắc về nhân dân và cảm hứng về đất nước mang tính dân chủ cao. (Thơ ca kháng chiến chống Pháp là một ví dụ tiêu biểu. Có thể nhớ đến các bài: *Tình sông núi* của Trần Mai Ninh, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm...). Đến giai đoạn chống Mĩ, tư tưởng đất nước của nhân dân một lần nữa được nhận thức sâu sắc thêm bởi vai trò và những đóng góp to lớn, những hi sinh vô vàn của nhân dân trong cuộc chiến tranh dài lâu và cực kỳ ác liệt này.

Tư tưởng ấy được các nhà thơ trẻ chống Mĩ phát biểu một cách thấm thía qua sự trải nghiệm của chính mình như những thành viên của nhân dân, cùng chia sẻ mọi gian lao, hi sinh và được nhân dân che chở, đùm bọc, nuôi dưỡng (*Hơi ấm ổ rơm* của Nguyễn Duy, các trường ca *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo và *Đường tới thành phố* của Hữu Thỉnh đều tập trung nói về gương mặt của những con người bình thường, vô danh trong nhân dân và không phải ngẫu nhiên mà đều bắt đầu bằng hình ảnh người mẹ).

Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm góp thêm một thành công trong dòng thơ về đất nước thời chống Mĩ, làm sâu sắc thêm nhận thức về nhân dân và đất nước.

Thành công của bài *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm còn là việc tạo ra một không khí, một giọng điệu, một không gian nghệ thuật riêng. *Đất nước* đưa ta vào thế giới gần gũi, mĩ lệ và bay bổng của ca dao, truyền thuyết, của văn hóa dân gian nhưng lại mới mẻ qua cảm nhận và tư duy hiện đại, qua hình thức thơ tự do. Đó chính là nét đặc sắc thẩm mĩ, thống nhất với tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân, Đất nước của ca dao thần thoại" của bài thơ.

Đất nước là đoạn thơ trữ tình - chính luận. Chất chính luận ở đây cũng như trong toàn trường ca *Mặt đường khát vọng* là nằm trong ý đồ tư tưởng của tác giả: thức tỉnh tinh thần dân tộc của thế hệ trẻ thành thị miền Nam, để dứt khoát trong sự lựa chọn đứng về phía nhân dân và cách mạng, trong lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra ác liệt. Đoạn thơ thể hiện được chỗ mạnh của thơ Nguyễn Khoa Điềm: kết hợp cảm xúc và suy nghĩ, chính luận và trữ tình. Tuy nhiên, nhược điểm của đoạn thơ này cũng khá rõ: chính luận có chỗ còn nặng nề, lấn áp cảm xúc, nhiều ý triển khai còn trùng lặp, dàn trải, trong mỗi đoạn chưa thật cô đọng để gây ấn tượng tập trung; thêm nữa, nội dung chính luận không phải chỗ nào cũng mới mẻ và sâu sắc.

MỤC LỤC

ĐỀ	Trang
Bệnh thành tích - một "căn bệnh" gây tác hại không nhỏ đối với sự phát triển của xã hội ta hiện nay. Anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ của mình về "căn bệnh" đó.	5
Hiện nay ngành giáo dục đang thực hiện cuộc vận động trung thực trong thi cử. Theo anh (chị), việc thiếu trung thực trong thi cử có tác hại ra sao? Làm thế nào để khắc phục được thái độ đó?	7
Anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ về thói ích kỉ và lòng vị tha trong xã hội ngày nay.	11
Nhà thơ Tố Hữu viết: *Ôi! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn?* Theo anh (chị) thế nào là sống đẹp? Lấy ví dụ thực tế để chứng minh.	14
Phân tích đoạn thơ sau trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu: *Ta về, mình có nhớ ta* *Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.* ..... *Rừng thu trăng rọi hòa bình* *Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*	17
Anh (chị) có ý kiến gì về nhận định sau: *"Thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị"*.	22
Phân tích bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi để thấy rõ những cảm hứng về đất nước của nhà thơ.	26
Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi: *Mùa thu nay khác rồi ... Những buổi ngày xưa vọng nói về.*	32
Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tâm tư trong tù* của nhà thơ Tố Hữu: *Cô đơn thay là cảnh thân tù!* *Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực* ..... *Nghe lạc ngựa rùng chân bên giếng lạnh* *Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về...*	36

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu: *Ta về, mình có nhớ ta* *Ta về, ta nhớ những hoa cùng người* ..... *Rừng thu trăng rọi hòa bình* *Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*	40
Trong bài thơ *Kính gửi cụ Nguyễn Du* của Tố Hữu có đoạn: *Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân* *Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều...* ..... *Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào* *Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường!* Hãy phân tích đoạn thơ trên đồng thời liên hệ với *Truyện Kiều*, cuộc đời và thời đại của Nguyễn Du để làm rõ sự thương cảm của nhà thơ cách mạng đối với cảnh ngộ, số phận của nhân vật Thúy Kiều và của đại thi hào Nguyễn Du.	46
Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Kính gửi cụ Nguyễn Du* của Tố Hữu, qua đó làm rõ thái độ cảm thông, trân trọng của nhà thơ cách mạng đối với đại thi hào dân tộc. *Tiếng thơ ai động đất trời* *Nghe như non nước vọng lời ngàn thu* *Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du* *Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.*	50
Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng. *Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!* *Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi* ..... *Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói* *Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.*	54
Có ý kiến cho rằng, bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng đậm chất lãng mạn. Qua bài thơ, em hãy làm rõ điều này.	59
Bình giảng bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.	62

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng. *Người đi Châu Mộc chiều sương ấy* *Có thấy hồn lau nẻo bến bờ* *Có nhớ dáng người trên độc mộc* *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*	67
Phân tích bài *Tây Tiến* của nhà thơ Quang Dũng.	69
Phân tích đoạn thơ sau trong bài *Đất nước* của nhà thơ Nguyễn Đình Thi: *Sáng mát trong như sáng năm xưa* *Gió thổi mùa thu hương cốm mới* ..... *Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất* *Những buổi ngày xưa vọng nói về.*	75
Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi: *Ôi những cánh đồng quê chảy máu* *Dây thép gai đâm nát trời chiều* *Những đêm dài hành quân nung nấu* *Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.*	81
Phân tích bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi để làm rõ những cảm hứng của nhà thơ.	85
Bình giảng những câu thơ sau trong bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi: *Súng nổ rung trời giận dữ* *Người lên như nước vỡ bờ* *Nước Việt Nam từ máu lửa* *Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.*	91
Phân tích đoạn thơ sau đây trích trong bài *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên: *Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ* *Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa* ..... *Con với mế không phải hòn máu cắt* *Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.*	93

Phân tích chuỗi đồng nhất trong khổ thơ đề từ của bài thơ *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên.	100
Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên: *Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ* *Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?* ..... *Như xuân đến chim rừng lông trở biếc* *Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.*	102
Phân tích bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.	106
Ôi con sóng ngày xưa *Và ngày sau vẫn thế* ..... *Lòng em nhớ đến anh* *Cả trong mơ còn thức* (*Sóng* - Xuân Quỳnh) Hãy phân tích đoạn thơ trên để làm nổi rõ sức gợi cảm phong phú, ít nhiều có sự mới mẻ của hình tượng "sóng" trong sự liên hệ với nhân vật trữ tình "em".	110
Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh. Cảm nhận của anh (chị) về tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua bài thơ trên.	113
Phân tích đoạn thơ sau trong trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm: *Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi* *Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa" mẹ thường hay kể.* ..... *Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở* *Làm nên Đất Nước muôn đời.*	118
Phân tích đoạn trích *Đất Nước* (Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) của Nguyễn Khoa Điềm).	124

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 HÀNG CHUỐI – HAI BÀ TRƯNG – HÀ NỘI

Điện thoại: Biên tập – Chế bản: (04) 39714896

Hành chính: (04) 39714899. Tổng biên tập: (04) 39714897

Fax: (04) 39714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PGS.TS. PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: TS. PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập: THƯ TRANG

Chế bản & trình bày bìa: NS SAO MAI

Đối tác liên kết xuất bản: NS SAO MAI

SÁCH LIÊN KẾT

NHỮNG BÀI VĂN MẪU 12 – TẬP MỘT

Mã số: 2L - 307 ĐH2009

In 2000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại xí nghiệp in Đường sắt Sài Gòn.

Số xuất bản: 930-2009/CXB/10-176/ĐHQGHN, ngày 08/10/09.

Quyết định xuất bản số: 307LK-XH/XB.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2010.